

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI DOANH
NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH

Chủ nhiệm nhiệm vụ: ThS. ĐẶNG THỊ THU HÀ
Đơn vị: KHOA KINH TẾ

NINH BÌNH, 2023

UBND TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LŨ

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI DOANH
NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH

Chủ nhiệm nhiệm vụ: ThS. ĐẶNG THỊ THU HÀ

Đơn vị: KHOA KINH TẾ

Các thành viên: ThS. LÊ THỊ UYÊN

ThS. ĐỖ THỊ THỦY

ThS. PHẠM THỊ OANH

ThS. LÊ THỊ LIỄU

Xác nhận của Chủ tịch HĐ nghiệm thu

Chủ nhiệm nhiệm vụ

NINH BÌNH, 2023

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

MỞ ĐẦU	1
1. Tổng quan tình hình nghiên cứu	1
1.1 Tổng quan các công trình nghiên cứu.....	1
1.2 Hạn chế của các nghiên cứu trước đây và hướng nghiên cứu cho đề tài.....	2
2. Tính cấp thiết của nhiệm vụ KH&CN	3
3. Mục tiêu của nhiệm vụ KH&CN	4
4. Đối tượng nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN	4
5. Phạm vi nghiên cứu.....	4
6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu	4
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	1
1.1 Tổng quan về thuế thu nhập doanh nghiệp	1
1.1.1 Khái niệm, đặc điểm, vai trò của thuế thu nhập doanh nghiệp	1
1.1.2 Căn cứ và phương pháp tính thuế TNDN	3
1.2 Chuẩn mực kế toán thuế TNDN.....	7
1.2.1 Chuẩn mực kế toán thuế TNDN Việt Nam (VAS17).....	7
1.2.2. Chuẩn mực kế toán thuế TNDN quốc tế (IAS 12)	8
1.2.3. So sánh giữa chuẩn mực kế toán thuế TNDN Việt Nam.....	11
1.3. Mối quan hệ giữa chuẩn mực kế toán thuế TNDN với luật thuế TNDN.....	14
1.4. Kế toán thuế TNDN áp dụng trong các doanh nghiệp.....	16
1.4.1. Kế toán thuế TNDN đối với doanh nghiệp áp dụng theo chế độ kế toán doanh nghiệp	17
1.4.2. Kế toán thuế TNDN đối với trong doanh nghiệp áp dụng theo chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa.....	20
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN THUẾ TNDN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH.....	26
2.1 Tổng quan về các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.....	26
2.1.1 Khái quát tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn Tỉnh Ninh Bình.....	26
2.1.2 Khái quát đặc điểm của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình....	27

2.2 Thực trạng kế toán thuế TNDN tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình	28
2.2.1 Kết quả khảo sát tình hình thực hiện kế toán thuế TNDN.....	28
2.2.2 Đánh giá thực trạng kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp.....	44
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN THUẾ TNDN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH	66
3.1. Phương hướng hoàn thiện tình hình thực hiện công tác kế toán thuế TNDN	66
3.1.1 Phương hướng hoàn thiện Luật Kế toán.....	66
3.1.2 Phương hướng hoàn thiện chuẩn mực kế toán	66
3.1.3 Phương hướng hoàn thiện hệ thống kế toán doanh nghiệp	66
3.2. Một số giải pháp hoàn thiện kế toán thuế TNDN đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình	67
3.2.1 Đối với doanh nghiệp	67
3.2.2 Đối với Cục thuế, các chi cục thuế tại Ninh Bình.....	69
3.3 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện kế toán thuế TNDN đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình	71
3.3.1 Về phía Nhà nước	71
3.3.2. Về phía các doanh nghiệp	74
3.3.3. Về phía các tổ chức đào tạo và hội nghề nghiệp.....	75
3.3.4 Về phía người làm công tác kế toán.....	75
KẾT LUẬN CHUNG.....	76
PHỤ LỤC	79

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Stt	Viết tắt	Từ ngữ viết nguyên
1.	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
2.	IAS12	Chuẩn mực kế toán quốc tế
3.	VAS17	Chuẩn mực kế toán Việt Nam
4.	KH & CN	Khoa học và Công nghệ
5.	BCĐKT	Bảng cân đối kế toán
6.	NSNN	Ngân sách nhà nước
7.	KCN	Khu công nghiệp
8.	TSCĐ	Tài sản cố định
9.	TNCT	Thu nhập chịu thuế
10.	GTGT	Giá trị gia tăng

DANH MỤC BẢNG

STT	TÊN BẢNG	TRANG
1	Bảng 1.1: So sánh giữa VAS 17 và IAS 12	12
2	Bảng 2.1: Khái quát doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình	28
3	Bảng 2.2: Loại hình doanh nghiệp	28
4	Bảng 2.3: Chức vụ được khảo sát	29
5	Bảng 2.4: Chế độ kế toán doanh nghiệp đang áp dụng	29
6	Bảng 2.5: Doanh nghiệp áp dụng Chuẩn mực kế toán thuế TNDN	29
7	Bảng 2.6: Doanh nghiệp có hài lòng với việc hỗ trợ khai thuế qua mạng	30
8	Bảng 2.7: Doanh nghiệp có đăng ký nộp thuế điện tử	30
9	Bảng 2.8: Doanh nghiệp được hưởng ưu đãi về thuế TNDN	31
10	Bảng 2.9: Doanh nghiệp tính tiền thuế TNDN tạm nộp hàng quý bằng cách	31
11	Bảng 2.10: Cách thức doanh nghiệp làm khi phát hiện sai sót về doanh thu, chi phí và thuế TNDN phải nộp các năm trước	32
12	Bảng 2.11: Doanh nghiệp được cơ quan thuế kiểm tra, quyết toán thuế TNDN trong 5 năm trở lại đây	32
13	Bảng 2.12: Doanh nghiệp có xây dựng bảng định mức chi phí sản xuất và lập kế hoạch sản xuất	33
14	Bảng 2.13: Hàng năm doanh nghiệp có tham gia các buổi đối thoại giữa doanh nghiệp và cơ quan thuế	33
15	Bảng 2.14: Hàng năm doanh nghiệp có cử nhân viên kế toán tham gia các buổi tập huấn chính sách thuế và hướng dẫn quyết toán thuế TNDN	34
16	Bảng 2.15: Các DN có gặp khó khăn trong quá trình làm báo cáo quyết toán thuế TNDN	34
17	Bảng 2.16: Đánh giá của doanh nghiệp về các phát biểu	35
18	Bảng 2.17: Các doanh nghiệp có xu hướng xác định lợi nhuận kế toán gần giống với thu nhập chịu thuế	41
19	Bảng 2.18: Các doanh nghiệp có xây dựng kế hoạch nộp thuế	42

	TNDN	
20	Bảng 2.19: Các doanh nghiệp có xây dựng quy trình quy trình quản lý các chi phí được trừ và chi phí không được trừ khi xác định thuế TNDN phải nộp	42
21	Bảng 2.20: Doanh nghiệp đang cần được hỗ trợ các chính sách (có thể chọn nhiều đáp án)	43
22	Bảng 2.21: Doanh nghiệp anh chị có nợ đọng thuế quá 6 tháng không	44

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Tên đề tài: Thực trạng và giải pháp hoàn thiện kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Đánh giá thực trạng công tác kế toán thuế TNDN tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán thuế TNDN áp dụng đối với các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh Ninh Bình.

3. Kết quả nghiên cứu

Qua thời gian nghiên cứu, tác giả tổng hợp, phân tích cơ sở lý luận về kế toán thuế TNDN với các nội dung liên quan đến Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, chuẩn mực kế toán thuế TNDN, chế độ kế toán thuế thu nhập và mối quan hệ giữa chúng đến công tác kế toán thuế TNDN. Căn cứ vào kết quả khảo sát các doanh nghiệp trên địa bàn Ninh Bình về thực trạng thực hiện kế toán thuế TNDN tác giả đã làm rõ thực trạng kế toán thuế TNDN tại các doanh nghiệp trên địa bàn. Kết hợp phân tích lý luận và thực tiễn tác giả đưa ra các giải pháp và kiến nghị để hoàn thiện công tác kế toán thuế TNDN tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

4. Đóng góp về mặt Giáo dục và đào tạo, Kinh tế - xã hội

Giáo dục và đào tạo

Nghiên cứu là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho giảng viên, sinh viên Khoa Kinh tế trường Đại học Hoa Lư muốn nghiên cứu khoa học và các các vấn đề liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp, kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

Kinh tế - xã hội

Kết quả nghiên cứu giúp cho các cơ quan quản lý nhà nước trong việc xem xét và sửa đổi các văn bản pháp luật có liên quan đến thuế TNDN, kế toán thuế thu TNDN. Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp trong nghiên cứu giúp cơ quan thuế trên địa bàn tỉnh Ninh Bình thuận lợi trong việc kiểm soát và quản lý thu thuế; các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình minh bạch thông tin kế toán, thuận lợi trong việc kê khai, nộp thuế TNDN.

MỞ ĐẦU

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

1.1 Tổng quan các công trình nghiên cứu

Phan Thị Sen (2013). Giải pháp hoàn thiện Kế toán thuế TNDN - Nghiên cứu tại các doanh nghiệp trên địa bàn TP. HCM, Luận văn thạc sỹ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Hồ Chí Minh.

Trong luận văn này tác giả nghiên cứu về kế toán thuế TNDN, so sánh kế toán thuế TNDN theo chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS12) và kế toán thuế TNDN theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS17), phân tích thực trạng kế toán thuế TNDN tại các doanh nghiệp trên địa bàn TP. HCM, thực trạng kế toán thuế TNDN khi lập báo cáo tài chính riêng, thực trạng kế toán thuế TNDN khi lập báo cáo tài chính hợp nhất tại Công ty Vinamilk. Khảo sát, đánh giá tình hình thực tế kế toán thuế TNDN khi áp dụng Luật thuế và Chuẩn mực kế toán thuế TNDN bằng phương pháp điều tra. Từ đó tác giả đưa ra những kết luận, đánh giá, nhận định và đề xuất các giải pháp hoàn thiện kế toán thuế TNDN tại các doanh nghiệp trên địa bàn TP. HCM.

Trần Thị Kim Dung (2013). Kế toán thuế TNDN tại các doanh nghiệp trên địa bàn Quận 7, TP. HCM - Thực trạng và giải pháp hoàn thiện, Luận văn thạc sỹ kinh tế, Đại học Kinh tế Hồ Chí Minh.

Trong luận văn này tác giả nghiên cứu những vấn đề lý luận để làm sáng tỏ bản chất của thuế TNDN, nghiên cứu các phương pháp kế toán thuế TNDN theo thông lệ và chuẩn mực kế toán quốc tế. Phân tích thực trạng kế toán thuế TNDN tại các doanh nghiệp trên địa bàn Quận 7, TP. HCM. Từ đó tác giả đề xuất một số giải pháp và điều kiện cần thiết nhằm hoàn thiện kế toán thuế TNDN tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Nguyễn Thị Mộng Thơ (2013). Kế toán thuế TNDN trên địa bàn Quận 1, TP. HCM - Thực trạng và giải pháp hoàn thiện, Luận văn thạc sỹ kinh tế, Trường Đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh.

Trong luận văn này tác giả tập trung đánh giá, phân tích thực trạng kế toán thuế TNDN trong các doanh nghiệp trên địa bàn Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Phân tích chế độ kế toán thuế TNDN, thuận lợi và khó khăn khi áp dụng các chuẩn mực. Khảo sát thực tế, phân tích việc thực hiện kế toán thuế TNDN sau khi có chuẩn mực kế toán thuế TNDN cụ thể là các doanh nghiệp trên địa bàn Quận 1, TP. Hồ Chí Minh bằng phương pháp phân tích, tổng hợp, kết hợp với

điều tra, khảo sát, phỏng vấn và dùng sơ đồ, biểu mẫu. Từ đó tác giả đề xuất một số giải pháp và điều kiện cần thiết nhằm hoàn thiện kế toán thuế TNDN.

Trần Thị Tuyết Thanh (2017). Vấn đề kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam, luận văn thạc sỹ kế toán, Trường đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh.

Vũ Thị Kim Oanh (2019). Kế toán thuế TNDN tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Tân Hưng Hà, Luận văn thạc sỹ kế toán, Trường Đại học Lao động - Xã hội.

Trong luận văn này tác giả nghiên cứu những vấn đề lý luận để làm sáng tỏ bản chất của thuế TNDN, nghiên cứu các phương pháp kế toán thuế TNDN theo thông lệ và chuẩn mực kế toán quốc tế. Phân tích thực trạng kế toán thuế TNDN tại doanh nghiệp cụ thể là Công ty cổ phần vật tư và thiết bị Toàn bộ. Từ đó tác giả đưa ra các giải pháp và kiến nghị dành riêng cho Công ty.

1.2 Hạn chế của các nghiên cứu trước đây và hướng nghiên cứu cho đề tài

Tác giả Phan Thị Sen chỉ đánh giá tình hình áp dụng chuẩn mực kế toán thuế TNDN đối với các doanh nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh, so sánh kế toán thuế TNDN theo IAS12 và VAS17.

Các tác giả Trần Thị Kim Dung và Nguyễn Thị Mộng Thơ các giải pháp còn mang tính bao quát, chưa đi sâu áp dụng được vào từng đối tượng doanh nghiệp nên chưa đi sâu vào thực tế. Hơn nữa các đề tài làm từ những năm 2013, đến nay đã có khá nhiều thay đổi liên quan đến thuế TNDN và các chế độ kế toán.

Nghiên cứu của tác giả *Vũ Thị Kim Oanh*, địa chỉ áp dụng chỉ cho một doanh nghiệp duy nhất là *Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Tân Hưng Hà*.

Nghiên cứu của tác giả Trần Thị Tuyết Thanh, dựa trên sự vận dụng hướng dẫn của chuẩn mực kế toán Việt Nam, chuẩn mực kế toán quốc tế, phương pháp tài khoản và ghi sổ kép để theo dõi và ghi nhận thuế TNDN, cũng như quan tâm đến trình bày thông tin trên BCTC; tác giả đưa ra các giải pháp thiết thực nhằm giải quyết những vấn đề vướng mắc liên quan đến công tác kế toán TNDN của các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam. Bên cạnh đó, tác giả cũng đề cập những giải pháp hỗ trợ đối với từng chủ thể liên quan chủ yếu đến chính sách thuế TNDN.

Như vậy các nghiên cứu trước đây nghiên cứu chủ yếu áp dụng nghiên cứu về một khía cạnh liên quan đến thuế TNDN như áp dụng chuẩn mực thuế

TNDN, Luật thuế TNDN... và áp dụng cho một đơn vị hoặc một nhóm đơn vị hoặc một địa bàn nhất định. Tuy nhiên chưa có đề tài nghiên cứu về thực trạng kế toán thuế TNDN đối với các doanh nghiệp tại tỉnh Ninh Bình. Trên cơ sở vận dụng những kết quả và khắc phục những hạn chế của các nghiên cứu trước đây, tác giả nghiên cứu:

Phân tích làm sáng tỏ nội hàm về Luật thuế TNDN, Chuẩn mực kế toán thuế TNDN, kế toán thuế TNDN, chế độ kế toán về thuế TNDN với những văn bản mới nhất và phân tích sự khác biệt nhằm hướng tới đến sự tiệm cận giữa thuế TNDN và Kế toán.

Từ đó đánh giá ưu điểm, hạn chế, phân tích nguyên nhân của hạn chế đề xuất các giải pháp và kiến nghị đồng bộ nhằm hoàn thiện Văn bản Thuế, kế toán và việc áp dụng của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Tính cấp thiết của nhiệm vụ KH&CN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa, tất cả các thành phần kinh tế đều có quyền tự do kinh doanh bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật. Thuế TNDN là một công cụ đặc lực để Nhà nước quản lý vĩ mô. Việc đảm bảo và cải thiện môi trường kinh doanh cho các doanh nghiệp ở nước ta hiện nay là một yêu cầu tất yếu khách quan để nâng cao năng lực cạnh tranh trong và ngoài nước.

Kế toán là một công cụ quan trọng phục vụ cho yêu cầu quản lý, giám sát chặt chẽ, có hiệu quả mọi hoạt động kinh tế, tài chính và cung cấp thông tin đầy đủ, trung thực, kịp thời, công khai và minh bạch, đáp ứng các yêu cầu của các tổ chức và quản lý điều hành của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và cá nhân. Kế toán thuế doanh nghiệp giữ vai trò quan trọng để thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước trong việc đảm bảo ổn định nguồn thu thuế TNDN và thực hiện các chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước. Thuế TNDN là khoản thu phát sinh từ hoạt động kinh doanh và các khoản thu nhập khác nên bên cạnh vai trò là đảm bảo ổn định nguồn thu ngân sách Nhà nước, phân phối thu nhập và khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế – xã hội, khuyến khích chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành và lãnh thổ thì thuế TNDN còn đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong thu hút và thúc đẩy đầu tư ở Việt Nam. Kế toán thuế TNDN có ý nghĩa như một công cụ giúp doanh nghiệp tăng cường công tác quản lý nội bộ cũng như xác định chiến lược kinh doanh trong từng thời kỳ. Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin cần thiết để phục vụ cho yêu cầu quản lý.

Tuy nhiên, hiện tại giữa Luật thuế TNDN và các văn bản liên quan, Luật và chuẩn mực kế toán thuế TNDN và chế độ kế toán thuế TNDN có những khác biệt nhất định do chưa thống nhất, đồng bộ, gây khó khăn, hiểu lầm cho nhiều doanh nghiệp.

Tại địa bàn tỉnh Ninh Bình, trong những năm qua do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid và cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới nên hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, vấn đề nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh cho các doanh nghiệp theo hướng tối thiểu hoá chi phí, gia tăng lợi nhuận kinh doanh, giúp doanh nghiệp ổn định sản xuất và phát triển đang là vấn đề cần được quan tâm hiện nay, làm tốt công tác công tác Kế toán thuế cũng là một giải pháp quan trọng cho vấn đề này.

Như vậy, qua những phân tích ở trên ta thấy kế toán thuế TNDN có vai trò quan trọng đối với Nhà nước, doanh nghiệp. Vì vậy nhóm tác giả lựa chọn đề tài “*Thực trạng và giải pháp hoàn thiện kế toán thuế TNDN đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình*” để giúp giải quyết những vấn đề đặt ra về lý thuyết và thực tiễn và là một trong những vấn đề cấp bách hiện nay.

3. Mục tiêu của nhiệm vụ KH&CN

Đánh giá thực trạng công tác kế toán thuế TNDN tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán thuế TNDN áp dụng đối với các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh Ninh Bình.

4. Đối tượng nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN

Thực trạng kế toán thuế TNDN dưới tác động của Luật thuế TNDN hiện hành, chuẩn mực kế toán thuế TNDN, chế độ kế toán và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

5. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi về nội dung: Đề tài nghiên cứu những vấn đề chung về kế toán thuế TNDN không đi nghiên cứu chi tiết về tổ chức hạch toán kế toán đối với từng doanh nghiệp. Đề tài không đề cập đến thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết, các khoản góp vốn liên doanh và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát trên báo cáo hợp nhất của bên góp vốn liên doanh.

Phạm vi về không gian: Đề tài nghiên cứu trong phạm vi các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Phạm vi về thời gian: Đối với số liệu thứ cấp, thời gian từ năm 2020 đến năm 2023. Đối với dữ liệu sơ cấp, thực hiện khảo sát tháng 3, tháng 4 năm 2023.

6. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Cách tiếp cận

Lý thuyết –Thực trạng – Giải pháp

Phương pháp nghiên cứu:

- Đề tài hệ thống hoá các cơ sở lý luận bằng các phương pháp tổng hợp, phân tích, so sánh; nghiên cứu định lượng với các số liệu thứ cấp để đánh giá khái quát về các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình;

- Phương pháp điều tra chọn mẫu các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình kết hợp với thống kê mô tả, tổng hợp, phân tích... để đánh giá thực trạng kế toán thuế của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình:

Mục tiêu khảo sát:

Khảo sát nhằm thu thập ý kiến đánh giá của các doanh nghiệp về Chính sách thuế TNDN, Chuẩn mực kế toán thuế TNDN và chế độ kế toán thuế TNDN hiện nay có ảnh hưởng như thế nào đến công tác kế toán thuế TNDN tại các doanh nghiệp. Cách thức khảo sát được tác giả thực hiện bằng cách phát bảng câu hỏi khảo sát, tổng số bảng câu hỏi phát ra là 200 bảng, thu về lần thứ nhất được 101 bảng câu hỏi hợp lệ, lần thứ hai thu về được 94 bảng câu hỏi hợp lệ. Như vậy, có tất cả 195 phiếu khảo sát hợp lệ được tác giả sử dụng cho nghiên cứu này. Dựa vào dữ liệu thu thập được từ các phiếu khảo sát, tác giả tiến hành tổng hợp, phân tích và xử lý dữ liệu bằng phần mềm Microsoft Excel.

Dữ liệu nghiên cứu được tác giả thu thập từ hai nguồn:

Dữ liệu sơ cấp: Bảng câu hỏi khảo sát thu được từ phía các doanh nghiệp; kết quả trao đổi, thảo luận với một số công chức tại Cục thuế Ninh Bình và một số Cục thuế và các chi cục Thuế Ninh Bình: Như Cục thuế và các chi cục Thuế Ninh Bình khu vực Ninh Bình – Hoa Lư; Cục thuế và các chi cục Thuế Ninh Bình khu vực Nho Quan – Gia Viễn; Cục thuế và các chi cục Thuế Ninh Bình khu vực Tam Điệp – Yên Mô..., nhằm làm rõ và đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện về kế toán thuế TNDN đối với cơ quan Quản lý Nhà nước.

Dữ liệu thứ cấp: Dữ liệu thứ cấp là các công trình nghiên cứu trước đây, Các bài báo, bài nghiên cứu trên website của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế, Tạp chí Thuế liên quan đến Kế toán thuế TNDN, Luật kế toán, Chuẩn mực kế toán thuế TNDN, Luật thuế TNDN, các thông tư hướng dẫn về thuế TNDN...

Đối tượng được khảo sát

Đối tượng được khảo sát là các doanh nghiệp vừa và nhỏ và doanh nghiệp lớn trên địa bàn Tỉnh Ninh Bình.

Nội dung khảo sát

Nội dung khảo sát được tác giả trình bày dưới dạng bảng câu hỏi, tập trung khảo sát đối với các quy định về thuế TNDN, chế độ kế toán thuế TNDN, Chuẩn mực kế toán thuế TNDN và cải cách thủ tục hành chính về thuế TNDN hiện nay có ảnh hưởng như thế nào đến công tác kế toán thuế TNDN. Bên cạnh đó, tác giả cũng thiết kế các câu hỏi khác có liên quan và một số câu hỏi mở, nội dung được trình bày tại Phụ lục số 1.

Thông tin về doanh nghiệp được khảo sát

Thông tin về các doanh nghiệp được khảo sát được tác giả trình bày trong bảng Phụ lục số 2.

Cơ sở để đưa ra nội dung khảo sát

Các quy định của pháp luật về thuế TNDN, kế toán thuế TNDN; các văn bản có liên quan đến cải cách thủ tục hành chính về thuế TNDN.

Phương pháp khảo sát

Khảo sát được thực hiện đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Cách thức khảo sát, tác giả trực tiếp phát các bảng câu hỏi khảo sát để thu thập ý kiến của các doanh nghiệp.

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

1.1 Tổng quan về thuế thu nhập doanh nghiệp

1.1.1 Khái niệm, đặc điểm, vai trò của thuế thu nhập doanh nghiệp

Khái niệm:

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 17 – Thuế TNDN: *“Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký Hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Thuế TNDN bao gồm cả các loại thuế liên quan khác được khấu trừ tại nguồn đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động tại Việt Nam không có cơ sở thường trú tại Việt Nam được thanh toán bởi công ty liên doanh, công ty liên kết hay công ty con tính trên khoản phân phối cổ tức, lợi nhuận (nếu có); hoặc thanh toán dịch vụ cung cấp cho đối tác, cung cấp dịch vụ cho nước ngoài theo quy định của Luật thuế TNDN hiện hành”.*¹

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) xuất hiện rất sớm trong lịch sử phát triển của thuế. Hiện nay ở các nước phát triển, thuế TNDN giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc đảm bảo ổn định nguồn thu ngân sách Nhà nước và thực hiện phân phối thu nhập. Mức thuế cao hay thấp áp dụng cho các chủ thể thuộc đối tượng nộp thuế TNDN là khác nhau, điều đó phụ thuộc vào quan điểm điều tiết thu nhập và mục tiêu đặt ra trong phân phối thu nhập của từng quốc gia trong từng giai đoạn lịch sử nhất định.

Ở Việt Nam, Luật thuế TNDN được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 10/5/1997 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/1999 thay cho Luật thuế lợi tức. Cùng với công cuộc cải cách thuế bước I năm 1990, Luật thuế lợi tức đã được ban hành. Tuy nhiên qua 8 năm thực hiện, Luật thuế lợi tức dần dần bộc lộ nhiều nhược điểm và không còn phù hợp với tình hình kinh tế Việt Nam trong giai đoạn mới: giai đoạn mở rộng quan hệ hợp tác với các nước trong khu vực và trên thế giới. Vì vậy, Luật thuế TNDN đã được ban hành nhằm đảm bảo sự phù hợp với yêu cầu phát triển của nền kinh tế trong giai đoạn mới. Đến ngày 17/06/2003, Quốc hội đã thông qua luật thuế TNDN số 09/2003/QH11, có hiệu lực từ ngày 01/01/2004. Ngày 03/06/2008, Quốc hội đã ban hành luật thuế TNDN số 14/2008/QH12, có hiệu lực kể từ ngày

01/01/2009. Ngày 19/06/2013, Quốc hội đã ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2014. Luật Quản lý Thuế số 38/2019/QH 14, ban hành ngày 13/06/2019, có hiệu lực thi hành từ 01/07/2019 là một dấu mốc quan trọng trong các văn bản thuế. Trải qua một thời gian dài từ năm 1997 đến nay đã có rất nhiều các nghị định, thông tư được ban hành, thay thế và bổ sung để hướng dẫn, triển khai thực hiện Thuế TNDN.

Đặc điểm:

Ngoài các đặc điểm chung của thuế là có tính cưỡng chế, tính pháp lý và là khoản đóng góp không hoàn trả trực tiếp. Thuế TNDN còn có một số đặc điểm cụ thể như sau:

Thuế TNDN là loại thuế trực thu: Vì người nộp thuế là người trực tiếp chịu thuế. Người nộp thuế TNDN là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế theo quy định của Luật doanh nghiệp (gọi chung là Doanh nghiệp).

Thuế TNDN là loại thuế đánh vào lợi nhuận của doanh nghiệp. Lợi nhuận là phần thu nhập còn lại sau khi đã trừ đi chi phí liên quan để tạo ra thu nhập đó.

Thuế TNDN là một loại thuế phức tạp, có tính ổn định không cao: Việc quản lý thuế, thu thuế tương đối khó khăn, chi phí quản lý thuế thường lớn hơn so với các thuế khác. Đối với thuế TNDN, ngoài việc xác định các khoản thu nhập chịu thuế còn phải xác định nguồn gốc thu nhập, địa điểm phát sinh thu nhập, tính ổn định của thu nhập... Trong phần xác định thu nhập chịu thuế, phải xác định được các khoản khấu trừ hợp lý để tiến hành khấu trừ khi tính thuế nhằm bảo đảm mục tiêu công bằng và khuyến khích đối với đối tượng nộp thuế.

Nguồn luật điều chỉnh quan hệ thuế TNDN bao gồm các văn bản quy phạm pháp luật thuế quốc gia và văn bản quy phạm pháp luật thuế quốc tế. Bởi thuế TNDN là thuế trực thu nên nó có thể là đối tượng được điều chỉnh bởi hiệp định tránh đánh thuế hai lần.

Vai trò: Thuế TNDN có vai trò quan trọng, cụ thể như gồm:

Một là: Thuế TNDN là nguồn thu quan trọng của ngân sách Nhà nước

Người nộp thuế TNDN rất rộng, gồm tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế theo quy định của Luật thuế TNDN cụ thể:

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam;

- Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài (sau đây gọi là doanh nghiệp nước ngoài) có cơ sở thường trú hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam;

- Tổ chức được thành lập theo Luật Hợp tác xã;

- Đơn vị sự nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam;

- Tổ chức khác có hoạt động sản xuất, kinh doanh có thu nhập.

Hai là: Thuế TNDN là công cụ quan trọng để Nhà nước thực hiện chức năng tái phân phối thu nhập, đảm bảo công bằng xã hội. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường ở nước ta, tất cả các thành phần kinh tế đều có quyền tự do kinh doanh và bình đẳng trên cơ sở pháp luật. Các doanh nghiệp với lực lượng lao động có tay nghề cao, năng lực tài chính mạnh thì doanh nghiệp đó sẽ có ưu thế và có cơ hội để nhận được thu nhập cao; ngược lại các doanh nghiệp với năng lực tài chính, lực lượng lao động bị hạn chế sẽ nhận được thu nhập thấp, thậm chí không có thu nhập. Để hạn chế nhược điểm đó, Nhà nước sử dụng thuế TNDN làm công cụ điều tiết thu nhập của các chủ thể có thu nhập cao, đảm bảo yêu cầu đóng góp của các chủ thể kinh doanh vào ngân sách Nhà nước được công bằng, hợp lý.

Ba là: Thuế TNDN là công cụ quan trọng để góp phần khuyến khích, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển theo chiều hướng kế hoạch, chiến lược, phát triển toàn diện của Nhà nước. Nhà nước ưu đãi, khuyến khích đối với các chủ thể đầu tư, kinh doanh vào những ngành, lĩnh vực và những vùng, miền mà Nhà nước có chiến lược ưu tiên phát triển trong từng giai đoạn nhất định.

Bốn là: Thuế TNDN là một trong những công cụ quan trọng của Nhà nước trong việc thực hiện chứng năng điều tiết các hoạt động kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ phát triển kinh tế nhất định.

1.1.2 Căn cứ và phương pháp tính thuế TNDN

Căn cứ tính thuế là thu nhập tính thuế và thuế suất.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = (\text{Thu nhập tính thuế} - \text{Phần trích lập quỹ KH\&CN (nếu có)}) \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

$$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \text{Thu nhập được miễn thuế} + \text{Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định}$$

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = \text{Doanh thu} - \text{Chi phí được trừ} + \text{Các khoản thu nhập khác}$$

1.1.2.1 Thu nhập tính thuế (TNTT)

Thu nhập tính thuế (TNTT) trong kỳ tính thuế được xác định bằng thu nhập chịu thuế (TNCT) trừ thu nhập được miễn thuế và các khoản lỗ được kết chuyển từ các năm trước.

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phải xác định riêng để kê khai nộp thuế.

Thu nhập từ chuyển nhượng dự án đầu tư (trừ dự án thăm dò, khai thác khoáng sản), thu nhập từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư (trừ chuyển nhượng quyền tham gia dự án thăm dò, khai thác khoáng sản), thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản nếu lỗ thì số lỗ này được bù trừ với lãi của hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế.

a. Thu nhập chịu thuế (TNCT)

Về nội dung: thu nhập chịu thuế bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và thu nhập khác.

Doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ở nước ngoài chuyển phần thu nhập sau khi đã nộp thuế TNDN ở nước ngoài của doanh nghiệp về Việt Nam thì đối với các nước mà Việt Nam đã ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thì thực hiện theo quy định của Hiệp định; đối với các nước mà Việt Nam chưa ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thì trường hợp thuế TNDN ở các nước mà doanh nghiệp chuyển về có mức thuế suất thuế TNDN thấp hơn thì thu phần chênh lệch so với số thuế TNDN tính theo Luật Thuế TNDN của Việt Nam.

Theo công thức thành phần: TNCT bằng doanh thu trừ các khoản chi được trừ của hoạt động sản xuất, kinh doanh cộng thu nhập khác, kể cả thu nhập nhận được ở ngoài Việt Nam:

*) **Doanh thu:** Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế là toàn bộ tiền bán hàng hóa, tiền gia công, tiền cung cấp dịch vụ bao gồm cả khoản trợ giá, phụ

thu, phụ trội mà doanh nghiệp được hưởng không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Có 3 trường hợp cơ bản xác định doanh thu như sau:

- Đối với doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế là doanh thu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

- Đối với doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng là doanh thu bao gồm cả thuế giá trị gia tăng.

- Doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh dịch vụ mà khách hàng trả tiền trước cho nhiều năm thì doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được phân bổ cho số năm trả tiền trước hoặc được xác định theo doanh thu trả tiền một lần. Trường hợp doanh nghiệp đang trong thời gian hưởng ưu đãi thuế việc xác định số thuế được ưu đãi phải căn cứ vào tổng số thuế TNDN phải nộp của số năm thu tiền trước chia (:) cho số năm thu tiền trước.

Thời điểm xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được xác định như sau:

- Đối với hoạt động bán hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hóa cho người mua.

- Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc hoàn thành từng phần việc cung ứng dịch vụ cho người mua trừ trường hợp nêu tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 78/2014/TT-BTC, Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC.

- Đối với hoạt động vận tải hàng không là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ vận chuyển cho người mua.

- Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

***) Chi phí được trừ:** Trừ các khoản chi không được trừ, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các 03 điều kiện sau:

- Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

- Khoản chi nếu có hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

****) Thu nhập khác***

Thu nhập khác bao gồm: thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền góp vốn; thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; thu nhập từ quyền sử dụng tài sản, quyền sở hữu tài sản, kể cả thu nhập từ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật; thu nhập từ chuyển nhượng, cho thuê, thanh lý tài sản, trong đó có các loại giấy tờ có giá; thu nhập từ lãi tiền gửi, cho vay vốn, bán ngoại tệ; khoản thu từ nợ khó đòi đã xóa nay đòi được; khoản thu từ nợ phải trả không xác định được chủ; khoản thu nhập từ kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót và các khoản thu nhập khác.

b. Thu nhập được miễn thuế

Theo điều 4, văn bản hợp nhất Luật thuế TNDN số 14/VBHN-VPQH ngày 15 tháng 07 năm 2020 của Quốc hội có 11 nhóm thu nhập được miễn thuế (thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản, sản xuất muối của hợp tác xã ...; thu nhập từ việc thực hiện dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ nông nghiệp; Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm đang trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm, sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu áp dụng tại Việt Nam; thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp có từ 30% số lao động bình quân trong năm trở lên là người khuyết tật, người sau cai nghiện, người nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) và có số lao động bình quân trong năm từ hai mươi người trở lên, không bao gồm doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, kinh doanh bất động sản; thu nhập từ hoạt động dạy nghề dành riêng cho người dân tộc thiểu số, người tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đối tượng tị nạn xã hội; thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn, liên doanh, liên kết với doanh nghiệp trong nước, sau khi đã nộp thuế TNDN theo quy định của Luật này; khoản tài trợ nhận được để sử dụng cho hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, văn hóa, nghệ thuật, từ thiện, nhân đạo và hoạt động xã hội khác tại Việt Nam... thu nhập từ chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao cho tổ chức, cá nhân ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn).

c. Các khoản lỗ được kết chuyển

Doanh nghiệp có lỗ được chuyển lỗ sang năm sau; số lỗ này được trừ vào thu nhập tính thuế. Thời gian được chuyển lỗ không quá năm năm, kể từ năm tiếp theo năm phát sinh lỗ.

Doanh nghiệp có lỗ từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư sau khi đã thực hiện bù trừ bù trừ với lãi của hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ tính thuế nếu còn lỗ và doanh nghiệp có lỗ từ hoạt động chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác khoáng sản được chuyển lỗ sang năm sau vào thu nhập tính thuế của hoạt động đó. Thời gian chuyển lỗ là 5 năm.

1.1.2.2 Thuế suất thuế TNDN

Thuế suất phổ thông hiện hành là 20%, trừ một số trường hợp áp dụng thuế suất ưu đãi theo Luật thuế TNDN và thuế suất thuế TNDN đối với hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu, khí và tài nguyên quý hiếm khác tại Việt Nam từ 32% đến 50% phù hợp với từng dự án, từng cơ sở kinh doanh.

1.2 Chuẩn mực kế toán thuế TNDN

1.2.1 Chuẩn mực kế toán thuế TNDN Việt Nam (VAS17)

Chuẩn mực kế toán thuế TNDN áp dụng để kế toán thuế TNDN. Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế TNDN, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký Hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Thuế TNDN bao gồm cả các loại thuế liên quan khác được khấu trừ tại nguồn đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động tại Việt Nam không có cơ sở thường trú tại Việt Nam được thanh toán bởi công ty liên doanh, liên kết hay công ty con tính trên khoản phân phối cổ tức, lợi nhuận (nếu có), hoặc thanh toán dịch vụ cung cấp cho đối tác cung cấp dịch vụ nước ngoài theo quy định của Luật thuế TNDN hiện hành.

Mục đích của chuẩn mực: quy định và hướng dẫn các nguyên tắc, phương pháp kế toán thuế TNDN. Kế toán thuế TNDN là kế toán những nghiệp vụ do ảnh hưởng của thuế TNDN trong năm hiện hành và trong tương lai của:

- Việc thu hồi hoặc thanh toán các khoản trong tương lai giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả đã được ghi nhận trong Bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp;

- Các giao dịch và sự kiện khác trong năm hiện tại đã được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh.

Nguyên tắc: khi ghi nhận một tài sản hay nợ phải trả trong báo cáo tài chính thì doanh nghiệp phải dự tính khoản thu hồi hay thanh toán giá trị ghi sổ của tài sản hay khoản nợ phải trả đó.

- Khoản thu hồi hay thanh toán dự tính thường làm cho số thuế TNDN phải trả trong tương lai lớn hơn hoặc nhỏ hơn so với số thuế TNDN phải nộp trong năm hiện hành mặc dù khoản thu hồi hoặc thanh toán này không có ảnh hưởng đến tổng số thuế TNDN.

- Chuẩn mực này yêu cầu doanh nghiệp phải ghi nhận khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại, ngoại trừ một số trường hợp nhất định.

Chuẩn mực này yêu cầu doanh nghiệp: phải kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh do ảnh hưởng về thuế thu nhập doanh nghiệp của các giao dịch và các sự kiện theo cùng phương pháp hạch toán cho chính các giao dịch và các sự kiện đó.

Chuẩn mực yêu cầu doanh nghiệp phải kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh do ảnh hưởng về thuế TNDN của các giao dịch và các sự kiện theo cùng phương pháp hạch toán cho chính các giao dịch và các sự kiện đó:

- Nếu các giao dịch và các sự kiện được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thì tất cả các nghiệp vụ phát sinh do ảnh hưởng của thuế thu nhập doanh nghiệp có liên quan cũng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Nếu các giao dịch và các sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu thì tất cả các nghiệp vụ phát sinh do ảnh hưởng thuế thu nhập doanh nghiệp có liên quan cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Chuẩn mực này còn đề cập đến: việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng hoặc từ các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp chưa sử dụng; việc trình bày thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và việc giải trình các thông tin liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.2.2. Chuẩn mực kế toán thuế TNDN quốc tế (IAS 12)

Thứ nhất: Về phương pháp tiếp cận trong kế toán thuế thu nhập

IAS 12 nghiêm cấm kế toán thuế thu nhập hoãn lại bằng việc sử dụng phương pháp hoãn lại (deferral method) và yêu cầu sử dụng phương pháp nợ phải trả tiếp cận bằng cân đối kế toán.

Hiện nay, chuẩn mực kế toán quốc tế về thuế thu nhập yêu cầu sử dụng một phương pháp duy nhất để kế toán thuế TNDN đó là phương pháp nợ phải trả tiếp cận bằng cân đối kế toán. Theo đó, khoản chênh lệch được xác định để tính thuế thu nhập hoãn lại là chênh lệch tạm thời chứ không phải chênh lệch thời gian như phương pháp nợ phải trả tiếp cận báo cáo thu nhập.

Chênh lệch tạm thời bao gồm chênh lệch thời gian và các khoản chênh lệch tạm thời khác. Trong đó: Chênh lệch thời gian là chênh lệch giữa thu nhập chịu thuế và lợi nhuận kế toán phát sinh trong một giai đoạn và được hoàn nhập trong một hoặc một số giai đoạn kế tiếp.

Các khoản chênh lệch tạm thời khác (không phải chênh lệch thời gian) như: công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh không phân chia lợi nhuận cho công ty mẹ hoặc nhà đầu tư; Tài sản được đánh giá lại giá trị và không có sự điều chỉnh cho mục đích tính thuế;

Tài sản và nợ phải trả trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý cho phù hợp với IFRS3 - Hợp nhất kinh doanh nhưng không có sự điều chỉnh tương ứng cho mục đích tính thuế.

Tài sản hoặc nợ phải trả phi tiền tệ được đo rườm bằng tiền tệ chính thức nhưng theo cơ sở thuế lại được đo rườm bằng một loại tiền tệ khác.

Tài sản hoặc nợ phải trả phi tiền tệ được trình bày theo IAS 29 - Báo cáo tài chính trong nền kinh tế siêu lạm phát. Giá trị tài sản hoặc nợ phải trả trong ghi nhận ban đầu khác với cơ sở thuế.

Thứ hai: Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

IAS12 yêu cầu doanh nghiệp ghi nhận tài sản thuế hoãn lại, thuế hoãn lại phải trả cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ một số trường hợp ngoại lệ như nghiêm cấm ghi nhận tài sản thuế hoãn lại, thuế hoãn lại phải trả phát sinh từ sự khác nhau giữa giá trị ghi sổ và cơ sở thuế của tài sản và nợ phải trả từ ghi nhận ban đầu.

IAS12 nghiêm cấm việc ghi nhận như thế mà yêu cầu doanh nghiệp ghi nhận thuế hoãn lại phải trả trừ khi đáp ứng được 2 điều kiện:

- Công ty mẹ, nhà đầu tư hoặc liên doanh có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập chênh lệch tạm thời;

- Chắc chắn chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được.

IAS12 cho rằng sự điều chỉnh theo giá trị hợp lý làm phát sinh chênh lệch tạm thời và yêu cầu ghi nhận tài sản thuế hoãn lại, thuế hoãn lại phải trả vào ngày hợp nhất để phù hợp với IFRS 3 - Hợp nhất kinh doanh. Theo đó tài sản thuế hoãn lại, thuế hoãn lại phải trả sẽ ảnh hưởng đến giá trị lợi thế thương mại được ghi nhận.

Lợi thế thương mại không được cơ quan thuế xem như một khoản được khấu trừ khi xác định thu nhập chịu thuế nên cơ sở tính thuế của lợi thế thương mại bằng 0 (không) và làm phát sinh chênh lệch tạm thời chịu thuế, tuy nhiên chuẩn mực không cho phép ghi nhận thuế hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của lợi thế thương mại.

Ví dụ: Doanh nghiệp ghi nhận lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh là 100 và lợi thế thương mại được khấu trừ cho mục đích tính thuế theo thuế suất 20%/năm bắt đầu từ năm hợp nhất. Khi đó cơ sở tính thuế của lợi thế thương mại là 100 khi ghi nhận ban đầu và 80 vào cuối năm hợp nhất, nếu giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại cuối năm hợp nhất vẫn không thay đổi thì phát sinh chênh lệch tạm thời là 20 và nó không liên quan đến ghi nhận ban đầu của lợi thế thương mại nên thuế hoãn lại phải trả tương ứng được ghi nhận.

Doanh nghiệp phải ghi nhận thuế hoãn lại phải trả phát sinh khi đánh giá lại tài sản. IFRSs cho phép ghi nhận tài sản theo giá trị hợp lý hoặc theo giá do đánh giá lại. Trong một số trường hợp việc đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý tác động đến lợi nhuận chịu thuế trong kỳ, tức là cơ sở thuế của tài sản cũng được điều chỉnh thì sẽ không phát sinh chênh lệch tạm thời. Trong các trường hợp khác khi cơ sở thuế không được điều chỉnh thì sẽ phát sinh chênh lệch tạm thời và kết quả là thuế hoãn lại sẽ được ghi nhận.

Thứ ba: Về vấn đề phân loại và chiết khấu

IAS 12 nghiêm cấm chiết khấu tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả, yêu cầu doanh nghiệp phân biệt rõ giữa ngắn hạn và dài hạn, và không được phân loại tài sản thuế hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả thành khoản mục ngắn hạn.

1.2.3. So sánh giữa chuẩn mực kế toán thuế TNDN Việt Nam (VAS 17) với chuẩn mực kế toán thuế TNDN quốc tế (IAS 12)

❖ Giống nhau

Mục đích của chuẩn mực này quy định và hướng dẫn các phương pháp kế toán thuế TNDN. Nguyên tắc cơ bản là các nghiệp vụ do ảnh hưởng của thuế TNDN trong năm hiện hành và trong tương lai của:

Việc thu hồi hoặc thanh toán trong tương lai giá trị sổ sách của các khoản mục tài sản hoặc công nợ đã được ghi nhận trong bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp;

Các giao dịch và các sự kiện khác trong năm hiện tại đã được ghi nhận trong báo cáo tài chính.

Quy định và hướng dẫn việc ghi nhận thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế TNDN hiện hành: thuế thu nhập hiện hành của kỳ hiện tại và các kỳ trước, nếu chưa nộp phải được ghi nhận là nợ phải trả. Nếu số tiền đã nộp liên quan đến kỳ hiện tại và các kỳ trước vượt quá số phải nộp cho kỳ đó, thì phần giá trị nộp thừa sẽ được ghi nhận là tài sản.

Quy định và hướng dẫn việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ trường hợp: Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của lợi thế thương mại; Ghi nhận giá trị ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải trong quá trình hợp nhất doanh nghiệp và không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Xác định giá trị: Thuế thu nhập hiện hành phải nộp (hoặc tài sản thuế thu nhập hiện hành) cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả cần được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

❖ Khác nhau.

Sự khác nhau giữa Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS17) và Chuẩn mực Kế toán Quốc tế (IAS12), được trình bày trong bảng 1.1 dưới đây:

Bảng 1.1: So sánh giữa VAS 17 và IAS 12

Nội dung	VAS17	IAS12
Quy định chung	VAS17 không đề cập đến thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh.	IAS12 đề cập đến các yêu cầu kế toán cho ảnh hưởng về thuế đối với các giao dịch hoặc sự kiện khác trong hợp nhất kinh doanh.
Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ hoặc chênh lệch tạm thời chịu thuế trừ trường hợp phát sinh từ việc ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả trong một giao dịch, mà tại thời điểm giao dịch không làm ảnh hưởng tới lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các chênh lệch tạm thời chịu thuế trừ trường hợp: Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của lợi thế thương mại; Ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải trong quá trình hợp nhất kinh doanh và không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch.

<p>Ghi nhận, đánh giá thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.</p>	<p>VAS17 không hướng dẫn cụ thể hạch toán thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại khi có khoản thuế phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh.</p> <p>Tuy nhiên, điều 27, 28, 29, 31 và 32. Thông tư 202/2014/TT- BTC có hướng dẫn cách hạch toán thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại khi lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch trong nội bộ tập đoàn.</p>	<p>Thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phải được ghi nhận là một khoản thu nhập hoặc chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ: khi các khoản đó phát sinh từ một giao dịch hoặc một sự kiện được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu; hợp nhất kinh doanh.</p>
<p>Trình bày tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả</p>	<p>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả phải được trình bày tách biệt với các tài sản và nợ phải trả khác trong BCĐKT.</p> <p>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả phải được phân biệt với các tài sản thuế thu TNDN hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp.</p>	<p>IAS12 không đề cập đến vấn đề này.</p>

Nguyên nhân khác nhau giữa IAS12 và VAS 17

Xuất phát từ nền kinh tế của nước ta trải qua một thời gian dài hoạt động theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp, sau đó chuyển sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nên khi xây dựng chuẩn mực kế toán, mặc dù nước ta có tham khảo và vận dụng chuẩn mực kế toán quốc tế, nhưng còn mang nặng bản chất của nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung và chế độ kế toán theo Liên Xô cũ. Trong khi đó, Chuẩn mực kế toán quốc tế được xây dựng dựa trên chế độ kế toán của Mỹ (FASB).

Tuy nhiên về cơ bản, VAS17 được ban hành phù hợp với phần lớn các doanh nghiệp tại Việt Nam, trong quá trình kinh doanh buôn bán trao đổi với doanh nghiệp nước ngoài hoặc có vốn đầu tư nước ngoài sẽ phát sinh những điều khoản không phù hợp với luật quốc tế. Mặt khác, VAS17 có những điểm cơ bản giống với IAS12 và phù hợp với luật pháp chung của quốc tế.

1.3. Mối quan hệ giữa chuẩn mực kế toán thuế TNDN với luật thuế TNDN

Mối quan hệ giữa chính sách thuế và chuẩn mực, chế độ kế toán luôn là vấn đề được các nhà làm chính sách của các quốc gia đặc biệt quan tâm. Nghiên cứu lịch sử thông lệ kế toán và chính sách thuế các nước trên thế giới cho thấy tồn tại hai quan điểm về mối quan hệ này như sau:

Thứ nhất: Sự thống nhất giữa chính sách thuế và hệ thống kế toán.

Các quy định của chính sách thuế và chuẩn mực, hệ thống kế toán liên quan có sự thống nhất với nhau. Thông tin kế toán được sử dụng trực tiếp cho mục đích tính thuế mà không cần thực hiện điều chỉnh.

Quan điểm này hướng đến sự tiệm cận giữa chính sách thuế và hệ thống kế toán, nên giảm thiểu được sự phức tạp trong việc sử dụng thông tin kế toán cho mục đích kê khai, quyết toán thuế, đặc biệt đối với các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa. Ngoài ra, sự thống nhất giữa chính sách thuế và hệ thống kế toán cũng đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất, quản lý tập trung của Nhà nước đối với nền kinh tế.

Tuy nhiên, sự tiệm cận giữa hệ thống kế toán và chính sách thuế có thể dẫn đến thông tin kế toán chủ yếu đặt trọng tâm vào mục tiêu tính thuế nên sẽ giảm tính hữu ích đối với các chủ thể sử dụng thông tin khác. Hạn chế này càng bộc lộ rõ trong điều kiện nền kinh tế toàn cầu.

Thứ hai: Sự độc lập tương đối giữa chính sách thuế và hệ thống kế toán.

Các quy định của chính sách thuế và chuẩn mực, hệ thống kế toán có sự độc lập tương đối. Thông tin kế toán được cung cấp cho các đối tượng sử dụng khác nhau và cần thực hiện điều chỉnh cho mục đích tính thuế.

Quan điểm này đảm bảo hệ thống kế toán và chính sách thuế được xây dựng theo các mục tiêu khác nhau, phù hợp với đặc thù của từng chính sách. Với tư cách là một công cụ điều tiết kinh tế, chính sách thuế hướng đến mục tiêu điều tiết kinh tế vĩ mô và đảm bảo nguồn thu của ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ, phù hợp với mục tiêu phát triển và các chính sách kinh tế khác nhau. Trong khi đó, hệ thống kế toán được xây dựng nhằm cung cấp thông tin tài chính thích hợp và tin cậy cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin, nhằm giúp chủ thể đưa ra các quyết định kinh tế phù hợp. Vì vậy, thông tin kế toán cần đảm bảo tính trung lập, không nhất thiết thiên về mục đích tính thuế của đơn vị.

Ngược lại, sự khác biệt giữa chính sách thuế và hệ thống kế toán làm gia tăng tính phức tạp cho công tác kế toán tại các đơn vị, cũng như sự phức tạp trong việc sử dụng thông tin kế toán để kê khai, quyết toán thuế. Về phương diện quản lý nhà nước sự khác biệt giữa hệ thống kế toán và chính sách thuế cũng gây ra những khó khăn, phức tạp nhất định đối với công tác quản lý, kiểm tra việc chấp hành nghĩa vụ thuế của các doanh nghiệp.

Qua phân tích 2 quan điểm nêu trên, có thể nhận thấy việc lựa chọn vận dụng quan điểm nào để xây dựng chính sách thuế trong mối quan hệ với hệ thống kế toán đều có những quan điểm và hạn chế nhất định, phù hợp với điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội và cơ chế quản lý kinh tế của mỗi quốc gia trong từng giai đoạn phát triển. Trong điều kiện hiện nay, các quốc gia điều hành nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường, quan điểm xây dựng chính sách thuế có sự độc lập tương đối với hệ thống kế toán là phổ biến.

Trên thế giới, sự khác biệt giữa chính sách thuế nói chung và chính sách thuế TNDN nói riêng đối với hệ thống kế toán mang tính tất yếu trong điều kiện các nước đều thực hiện nền kinh tế thị trường và trong xu hướng toàn cầu hóa nền kinh tế. Trên thực tế, sự khác biệt này đang trở nên phổ biến trong những năm gần đây cùng với việc hệ thống kế toán có những thay đổi mạnh mẽ, liên quan đến việc sử dụng cách tiếp cận giá trị hợp lý và coi trọng đến kế toán dự phòng rủi ro.

Các nhà quản lý kinh tế lo ngại rằng, sự khác biệt quá lớn giữa chính sách thuế và hệ thống kế toán có thể làm gia tăng tính phức tạp của thông tin kế toán đối với người sử dụng, phát sinh thêm chi phí đối với các doanh nghiệp trong quá trình xử lý thông tin kế toán phục vụ cho mục đích tính thuế. Các cơ quan quản lý thuế nhà nước cũng quan ngại về những khó khăn sẽ nảy sinh trong quá trình quản lý và kiểm soát nghĩa vụ thuế của các đơn vị. Vấn đề tiêm cận giữa các quy định của chính sách thuế và hệ thống kế toán một cách hợp lý lại được đặt ra đối với các nhà nghiên cứu và ban hành chính sách. Những hoạt động gần đây cho thấy, xu hướng tiêm cận một cách hợp lý chính sách thuế và hệ thống kế toán là hiện hữu và sẽ tiếp tục được đặt ra trong thời gian tới trên phạm vi toàn cầu.

Tại Việt Nam, kể từ khi thực hiện đổi mới cơ chế quản lý kinh tế theo định hướng kinh tế thị trường, nhất là trong những năm gần đây. Chính sách thuế và hệ thống kế toán Việt Nam đã có nhiều thay đổi theo hướng ngày càng phù hợp hơn với cơ chế quản lý mới và hội nhập với các nền kinh tế trong khu vực và trên thế giới. Cùng với xu thế này, sự khác biệt giữa chính sách thuế và hệ thống chuẩn mực, hệ thống kế toán đã xuất hiện và ngày càng trở nên rõ ràng.

Sự khác biệt giữa chính sách thuế và hệ thống kế toán Việt Nam còn trở nên sâu sắc hơn, khi hệ thống kế toán tiếp tục hội nhập sâu hơn với thông lệ kế toán quốc tế. Thực tế này sẽ đặt ra nhiều khó khăn cho công tác quản lý của các cơ quan chức năng cũng như việc chấp hành chế độ, chính sách tại các doanh nghiệp. Vì vậy, vấn đề đặt ra là cần tiêm cận một cách hợp lý sự khác biệt giữa chúng.

Trước xu hướng hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng của Việt Nam với các nước trong khu vực và trên thế giới, chính sách thuế và hệ thống kế toán cần được đổi mới một cách đồng bộ trong mối quan hệ mật thiết, kế thừa với nhau. Các cơ quan soạn thảo và hoạch định chính sách thuế và hệ thống kế toán, cần tăng cường trao đổi, hội thảo để xác định và từng bước thu hẹp khoảng cách giữa các chính sách một cách hợp lý. Trong quá trình soạn thảo các chính sách cần tăng cường các kênh phản biện, góp ý chính sách của các nhà nghiên cứu có sự tham gia của các doanh nghiệp, đơn vị để đảm bảo các chính sách bám sát với thực tiễn, đồng thời hướng đến sự tiêm cận với nhau trong quá trình triển khai áp dụng vào thực tiễn.

1.3. Kế toán thuế TNDN áp dụng trong các doanh nghiệp

Để kế toán thuế TNDN, tùy vào quy mô doanh nghiệp (doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nhỏ và vừa), tùy vào đặc thù kinh doanh của đơn vị và quy định

của pháp luật hiện hành để doanh nghiệp lựa chọn áp dụng theo chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc theo chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa.

1.4.1. Kế toán thuế TNDN đối với doanh nghiệp áp dụng theo chế độ kế toán doanh nghiệp

Khái niệm doanh nghiệp lớn: Hiện tại chưa có một khái niệm chính thức nào về doanh nghiệp lớn. Tuy nhiên khi áp dụng các tiêu chí theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hỗ trợ doanh nghiệp thì doanh nghiệp lớn được hiểu là doanh nghiệp thỏa mãn tiêu chí lớn hơn mức so với doanh nghiệp vừa bao gồm:

- Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm từ 200 người trở lên và tổng doanh thu của năm từ 200 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của từ 100 tỷ đồng trở lên.

- Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm từ 100 người và tổng doanh thu của năm từ 300 tỷ đồng trở lên hoặc tổng nguồn vốn của năm từ 100 tỷ đồng trở.

Đặc điểm và vai trò của doanh nghiệp lớn

Dù chỉ chiếm 5% trong tổng số các doanh nghiệp hiện hành nhưng doanh nghiệp lớn lại đóng vai trò then chốt trong việc tăng trưởng kinh tế của các đất nước trên toàn thế giới. Xây dựng một khối lượng việc làm lớn và chịu trách nhiệm trong việc xúc tiến nền kinh tế.

– Các Doanh nghiệp lớn nhận vai trò ổn định nền kinh tế trong những vấn đề khủng hoảng thì các doanh nghiệp lớn luôn là người “đứng mũi chịu sào” là đầu tàu vững chắc trong nền kinh tế quốc gia.

– Doanh nghiệp lớn tạo nên sự ổn định cho nền kinh tế: các công ty và doanh nghiệp lớn luôn tạo nên thành công kinh tế đồng đều và dài hạn tạo điều kiện cho nền kinh tế luôn được ổn định và giảm bớt các chuyển biến.

– Tạo nên các ngành công nghiệp và dịch vụ quan trọng: hiện giờ các doanh nghiệp lớn đều hoạt động trong những ngành chủ đạo trong nền kinh tế của mỗi quốc gia. Tại VN đó là các công ty giống như tập đoàn dầu khí, tập đoàn điện lực, tập đoàn than và khoáng sản.

– Đóng góp một lượng lớn cho GDP trong kinh tế của đất nước.

- Các doanh nghiệp lớn có gốc vốn rất khủng và tiềm lực kinh tế mạnh cần có thể nhanh chóng cải thiện và xúc tiếp với sự tiên tiến của khoa học kỹ thuật trên thế giới.
- Doanh nghiệp lớn có sức cạnh tranh mạnh về vốn, nhân lực và thương hiệu tốt hơn so với các doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Các công ty lớn cân bằng giữa việc sản xuất và mua bán cho một nền kinh tế thay vì chỉ hoạt động trong các ngành nghề mua bán và thương mại.

Đặc điểm kế toán thuế TNDN tại các doanh nghiệp lớn

❖ Chuẩn mực kế toán thuế TNDN

Hiện nay, chuẩn mực kế toán thuế TNDN VAS 17 được áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp nhưng chỉ có doanh nghiệp lớn mới áp dụng đầy đủ các nội dung chuẩn mực nêu ra.

❖ Chế độ kế toán

Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành. Doanh nghiệp lớn bắt buộc phải sử dụng thông tư 200/2014/TT-BTC.

• Về cách theo dõi và hạch toán chi phí thuế TNDN.

Kế toán dùng các tài khoản liên quan sau:

Tài khoản 821 “Chi phí thuế TNDN” dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

- Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

+ Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;

+ Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc:

+ Ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm;

+ Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Tài khoản 821 gồm 2 tài khoản cấp 2 gồm: Tài khoản 8211 - Chi phí thuế TNDN hiện hành; Tài khoản 8212 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Tài khoản 243: Tài sản thuế thu nhập hoãn lại. Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

$$\begin{array}{l} \text{Tài sản} \\ \text{thuế thu} \\ \text{nhập hoãn} \\ \text{lại} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chênh lệch tạm} \\ \text{thời được khấu} \\ \text{trừ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị được khấu} \\ \text{trừ chuyển sang} \\ \text{năm sau của các} \\ \text{khoản lỗ tính thuế} \\ \text{và ưu đãi thuế chưa} \\ \text{sử dụng} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Thuế suất thuế} \\ \text{thu nhập doanh} \\ \text{nghiệp hiện} \\ \text{hành (\%)} \end{array}$$

Tài khoản 347 – Thuế thu nhập hoãn lại phải trả. Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động tăng, giảm của thuế thu nhập hoãn lại phải trả. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế phát sinh trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Thuế thu nhập} \\ \text{hoãn lại phải trả} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chênh lệch tạm} \\ \text{thời chịu thuế} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Thuế suất thuế thu nhập} \\ \text{doanh nghiệp hiện hành} \\ \text{(\%)} \end{array}$$

Tài khoản 3334: Thuế TNDN để phản ánh số thuế TNDN phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

• Về phương pháp lập và trình bày trong Báo cáo tài chính.

Trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51): Chỉ tiêu này phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có Tài khoản 8211 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành” đối ứng với bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” trên sổ kế toán chi tiết TK 8211, hoặc căn cứ vào số phát sinh bên Nợ TK 8211 đối ứng với bên Có TK 911 trong kỳ báo cáo, (trường hợp này số liệu được ghi vào chỉ tiêu này bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...) trên sổ kế toán chi tiết TK 8211);

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52): Chỉ tiêu này phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại hoặc thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có Tài khoản 8212 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” đối ứng với bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh

doanh” trên sổ kế toán chi tiết TK 8212, hoặc căn cứ vào số phát sinh bên Nợ TK 8212 đối ứng với bên Có TK 911 trong kỳ báo cáo, (trường hợp này số liệu được ghi vào chỉ tiêu này bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...) trên sổ kế toán chi tiết TK 8212).

Trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Trình bày thuế TNDN đã nộp ở Mã số 05 (theo phương pháp trực tiếp), mã số 16 (theo phương pháp gián tiếp): căn cứ vào tổng số tiền thuế TNDN đã nộp cho Nhà nước trong kỳ báo cáo, bao gồm số tiền thuế TNDN đã nộp của kỳ này, số thuế TNDN còn nợ từ các kỳ trước đã nộp trong kỳ này và số thuế TNDN nộp trước (nếu có). Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được lấy từ sổ kế toán các TK 111, 112, 113 (chi tiết tiền nộp thuế TNDN), sau khi đối chiếu với sổ kế toán TK 3334. Chỉ tiêu này được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

• Các chứng từ kế toán, biểu mẫu sổ kế toán.

Tất cả các chứng từ kế toán, biểu mẫu sổ kế toán (kể cả các loại Sổ Cái, sổ Nhật ký) đều thuộc loại hướng dẫn (không bắt buộc), doanh nghiệp có thể lựa chọn áp dụng theo biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư này hoặc được tự thiết kế phù hợp với đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý của đơn vị nhưng phải đảm bảo cung cấp những thông tin theo quy định của Luật Kế toán, trình bày thông tin đầy đủ, rõ ràng, dễ kiểm tra, kiểm soát.

1.4.2. Kế toán thuế TNDN đối với trong doanh nghiệp áp dụng theo chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa

Khái niệm doanh nghiệp nhỏ và vừa: Theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Doanh nghiệp là doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí xác định doanh nghiệp cụ thể bao gồm 3 loại doanh nghiệp: Doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa:

a. Doanh nghiệp siêu nhỏ bao gồm:

- Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng doanh thu của năm không quá 3 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 3 tỷ đồng.

- Doanh nghiệp siêu nhỏ trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 10 người và tổng

doanh thu của năm không quá 10 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 3 tỷ đồng.

b. Doanh nghiệp nhỏ bao gồm:

- Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 50 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 20 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định ở trên.

- Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 50 người và tổng doanh thu của năm không quá 100 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 50 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định ở trên.

c. Doanh nghiệp vừa bao gồm:

- Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và tổng doanh thu của năm không quá 200 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 100 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ theo quy định ở trên.

- Doanh nghiệp vừa trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ sử dụng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 100 người và tổng doanh thu của năm không quá 300 tỷ đồng hoặc tổng nguồn vốn của năm không quá 100 tỷ đồng, nhưng không phải là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ theo quy định ở trên.

Đặc điểm doanh nghiệp nhỏ và vừa

Doanh nghiệp là bộ phận không thể thiếu trong cộng đồng các doanh nghiệp của một nền kinh tế, các doanh nghiệp này có những đặc điểm cơ bản như sau:

- Doanh nghiệp chiếm đa số trong tổng số doanh nghiệp, đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế.

- *Doanh nghiệp* có quy mô vốn nhỏ, gặp khó khăn trong việc tiếp cận với nguồn vốn chính thức, đặc biệt là ở các nước đang phát triển. Điều này là một cản trở không nhỏ trong việc triển khai, áp dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ mới vào hoạt động sản xuất, kinh doanh và thương mại.

- *Doanh nghiệp* chịu sự cạnh tranh khốc liệt của các công ty, các tập đoàn lớn và từ chính các doanh nghiệp với nhau.

- Đa số các doanh nghiệp là các doanh nghiệp ngoài quốc doanh và với nguồn vốn nhỏ, các doanh nghiệp tập trung vào các ngành hàng gần gũi với tiêu dùng hơn là đầu tư vào các ngành công nghiệp nặng. Doanh nghiệp thực hiện các dịch vụ đa dạng và phong phú trong nền kinh tế như các dịch vụ trong quá trình sản xuất, phân phối, thương mại, dịch vụ sinh hoạt và giải trí, dịch vụ tư vấn và hỗ trợ... Chính nhờ tính chất hoạt động kinh doanh này mà các doanh nghiệp có lợi thế về tính linh hoạt. Có thể nói, tính linh hoạt là đặc tính nổi trội của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhờ cấu trúc và quy mô nhỏ nên khả năng thay đổi mặt hàng, chuyên hướng kinh doanh thậm chí cả địa điểm kinh doanh được coi là thế mạnh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa

Doanh nghiệp nhỏ và vừa có vai trò quan trọng trong nền kinh tế, đóng góp chung vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp là thực sự cần thiết trong quá trình phát triển kinh tế của mỗi quốc gia. Doanh nghiệp có những vai trò sau:

- Đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế ở nước ta, tạo ra nhiều việc làm, giúp duy trì tỷ lệ thất nghiệp thấp, huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước cho hoạt động sản xuất kinh doanh, giải quyết các vấn đề xã hội.

- Đóng góp đáng kể vào tổng thu nhập quốc dân và đóng góp ngày càng nhiều cho NSNN. Đa số doanh nghiệp Việt Nam hiện nay chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, các doanh nghiệp này đóng góp một phần không nhỏ cho sự phát triển của nền kinh tế.

- Góp phần làm năng động nền kinh tế do lợi thế về quy mô nhỏ và vừa là năng động, linh hoạt, sáng tạo trong kinh doanh, cùng với hình thức tổ chức kinh doanh có sự kết hợp chuyên môn hóa và đa dạng hóa, hòa nhập được với những đòi hỏi của nền kinh tế thị trường.

- Góp phần tạo nên ngành công nghiệp và dịch vụ phụ trợ quan trọng, là các doanh nghiệp vệ tinh cung cấp các sản phẩm đầu vào, chế biến các bộ phận chi tiết cho các doanh nghiệp lớn hoặc hỗ trợ các doanh nghiệp lớn trong việc tiếp cận thị trường qua việc tham gia vào phân phối các sản phẩm đầu ra.

- Có vai trò quan trọng trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát huy và tận dụng cao các nguồn lực ở các địa phương, góp phần quan trọng vào

tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội của địa phương, đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, làm cho công nghiệp phát triển mạnh, đồng thời thúc đẩy các ngành thương mại, dịch vụ phát triển, làm thu hẹp dần khoảng cách giữa khu vực thành thị và nông thôn, góp phần giảm bớt chênh lệch thu nhập trong xã hội, từng bước tạo ra công bằng xã hội theo đúng nghĩa thực và theo phương thức tự điều chỉnh.

Đặc điểm kế toán thuế TNDN tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa

Chuẩn mực kế toán thuế TNDN

Hiện nay, ở nước ta chưa có chuẩn mực kế toán thuế TNDN áp dụng riêng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, mà trên cơ sở của Chuẩn mực kế toán thuế TNDN được áp dụng chung cho tất cả các doanh nghiệp, lược bỏ bớt nội dung cụ thể mà các doanh nghiệp không phải áp dụng. Theo quy định của VAS 17, giới hạn áp dụng cho các doanh nghiệp một phần, các doanh nghiệp không yêu cầu áp dụng thuế TNDN hoãn lại.

Tuy nhiên, việc lược bỏ này có thể dẫn đến giảm tính nhất quán của chuẩn mực kế toán và hệ thống kế toán áp dụng ở các doanh nghiệp. Cho nên cần thiết ban hành chuẩn mực kế toán riêng áp dụng cho các doanh nghiệp để đảm bảo tốt hơn tính logic và mục tiêu cung cấp thông tin với các quy định cụ thể của chuẩn mực kế toán.

Chế độ kế toán

Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017. Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/06/2006 do Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành.

Doanh nghiệp có thể lựa chọn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo theo Thông tư 133/2016/TT-BTC hoặc Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2015 của Bộ Tài chính, nhưng phải thông báo cho cơ quan thuế quản lý doanh nghiệp và phải thực hiện nhất quán trong năm tài chính. Trường hợp chuyển đổi trở lại áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư này thì phải thực hiện từ đầu năm tài chính.

Đối với riêng doanh nghiệp siêu nhỏ có thể lựa chọn chế độ kế toán doanh nghiệp siêu nhỏ theo Thông tư 132/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 do Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành. Đối với doanh nghiệp nhà nước nhận ngân sách nhà nước thì áp dụng chế độ kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp

theo thông tư số 107/2017/TT-BTC. Về tài khoản kế toán, doanh nghiệp căn cứ vào nguyên tắc kế toán, nội dung và kết cấu của các tài khoản kế toán quy định tại Thông tư 133/2016/TT-BTC để phản ánh và hạch toán các giao dịch kinh tế phát sinh phù hợp với đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý của đơn vị.

Về cách theo dõi và hạch toán chi phí thuế TNDN.

Thông tư 133/2016/TT-BTC sử dụng tài khoản 821: Chi phí thuế TNDN hiện hành để phản ánh chi phí thuế TNDN của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành, và tài khoản 3334: Thuế TNDN để phản ánh số thuế TNDN phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Thông tư 133/2016/TT-BTC hướng dẫn cách hạch toán Chi phí thuế TNDN hiện hành đối với các doanh nghiệp giống như thông tư 200/2014/TT-BTC.

Khác với thông tư 200/2014/TT-BTC, thông tư 133 không có theo dõi và hạch toán tài khoản 247: Tài sản thuế thu nhập hoãn lại, tài khoản 347: Thuế thu nhập hoãn lại phải trả, và do đó tài khoản 821 không có tài khoản cấp 2 là TK 8212: Chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Về phương pháp lập và trình bày trong Báo cáo tài chính.

Nếu doanh nghiệp sử dụng thông tư 133/2016/TT-BTC thì:

Trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu chi phí thuế TNDN được trình bày ở Mã số 51: Phản ánh chi phí thuế TNDN phát sinh trong năm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có TK 821 đối ứng với bên Nợ TK 911 hoặc căn cứ vào số phát sinh bên Nợ TK 821 đối ứng với bên Có TK 911 trong kỳ báo cáo (số liệu được ghi vào chỉ tiêu này bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...)).

Trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ, trình bày thuế TNDN đã nộp ở Mã số 05 (theo phương pháp trực tiếp), mã số 16 (theo phương pháp gián tiếp): căn cứ vào tổng số tiền thuế TNDN đã nộp cho Nhà nước trong kỳ báo cáo, bao gồm số tiền thuế TNDN đã nộp của kỳ này, số thuế TNDN còn nợ từ các kỳ trước đã nộp trong kỳ này và số thuế TNDN nộp trước (nếu có).

Các chứng từ kế toán, biểu mẫu sổ kế toán.

Tất cả các chứng từ kế toán, biểu mẫu sổ kế toán (kể cả các loại Sổ Cái, sổ Nhật ký) đều thuộc loại hướng dẫn (không bắt buộc), doanh nghiệp có thể lựa chọn áp dụng theo biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư này hoặc được tự thiết kế phù hợp với đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý của đơn vị nhưng phải

đảm bảo cung cấp những thông tin theo quy định của Luật Kế toán, trình bày thông tin đầy đủ, rõ ràng, dễ kiểm tra, kiểm soát.

Như vậy, chế độ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC lấy doanh nghiệp, đối tượng áp dụng làm trung tâm; ưu tiên mục đích quản trị doanh nghiệp hơn mục đích quản lý Nhà nước; đề cao tính khả thi áp dụng trong thực tế doanh nghiệp; tách biệt kế toán và thuế, hướng đến phục vụ nhu cầu quản trị, điều hành doanh nghiệp; tiếp cận gần hơn thông lệ và chuẩn mực quốc tế.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN THUẾ TNDN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH

2.1 Tổng quan về các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

2.1.1 Khái quát tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn Tỉnh Ninh Bình

Ninh Bình là một tỉnh nằm ở cực nam của Đồng bằng sông Hồng, cách thủ đô Hà Nội hơn 90 km về phía Nam, diện tích tự nhiên gần 1.386,8 Km², nằm trên tuyến giao thông huyết mạch Bắc - Nam. Với lợi thế gần thủ đô và vùng trung tâm kinh tế phía Bắc, Ninh Bình có vị trí địa lý và giao thông tương đối thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội:

Phía Bắc giáp tỉnh Hòa Bình

Phía Đông và Đông Bắc giáp tỉnh Nam Định và Hà Nam

Phía Nam giáp biển Đông

Phía Tây và Tây Nam giáp tỉnh Thanh Hóa.

Ninh Bình nằm trong vùng tiếp giáp giữa vùng Đồng bằng sông Hồng với dải đá trầm tích phía Tây và nằm ở điểm nút của cạnh đáy tam giác châu thổ sông Hồng, tiếp giáp với biển Đông nên địa hình bao gồm 3 vùng rõ rệt: Vùng đồi núi, vùng đồng bằng và vùng ven biển.

Ninh Bình có khí hậu nhiệt đới, gió mùa. Thời tiết hàng năm chia làm 4 mùa rõ rệt là xuân, hạ, thu, đông. Ninh Bình có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế bao gồm:

Về lĩnh vực du lịch, văn hóa

Ninh Bình được thiên nhiên ban tặng những cảnh quan vô cùng đặc sắc và đa dạng, là vùng đất nhiều các di tích lịch sử. Đến nay toàn tỉnh có hơn 1.500 di tích, trong đó có 80 di tích đã được xếp hạng quốc gia. Ninh Bình cũng là nơi có nhiều lễ hội truyền thống mang đậm bản sắc văn hóa làng quê vùng đồng bằng Bắc Bộ, với nhiều “nhân kiệt” tài ba, bất hủ như: Đinh Tiên Hoàng, Dương Vân Nga, Trương Hán Siêu... Ninh Bình là một trong số rất hiếm các tỉnh trên cả nước hội tụ nhiều lợi thế trong phát triển du lịch với nguồn tài nguyên du lịch rất đặc sắc và đa dạng, nhiều danh lam, thắng cảnh nổi tiếng trong nước và quốc tế, như: Khu Tam Cốc - Bích Động - Tràng An - Cố đô Hoa Lư; Quần thể du lịch tâm linh chùa Bái Đính; Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long; Vườn Quốc gia Cúc Phương; Khu Kênh Gà (Gia Viễn) và động Vân Trình (Nho Quan Khu quần thể nhà thờ Phát Diệm...

Về nguồn nhân lực

Với quy mô dân số khoảng 984,5 nghìn người, trong đó có 49,81% nam và 50,19% nữ, mật độ dân số 710 người/km², số người trong độ tuổi lao động là 58,8 vạn người chiếm 59,2%, trong đó lao động qua đào tạo chiếm 29,5%.

Về lĩnh vực công nghiệp

Địa hình có các loại hình khác nhau, từ vùng núi, vùng đồng bằng cho tới vùng ven biển thích hợp để phát triển các vùng nguyên liệu cho các ngành công nghiệp chế biến thủy, hải sản; nông sản, hoa quả và thủ công mỹ nghệ xuất khẩu. Ninh Bình là một trong những tâm trung sản xuất, lắp ráp ô tô lớn nhất cả nước với nhà máy liên doanh Hyundai Thành Công, có tiềm năng thu hút nhiều nhà đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ sản xuất, lắp ráp ô tô, điện tử... Tỉnh Ninh Bình có 7 KCN và 25 cụm CN với tổng diện tích quy hoạch khoảng 2.300 ha. Hệ thống kho ngoại quan, cảng khô ICD, Cục Hải quan phục vụ xuất nhập khẩu hàng hóa.

Về lĩnh vực nông nghiệp

Với diện tích gần 96.413 ha đất nông nghiệp trong đó đất trồng lúa là 45.163 ha, đất lâm nghiệp 28.340 ha, đất nuôi trồng thủy sản 6.796 ha. Tốc độ gia tăng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản bình quân hàng năm trên 2,5% năm; Tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản chiếm 10,6% trong nền kinh tế; Năng suất lúa bình quân đạt 60,99 tạ/ha; Sản lượng lương thực có hạt đạt 470,9 nghìn tấn/năm; Sản lượng trên 1 ha đất sản xuất nông nghiệp bình quân đạt trên 130 triệu đồng; Độ che phủ rừng đạt 20%.

2.1.2 Khái quát đặc điểm của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

Theo số liệu của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Ninh Bình, thống kê từ năm từ năm 2020 đến quý 1 năm 2023 số liệu về các doanh nghiệp mới và doanh nghiệp đang hoạt động (bảng số 2.1).

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Ninh Bình có khoảng gần 6.000 doanh nghiệp lớn, nhỏ khác nhau đang hoạt động. Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình gồm nhiều thành phần khác nhau. Hàng năm có khoảng gần 800 doanh nghiệp mới thành lập với tổng số vốn đăng ký mới giao động từ 5 nghìn tỷ đồng đến 12 nghìn tỷ đồng.

Bảng 2.1: Khái quát doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị Tính	Thực hiện từng năm			
			2020	2021	2022	Quý 1/2023
1	Doanh nghiệp mới đăng ký	Doanh nghiệp	756	622	773	207
2	Tổng số vốn đăng ký của DN thành lập mới	Tỷ đồng	5.544	11.498	7.532,29	1.821,9
3	Số DN nghiệp đang đăng ký hoạt động	Doanh nghiệp	6.290	5.068	5.749	5.906

(Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình)

2.2 Thực trạng kế toán thuế TNDN tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

2.2.1 Kết quả khảo sát tình hình thực hiện kế toán thuế TNDN

Khi thực hiện khảo sát 200 doanh nghiệp và thu về 195 phiếu khảo sát hợp lệ cụ thể kết quả như sau:

Mô tả chung về đối tượng được khảo sát:

- Loại hình doanh nghiệp được khảo sát:

Bảng 2.2: Loại hình doanh nghiệp

Loại hình doanh nghiệp	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Doanh nghiệp tư nhân	19	9,7%
Công ty cổ phần	51	26,2%
Công ty TNHH	124	63,6%
Công ty hợp danh	1	0,5%
Cộng	195	100%

Bảng 2.2 cho thấy, trong tổng số 195 doanh nghiệp được khảo sát có 19 doanh nghiệp tư nhân, chiếm tỷ lệ 9,7%; 51 Công ty cổ phần chiếm tỷ lệ 26,2%; có 124 công ty TNHH chiếm tỷ lệ 63,6%; 01 công ty hợp danh chiếm 0,5% trong tổng số doanh nghiệp khảo sát. Như vậy số lượng các doanh nghiệp là công ty TNHH chiếm tỷ lệ lớn đối với doanh nghiệp tỉnh Ninh Bình.

- Chức vụ của người được khảo sát:

Bảng 2.3: Chức vụ được khảo sát

Chức vụ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Giám đốc	40	20,5%
Kế toán trưởng	70	35,9%
Kế toán	85	43,6%
Cộng	195	100 %

Trong Bảng 2.3 cho thấy, trong tổng số 195 người được khảo sát có 40 người có chức vụ là Giám đốc trong công ty chiếm tỷ lệ 20,5%, có 70 người là kế toán trưởng chiếm 35,9% và có 85 người là nhân viên kế toán, chiếm tỷ lệ 43,6%.

- Nội dung được khảo sát:

- Chế độ kế toán mà các công ty được khảo sát áp dụng.

Bảng 2.4: Chế độ kế toán doanh nghiệp đang áp dụng

Chế độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Thông tư 200	68	34,9%
Thông tư 133	127	65,1%
Cộng	195	100%

Theo bảng số 04 cho thấy, có 68 doanh nghiệp được khảo sát áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC chiếm 34,9% tổng doanh nghiệp được khảo sát, còn lại là 127 doanh nghiệp, chiếm 65,1% doanh nghiệp được khảo sát áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016. Qua kết quả thống kê cho thấy, các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh Ninh Bình đăng ký và áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 chiếm phần lớn.

Doanh nghiệp có vận dụng chuẩn mực kế toán thuế TNDN (VAS17) vào công tác kế toán.

Bảng 2.5: Doanh nghiệp áp dụng Chuẩn mực kế toán thuế TNDN

Câu trả lời	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Có	20	10,3%
Không	175	89,7%
Cộng	195	100%

Qua thống kê tại Bảng 2.5 cho thấy, chỉ có 20 doanh nghiệp chiếm 10,3% doanh nghiệp chọn có áp dụng chuẩn mực kế toán thuế TNDN vào thực tế công tác kế toán tại doanh nghiệp, và 175 doanh nghiệp chiếm 89,7% doanh nghiệp được khảo sát chọn không áp dụng chuẩn mực kế toán thuế TNDN vào thực tế công tác kế toán tại doanh nghiệp. Điều này cho thấy hiện nay phần lớn các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh Ninh Bình chưa quan tâm đến các hướng dẫn về nguyên tắc và phương pháp kế toán thuế TNDN được quy định trong chuẩn mực kế toán.

- *Doanh nghiệp có hài lòng với việc hỗ trợ kê khai và nộp thuế điện tử.*

Bảng 2.6: Doanh nghiệp có hài lòng với việc hỗ trợ khai thuế qua mạng

Câu trả lời	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Có	179	91,8%
Không	16	8,2%
Cộng	195	100%

Có 179/195 doanh nghiệp được khảo sát trả lời có hài lòng với việc hỗ trợ khai thuế qua mạng, chiếm đến 91,8% tổng số doanh nghiệp nghiệp tham gia khảo sát. Sở dĩ tỷ có tỷ lệ cao trên là các cơ quan từ trung ương đến địa phương đều tăng cường mở rộng tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế trên các phương tiện thông tin đại chúng và qua các kênh hỗ trợ trực tiếp. Tạo điều kiện thuận lợi hướng tới thực hiện điện tử hoá việc thực hiện các nghĩa vụ thuế nhằm giảm chi phí, giấy tờ trong hoạt động kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp, góp phần tích cực thực hiện cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa công tác quản lý về thuế.

- *Doanh nghiệp có đăng ký nộp thuế điện tử.*

Bảng 2.7: Doanh nghiệp có đăng ký nộp thuế điện tử

Câu trả lời	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Có	170	87,2%
Không	25	12,8%
Cộng	195	100%

Thống kê tại bảng cho thấy, có 170 doanh nghiệp có đăng ký nộp thuế điện tử, chiếm tỷ lệ 87,2%, còn lại 25 doanh nghiệp chưa đăng nộp thuế điện tử.

Có thể thấy hiện nay các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh Ninh Bình đã thực sự quan tâm đến lợi ích của việc nộp thuế điện tử mang lại do việc này giúp ích cho doanh nghiệp tiết kiệm được thời gian và chi phí giao dịch.

- *Doanh nghiệp có được hưởng ưu đãi thuế TNDN.*

Bảng 2.8: Doanh nghiệp được hưởng ưu đãi về thuế TNDN

Câu trả lời	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Có	20	10,3%
Không	175	89,7%
Cộng	195	100%

Qua thống kê tại Bảng 2.8 cho thấy, chỉ có 20 doanh nghiệp tham gia khảo sát được hưởng ưu đãi về thuế TNDN, chiếm tỷ lệ 10,3%. Phần lớn các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh Ninh Bình hiện nay không được hưởng ưu đãi thuế TNDN.

- *Doanh nghiệp tính tiền thuế TNDN tạm nộp hàng quý bằng cách.*

Bảng 2.9: Doanh nghiệp tính tiền thuế TNDN tạm nộp hàng quý bằng cách

Câu trả lời	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Lập báo cáo tài chính quý	0	0,0%
Dựa trên số liệu hiện có trên phần mềm	170	87,2%
Ước tính dựa trên chi phí và hóa đơn	25	12,8%
Khác	0	
Cộng	195	100%

Qua khảo sát cho thấy, hiện nay có 170 doanh nghiệp dựa trên các số liệu hiện có trên phần mềm kế toán tại doanh nghiệp để tính tiền thuế TNDN tạm nộp hàng quý, chiếm tỷ lệ 87,2%. Còn lại 25 doanh nghiệp ước tính dựa trên các chi phí liên quan và hóa đơn, không có doanh nghiệp nào lập báo cáo tài chính theo quý để tính số tiền thuế TNDN tạm nộp hàng quý.

- *Cách thức doanh nghiệp ứng xử khi phát hiện sai sót về doanh thu, chi phí và thuế TNDN phải nộp của các năm trước.*

Kết quả thống kê tại Bảng 2.10 cho thấy, khi phát hiện sai sót về doanh thu, chi phí và thuế TNDN phải nộp của các năm trước. Có 50 doanh nghiệp chọn điều chỉnh lại sổ sách và báo cáo tài chính của các năm trước, chiếm tỷ lệ

25,6%, có 140 doanh nghiệp lựa chọn hạch toán tăng (hoặc giảm) số thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN của năm hiện hành, chiếm tỷ lệ 71,8%, còn lại có 5 doanh nghiệp chọn bỏ qua và không điều chỉnh, đại diện cho 2,6% doanh nghiệp được khảo sát. Như vậy, phần lớn các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh Ninh Bình đang vận dụng đúng chính sách Thuế và chế độ kế toán hiện hành, theo quy định hiện nay nếu phát hiện sai sót về doanh thu, chi phí và thuế TNDN phải nộp của các năm trước thì doanh nghiệp được hạch toán tăng (hoặc giảm) số thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN của năm hiện hành.

Bảng 2.10: Cách thức doanh nghiệp làm khi phát hiện sai sót về doanh thu, chi phí và thuế TNDN phải nộp các năm trước

Câu trả lời	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Điều chỉnh lại sổ sách và báo cáo tài chính của các năm trước	50	25,6%
Hạch toán tăng (hoặc giảm) số thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN năm hiện hành	140	71,8%
Bỏ qua và không điều chỉnh	5	2,6%
Khác	0	0,0%
Cộng	195	100%

• *Doanh nghiệp được cơ quan thuế kiểm tra, quyết toán thuế TNDN trong 5 năm trở lại đây.*

Bảng 2.11: Doanh nghiệp được cơ quan thuế kiểm tra, quyết toán thuế TNDN trong 5 năm trở lại đây

Câu trả lời	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Có	161	82,6%
Không	34	17,4%
Cộng	195	100%

Trong số 195 doanh nghiệp được khảo sát, có 161 doanh nghiệp được cơ quan thuế kiểm tra, quyết toán thuế TNDN trong 5 năm trở lại đây, đại diện cho 82,6% doanh nghiệp tham gia khảo sát, còn lại 34 doanh nghiệp chưa được cơ

quan thuế kiểm tra, quyết toán thuế TNDN trong 5 năm trở lại đây chiếm tỷ lệ 17,4% doanh nghiệp được khảo sát.

- *Doanh nghiệp có xây dựng bảng tính định mức chi phí sản xuất và lập kế hoạch sản xuất.*

Kết quả được thống kê tại Bảng 2.12 cho thấy có 112 doanh nghiệp tham gia khảo sát chọn có, chiếm tỷ lệ 57,4%, còn lại 83 doanh nghiệp chọn không, đại diện cho 42,6% số doanh nghiệp được khảo sát. Như vậy tỷ lệ doanh nghiệp không thực hiện xây dựng bảng định mức chi phí sản xuất và lập kế hoạch sản xuất còn khá nhiều. Đối với các đơn vị sản xuất thì lập định mức chi phí sản xuất là bắt buộc, tuy nhiên đối với các đơn vị khác cũng nên có những định mức chi phí nói chung và kế hoạch sản xuất nhằm kiểm soát chi phí tốt hơn.

Bảng 2.12: Doanh nghiệp có xây dựng bảng định mức chi phí sản xuất và lập kế hoạch sản xuất

Câu trả lời	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Có	112	57,4%
Không	83	42,6%
Cộng	195	100%

- *Hàng năm doanh nghiệp có tham gia các buổi đối thoại giữa doanh nghiệp và cơ quan thuế.*

Bảng 2.13: Hàng năm doanh nghiệp có tham gia các buổi đối thoại giữa doanh nghiệp và cơ quan thuế

Câu trả lời	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Có	142	72,8%
Không	53	27,2%
Cộng	195	100%

Hàng năm cơ quan thuế có tổ chức các hội nghị đối thoại giữa doanh nghiệp và cơ quan thuế để các doanh nghiệp nêu lên những vướng mắc gặp phải trong công tác kế toán thực tế tại doanh nghiệp, cũng như những khó khăn để được cơ quan thuế giải đáp và nêu lên những kiến nghị với cơ quan thuế. Trong số 195 doanh nghiệp được khảo sát có 142 doanh nghiệp có tham gia đầy đủ các hội nghị đối thoại giữa doanh nghiệp và cơ quan thuế, đại diện cho 72,8% số

doanh nghiệp được khảo sát, còn lại 53 doanh nghiệp không tham gia, chiếm tỷ lệ 27,2%. Như vậy, có một số doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh Ninh Bình hiện nay, chưa thực sự quan tâm đến lợi ích của các hội nghị đối thoại giữa doanh nghiệp và cơ quan thuế mang lại nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và cải thiện hoạt động kế toán thuế TNDN tại các doanh nghiệp.

• *Hàng năm doanh nghiệp có cử nhân viên kế toán tham gia các buổi tập huấn chính sách thuế và hướng dẫn quyết toán thuế TNDN.*

Kết quả thống kê tại Bảng 2.14 cho thấy, trong số 195 doanh nghiệp được khảo sát có 187 doanh nghiệp hàng năm doanh nghiệp có cử nhân viên kế toán tham gia các buổi tập huấn chính sách thuế và hướng dẫn quyết toán thuế TNDN do cơ quan thuế tổ chức, chiếm tỷ lệ 95,9%, có 8 doanh nghiệp không tham gia, chiếm tỷ lệ 4,1%. Như vậy, có thể thấy công tác kế toán thuế TNDN hiện nay được các doanh nghiệp thực sự quan tâm. Hơn nữa hiện nay các buổi tập huấn của cơ quan thuế và các tổ chức thường diễn ra online rất thuận tiện nên các doanh nghiệp tham gia rất dễ dàng.

Bảng 2.14: Hàng năm doanh nghiệp có cử nhân viên kế toán tham gia các buổi tập huấn chính sách thuế và hướng dẫn quyết toán thuế TNDN

Câu trả lời	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Có	187	95,9%
Không	8	4,1%
Cộng	195	100%

• *Doanh nghiệp có gặp phải khó khăn trong quá trình làm Báo cáo quyết toán thuế thuế TNDN*

Bảng 2.15: Các DN có gặp khó khăn trong quá trình làm báo cáo quyết toán thuế TNDN

Câu trả lời	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Có	50	25,6%
Không	145	74,4%
Cộng	195	100%

Để đánh giá tổng quát các nội dung khảo sát trên, tác giả đã thiết kế câu hỏi khảo sát để lấy ý kiến của các doanh nghiệp trong câu 15 để người được khảo

sát đưa ra ý kiến khách quan về những khó khăn mà các doanh nghiệp gặp phải trong quá trình lập báo cáo quyết toán thuế TNDN. Kết quả thu được (Bảng 2.15) cho thấy: Có 50 doanh nghiệp gặp phải khó khăn trong quá trình lập báo cáo quyết toán thuế TNDN, chiếm tỷ lệ 25,6% số doanh nghiệp được khảo sát, và có 145 doanh nghiệp trả lời không gặp khó khăn trong quá trình lập báo cáo quyết toán thuế TNDN, chiếm tỷ lệ 74,4%. Một số doanh nghiệp trả lời gặp khó khăn do các mẫu biểu trên tờ khai thuế có thay đổi, thời gian gấp và khá nhiều lỗi khi triển khai thực hiện nên khi lập báo cáo tài chính và tờ khai quyết toán thuế TNDN. Đặc biệt là kỳ báo cáo năm 2021 khi tổng cục thuế thay đổi các phiên bản hệ thống kê khai thuế, cập nhật liên tục và sát thời điểm làm báo cáo quyết toán thuế. Điều này phù hợp với các phát biểu trên vì hiện nay các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh Ninh Bình là những doanh nghiệp đã sản xuất, kinh doanh nhiều năm, kế toán có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán thuế, phần lớn các doanh nghiệp sản xuất đều có bảng định mức chi phí sản xuất, lập kế hoạch sản xuất, theo dõi và hạch toán chi phí đầy đủ; công tác kế toán thuế TNDN được hầu hết các doanh nghiệp quan tâm, hàng năm doanh nghiệp đều cử nhân viên kế toán tham gia các buổi tập huấn chính sách thuế TNDN và hướng dẫn quyết toán thuế TNDN do cơ quan thuế tổ chức.

Để đánh giá hiệu quả của chính sách thuế, cũng như những nỗ lực trong việc cải cách thủ tục hành chính về lĩnh vực thuế mang lại cho các doanh nghiệp hiện nay. Tác giả đã thiết kế Câu 16 để thu thập ý kiến đánh giá của các doanh nghiệp, với 5 mức độ đánh giá: từ hoàn toàn không đồng ý, không đồng ý, vừa phải, cho đến đồng ý và rất đồng ý. Kết quả khảo sát được tác giả trình bày tại Bảng 2.16 như sau:

Bảng 2.16: Đánh giá của doanh nghiệp về các phát biểu

Mức độ		Số lựa	Tỷ lệ
		chọn	
Chính sách thuế TNDN hiện nay có hiệu quả trong việc cắt giảm thời gian hoàn thành thủ tục về thuế TNDN cho doanh nghiệp	1. Hoàn toàn không đồng ý	0	0,0%
	2. Không đồng ý	12	6,2%
	3. Phân vân	52	26,7%
	4. Đồng ý	131	67,2%
	5. Hoàn toàn đồng ý	0	0,0%
	Cộng	195	100%

Các thủ tục, chính sách thuế TNDN được cơ quan thuế công khai, minh bạch	1. Hoàn toàn không đồng ý	0	0,0%
	2. Không đồng ý	6	3,1%
	3. Phân vân	11	5,6%
	4. Đồng ý	178	91,3%
	5. Hoàn toàn đồng ý	0	0,0%
	Cộng	195	100%
Các quy định về thuế TNDN hiện nay doanh nghiệp có khả năng am hiểu	1. Hoàn toàn không đồng ý	0	0,0%
	2. Không đồng ý	33	16,9%
	3. Phân vân	98	50,3%
	4. Đồng ý	22	11,3%
	5. Hoàn toàn đồng ý	0	0,0%
	Cộng	195	100%
Hệ thống nộp thuế điện tử hữu ích cho doanh nghiệp	1. Hoàn toàn không đồng ý	0	0,0%
	2. Không đồng ý	8	4,1%
	3. Phân vân	23	11,8%
	4. Đồng ý	146	74,9%
	5. Hoàn toàn đồng ý	18	9,2%
	Cộng	195	100%
Gửi tờ khai quyết toán thuế TNDN qua mạng nhanh chóng, tiện lợi	1. Hoàn toàn không đồng ý	0	0,0%
	2. Không đồng ý	25	12,8%
	3. Phân vân	98	50,3%
	4. Đồng ý	72	36,9%
	5. Hoàn toàn đồng ý	0	0,0%
	Cộng	195	100%
Thời gian để làm thủ tục miễn giảm hoặc gia hạn nộp thuế TNDN hiện nay được rút ngắn	1. Hoàn toàn không đồng ý	0	0,0%
	2. Không đồng ý	33	16,9%
	3. Phân vân	25	12,8%
	4. Đồng ý	134	68,7%
	5. Hoàn toàn đồng ý	3	1,5%
	Cộng	195	100%
Thông tin trên website của cơ quan thuế giúp ích cho doanh nghiệp	1. Hoàn toàn không đồng ý	0	0,0%
	2. Không đồng ý	80	41,0%
	3. Phân vân	10	5,1%

	4. Đồng ý	101	51,8%
	5. Hoàn toàn đồng ý	4	2,1%
	Cộng	195	100%
Cán bộ thuế sẵn sàng hỗ trợ doanh nghiệp khi gặp khó khăn, vướng mắc	1. Hoàn toàn không đồng ý	0	0,0%
	2. Không đồng ý	51	26,2%
	3. Phân vân	111	56,9%
	4. Đồng ý	33	16,9%
	5. Hoàn toàn đồng ý	0	0,0%
	Cộng	195	100%
Thái độ phục vụ của công chức thuế hiện nay doanh nghiệp đánh giá là tốt	1. Hoàn toàn không đồng ý	0	0,0%
	2. Không đồng ý	49	25,1%
	3. Phân vân	95	48,7%
	4. Đồng ý	51	26,2%
	5. Hoàn toàn đồng ý	0	0,0%
	Cộng	195	100%

• *Đánh giá của doanh nghiệp về chính sách thuế TNDN hiện nay có hiệu quả trong việc cắt giảm thời gian hoàn thành các thủ tục về thuế TNDN cho doanh nghiệp.*

Kết quả thu được: không có doanh nghiệp nào lựa chọn hoàn toàn không đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý, chiếm tỷ lệ 0%; có 12 doanh nghiệp chọn không đồng ý, đóng góp tỷ lệ 6,2% doanh nghiệp được khảo sát; có 52 doanh nghiệp chọn phân vân, đại diện cho 26,7% doanh nghiệp được khảo sát; và có 131 doanh nghiệp chọn đồng ý, chiếm tỷ lệ 67,2%. Như vậy, nhìn chung các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh Ninh Bình đánh giá chính sách thuế TNDN hiện nay là có hiệu quả, điều này cho thấy thời gian gần đây các chính sách của Nhà nước cũng như công cuộc cải cách thủ tục hành chính về thuế, đặc biệt là giảm thời gian giao dịch và nộp thuế cho người nộp thuế đã đạt được những hiệu quả mong đợi.

• *Đánh giá của doanh nghiệp về các thủ tục, chính sách thuế TNDN được cơ quan thuế công khai, minh bạch*

Đa số các lựa chọn đều đồng ý với phát biểu trên (178/195 doanh nghiệp), chiếm tỷ lệ 91,3%, chỉ có 6 doanh nghiệp được khảo sát chọn không đồng ý,

chiếm 3,1% số doanh nghiệp được khảo sát và có 11 doanh nghiệp chọn ý kiến phân vân, chiếm 5,6% doanh nghiệp được khảo sát. Nhìn chung, các thủ tục, chính sách về thuế hiện nay đều được cơ quan thuế công khai, minh bạch trên các website của Bộ Tài Chính, Tổng Cục thuế, Tạp chí thuế và các website của các Cục Thuế địa phương, hoặc các website khác có liên quan và được niêm yết công khai tại trụ sở các Cục thuế và các chi cục Thuế Ninh Bình, nên các doanh nghiệp không gặp phải khó khăn trong việc tìm kiếm, tiếp cận với các quy định mới về thuế TNDN.

• Đánh giá các quy định về thuế TNDN hiện nay doanh nghiệp có khả năng am hiểu

Kết quả khảo sát cho thấy, không có doanh nghiệp nào chọn hoàn toàn đồng ý hoặc hoàn toàn không đồng ý với phát biểu trên; có 33 doanh nghiệp được khảo sát chọn không đồng ý, chiếm tỷ lệ 16,9% và có 98 doanh nghiệp tham gia khảo sát chọn phân vân, đại diện cho tỷ lệ 50,3% doanh nghiệp được khảo sát, còn lại 22 doanh nghiệp chọn đồng ý, chiếm tỷ lệ 11,3% doanh nghiệp khảo sát. Điều này cho thấy, các chính sách về thuế TNDN hiện nay còn phức tạp, thay đổi thường xuyên, liên tục gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận các quy định mới. Qua trao đổi với doanh nghiệp tác giả thu thập được ý kiến, mỗi năm đều có nghị định, thông tư mới hướng dẫn về thuế TNDN, cách xác định chi phí hợp lý đối với những khoản được trừ và không được trừ thường xuyên thay đổi, bên cạnh thông tư còn có các văn bản hướng dẫn thông tư, công văn trả lời những vướng mắc trong thông tư, những văn bản này làm cho doanh nghiệp bị nhiễu thông tin và khó khăn trong việc xác định chi phí hợp lý. Tuy nhiên, hiện nay nước ta đang trong quá trình hoàn thiện nền kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế nên những thay đổi trong chính sách thuế TNDN là tất yếu không thể tránh khỏi, song bên cạnh đó những thay đổi này nên có lộ trình và chính sách thay đổi cần được giữ ổn định trong một khoảng thời gian nhất định.

• Đánh giá hệ thống nộp thuế điện tử là hữu ích cho doanh nghiệp

Trong số 195 doanh nghiệp được khảo sát có 8 doanh nghiệp lựa chọn không đồng ý, chiếm 4,1% số doanh nghiệp được khảo sát; có 23 doanh nghiệp chọn phân vân, chiếm tỷ lệ 11,8% và có 146 doanh nghiệp chọn đồng ý, đại diện cho 74,9% doanh nghiệp được khảo sát và có 18 doanh nghiệp đánh giá hoàn toàn đồng ý, chiếm 9,2%; không có doanh nghiệp nào đánh giá hoàn toàn không

đồng ý. Điều này chứng tỏ các doanh nghiệp hiện nay sử dụng thành thạo hệ thống kê khai và nộp thuế điện tử, cũng như việc nộp thuế điện tử là hữu ích cho doanh nghiệp.

• Đánh giá của doanh nghiệp khi gửi tờ khai quyết toán thuế TNDN qua mạng nhanh chóng, tiện lợi

Kết quả thống kê cho thấy, có 12 doanh nghiệp chọn không đồng ý, đại diện cho 12,8% doanh nghiệp được khảo sát; có 98 doanh nghiệp chọn phân vân, chiếm tỷ lệ 50,3% và có 72 doanh nghiệp chọn đồng ý, đại diện cho tỷ lệ 36,9% số doanh nghiệp được khảo sát; không có doanh nghiệp nào chọn hoàn toàn đồng ý và cũng không có doanh nghiệp nào chọn hoàn toàn không đồng ý. Điều này cho thấy hệ thống nộp tờ khai thuế TNDN qua mạng Internet hiện nay chưa đáp ứng được kỳ vọng của các doanh nghiệp, có thể do hệ thống vẫn còn hay gặp sự cố, trục trặc hoặc quá tải khi các doanh nghiệp nộp tờ khai thuế qua mạng. Đặc biệt là trong thời gian gửi tờ khai thuế TNDN vào thời điểm gần hết hạn, thường hệ thống bị quá tải gây ra lỗi và không gửi được.

• Đánh giá của doanh nghiệp về thời gian để làm thủ tục miễn giảm hoặc gia hạn nộp thuế TNDN hiện nay được rút ngắn

Qua kết quả khảo sát, không có doanh nghiệp nào chọn hoàn toàn không đồng ý, có 33 doanh nghiệp không đồng ý, chiếm tỷ lệ 16,9%; có 25 doanh nghiệp chọn là phân vân, chiếm tỷ lệ 12,8%; và có 134 doanh nghiệp chọn đồng ý, đại diện cho tỷ lệ 68,7% doanh nghiệp được khảo sát; có 3 doanh nghiệp chọn hoàn toàn đồng ý, chiếm tỷ lệ 1,5%. Qua kết quả khảo sát có thể thấy, đa số các doanh nghiệp đánh giá thời gian để doanh nghiệp làm thủ tục miễn giảm hoặc gia hạn nộp thuế thuế TNDN hiện nay đã được rút ngắn, tuy nhiên vẫn còn một tỷ lệ trên 15% doanh nghiệp không đồng ý với ý kiến trên và trên 10% số doanh nghiệp phân vân không đưa ra ý kiến.

• Đánh giá của doanh nghiệp về thông tin trên website của cơ quan thuế giúp ích cho doanh nghiệp

101/195 các doanh nghiệp được khảo sát đồng ý với câu hỏi được khảo sát, đại diện cho tỷ lệ 51,8% doanh nghiệp, có 4 doanh nghiệp chọn hoàn toàn đồng ý, chiếm 2,1%. Tuy nhiên có tới 80 doanh nghiệp, chiếm 41% không đồng ý với ý kiến trên và 10 doanh nghiệp chọn phân vân, chiếm 5,1%. Từ kết quả khảo sát có thể thấy, hiện nay các thông tin trên website của cơ quan thuế vẫn còn một số doanh nghiệp chưa quan tâm khi tìm hiểu chính sách thuế. Bởi hiện tại có thể do

trang web của Thuế chưa đủ độ hấp dẫn và khó tra cứu hơn nữa có khá nhiều nguồn thông tin khác nhau để các doanh nghiệp có thể tiếp cận như youtube, các trang luật trên google, các hội nhóm chuyên môn ở zalo và facebook...

• *Đánh giá của doanh nghiệp về cán bộ thuế sẵn sàng hỗ trợ doanh nghiệp khi gặp khó khăn/ vướng mắc.*

Trong tổng số 195 doanh nghiệp trả lời khảo sát, chỉ có 33 doanh nghiệp đồng ý với phát biểu trên, chiếm tỷ lệ 16,9%; có 111 doanh nghiệp trả lời phân vân, đại diện cho 56,9% số doanh nghiệp được khảo sát; còn lại 51 doanh nghiệp không đồng ý với quan điểm trên, chiếm tỷ lệ 26,2%; không có doanh nghiệp chọn hoàn toàn không đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý. Điều này chứng tỏ một số cán bộ thuế vẫn chưa thực sự sẵn sàng hỗ trợ cho các doanh nghiệp khi gặp phải khó khăn/ vướng mắc hoặc một số doanh nghiệp còn có tâm lý e ngại khi liên lạc với cơ quan thuế để được cán bộ thuế hướng dẫn các chính sách hoặc các vướng mắc gặp phải. Sự sẵn sàng hỗ trợ doanh nghiệp khi gặp vướng mắc của cán bộ thuế sẽ góp phần nâng cao hiệu quả công tác kế toán thuế TNDN đối với các doanh nghiệp hiện nay, tuy nhiên tỷ lệ này vẫn còn thấp. Bên cạnh đó, vẫn có 26,1% số doanh nghiệp được khảo sát cho rằng cán bộ thuế chưa thực sự sẵn sàng hỗ trợ doanh nghiệp khi gặp vướng mắc trong công tác kế toán thuế TNDN.

• *Đánh giá của doanh nghiệp về thái độ phục vụ của công chức thuế hiện nay là tốt.*

Kết quả thống kê cho thấy, tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với phát biểu trên chỉ là 51 chiếm 26,2%, có tới 95 các doanh nghiệp chọn phân vân, chiếm tỷ lệ 48,7%; bên cạnh đó có 49 doanh nghiệp không đồng ý với phát biểu trên, đại diện cho tỷ lệ 25,1% số doanh nghiệp được khảo sát. Như vậy, đánh giá này tương thích với kết quả đánh giá của doanh nghiệp về sự sẵn sàng hỗ trợ doanh nghiệp của cán bộ thuế. Hiện tại hệ thống thuế từ trung ương đến địa phương đang quá tải do thiếu cán bộ thuế, công việc nhiều nên một phần cũng ảnh hưởng đến sự sẵn sàng và thái độ phục vụ của các cán bộ thuế.

Như vậy, đánh giá của các doanh nghiệp về hiệu quả của chính sách thuế, cũng như những nỗ lực trong việc cải cách thủ tục hành chính về thuế mang lại cho các doanh nghiệp hiện nay (theo bảng số 16) đã phân tích ở trên đưa ra nhận xét tổng hợp như sau:

Các phát biểu được đa số các doanh nghiệp đồng ý là: Chính sách thuế TNDN hiện nay có hiệu quả trong việc cắt giảm thời gian hoàn thành các thủ tục

về thuế TNDN cho doanh nghiệp; các thủ tục, chính sách thuế TNDN được cơ quan thuế công khai, minh bạch; hệ thống nộp thuế điện tử hữu ích cho doanh nghiệp; thời gian để làm thủ tục miễn giảm hoặc gia hạn nộp thuế TNDN hiện nay được rút ngắn; và thông tin trên website của cơ quan thuế giúp ích cho doanh nghiệp.

Các phát biểu được ít sự đồng ý của doanh nghiệp và đa số các doanh nghiệp cho rằng chưa thực sự mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp là: đánh giá các quy định về thuế TNDN hiện nay doanh nghiệp có khả năng am hiểu; gửi tờ khai quyết toán thuế TNDN qua mạng nhanh chóng, tiện lợi; cán bộ thuế sẵn sàng hỗ trợ doanh nghiệp khi gặp khó khăn, vướng mắc; thái độ phục vụ của công chức thuế hiện nay doanh nghiệp đánh giá là tốt.

Các doanh nghiệp có xu hướng xác định lợi nhuận kế toán gần giống với thu nhập chịu thuế.

Bảng 2.17: Các doanh nghiệp có xu hướng xác định lợi nhuận kế toán gần giống với thu nhập chịu thuế

Câu trả lời	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Có	168	86,2%
Không	27	13,8%
Cộng	195	100%

Sau khi khảo sát về thực trạng công tác kế toán thuế TNDN tại các doanh nghiệp, đánh giá của các doanh nghiệp về hiệu quả của chính sách thuế và những cải cách thủ tục hành chính về thuế mang lại cho các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh Ninh Bình hiện nay. Tiếp đến tác giả tiếp tục khảo sát về công tác kế toán thuế TNDN tại doanh nghiệp để tìm hiểu thực trạng công tác kế toán khi doanh nghiệp lập báo cáo tài chính, xác định lợi nhuận kế toán có khác biệt so với thu nhập chịu thuế. Kết quả khảo sát được tác giả trình bày trong bảng số 17.

Trong số 195 doanh nghiệp được khảo sát có 168 doanh nghiệp chọn xu hướng xác định lợi nhuận kế toán gần giống với thu nhập chịu thuế, chiếm tỷ lệ 86,2%; có 27 doanh nghiệp chọn không chọn theo xu hướng trên, đại diện cho 13,8% tỷ lệ doanh nghiệp được khảo sát. Như vậy, hiện nay phần lớn các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh Ninh Bình có xu hướng xác định lợi nhuận kế toán gần giống với thu nhập chịu thuế điều này có thể tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi quyết toán thuế TNDN, đơn giản sổ sách vì sẽ làm giảm chênh lệch giữa cách

tính của cơ quan thuế và kế toán, tuy nhiên sẽ làm cho lợi nhuận kế toán không phản ánh đúng thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

- *Doanh nghiệp có xây dựng kế hoạch nộp thuế TNDN*

Bảng 2.18: Các doanh nghiệp có xây dựng kế hoạch nộp thuế TNDN

Câu trả lời	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Có	10	5,1%
Không	185	94,9%
Cộng	195	100%

Kết quả thống kê tại bảng số 18 cho thấy, trong số 195 doanh nghiệp được khảo sát chỉ có 10 doanh nghiệp chọn có xây dựng kế hoạch nộp thuế TNDN chiếm 5,1% trong tổng số doanh nghiệp được khảo sát, số doanh nghiệp còn lại là 185 chọn không xây dựng kế hoạch nộp thuế TNDN, chiếm 94,9%. Điều này cho thấy các doanh nghiệp hiện nay chưa chú trọng tìm kiếm các giải pháp để tối ưu hoá số thuế TNDN phải nộp.

- *Doanh nghiệp có xây dựng quy trình quản lý các chi phí được trừ và chi phí không được trừ khi xác định thuế TNDN phải nộp*

Kết quả khảo sát tại Bảng 2.19 cho thấy, chỉ có 7 doanh nghiệp chọn “có” chiếm 3,6% số doanh nghiệp được khảo sát. Còn lại có đến 188 doanh nghiệp chọn “không” chiếm 96,4%. Như vậy, câu trả lời này phù hợp với câu hỏi số 15, cho thấy các doanh nghiệp hiện nay chưa qua tâm đến việc xác định phương pháp và xây dựng quy trình quản lý các chi phí được trừ và chi phí không được trừ, cũng như xây dựng các giải pháp để tối ưu hoá số thuế TNDN phải nộp. Đa số các doanh nghiệp hiện nay chủ yếu quan tâm đến các giải pháp thông thường để tối thiểu chi phí như cắt giảm chi tiết, tiết kiệm, kiểm soát chặt chẽ chứng từ đầu vào...

Bảng 2.19: Các doanh nghiệp có xây dựng quy trình quản lý các chi phí được trừ và chi phí không được trừ khi xác định thuế TNDN phải nộp

Câu trả lời	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Có	7	3,6%
Không	188	96,4%
Cộng	195	100%

• *Doanh nghiệp đang cần được hỗ trợ những chính sách*

Những năm qua, khi xảy ra đại dịch Covid 19, kéo theo rất nhiều các doanh nghiệp gặp khó khăn, nhiều doanh nghiệp không thể đứng vững phải tạm dừng hoạt động, chống chọi cầm cự hoặc hoặc bị phá sản...Nhà nước cũng đã có một loạt các chính sách kinh tế hỗ trợ doanh nghiệp trong đó có chính sách hỗ trợ giảm thuế TNDN, giảm chi phí...Sau khi đại dịch đi qua, hiện nay rất nhiều doanh nghiệp đang dần hồi phục nhưng cũng không ít doanh nghiệp còn rất nhiều khó khăn. Để tìm hiểu các doanh nghiệp hiện nay trên địa bàn Tỉnh Ninh Bình đang cần được hỗ trợ những chính sách nào để phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo ra nhiều lợi nhuận, góp phần quan trọng đóng góp vào Ngân sách Nhà nước, tác giả đã khảo sát thêm câu hỏi về các chính sách mà doanh nghiệp cần được hỗ trợ hay ưu đãi. Kết quả khảo sát được thống kê tại Bảng 2.20 như sau:

Bảng 2.20: Doanh nghiệp đang cần được hỗ trợ các chính sách (có thể chọn nhiều đáp án)

Câu trả lời	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Giảm thuế TNDN	86	44,1%
Giảm tỷ lệ trích nộp các khoản bảo hiểm	176	90,3%
Cải cách thủ tục hành chính về thuế	150	76,9%
Tạo điều kiện thuận lợi cho DN vay vốn	40	20,5%
Giảm lãi suất vay vốn của các tổ chức tín dụng	45	23,1%
Khác	0	0,0%

Giảm tỷ lệ trích nộp các khoản bảo hiểm có 176 doanh nghiệp lựa chọn với tỷ lệ cao nhất là 90,3%; Cải cách thủ tục hành chính về thuế có 150 doanh nghiệp chọn chiếm tỷ lệ 76,9%; với nội dung giảm thuế suất thuế TNDN có 86 doanh nghiệp lựa chọn chiếm 44,1%; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp vay vốn có 40 doanh nghiệp chọn chiếm 20,5% và giảm lãi suất vay vốn của các tổ chức tín dụng có 45 doanh nghiệp chọn chiếm 23,1%. Như vậy, có thể đánh giá một số bộ phận doanh nghiệp quan tâm đến yếu tố vốn vay và lãi suất do cần vốn để phục hồi sản xuất kinh doanh bấy lâu bị tác động xấu bởi đại dịch Covid nhưng không phải là ưu tiên lớn nhất hiện nay của hầu hết các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh Ninh Bình, mà là giảm các khoản trích nộp bảo hiểm và cải cách

thủ tục hành chính về thuế mới là những chính sách mà các doanh nghiệp hiện nay đang quan tâm và cần được hỗ trợ. Giảm tỷ lệ trích nộp BHXH chính là góp phần tăng lương cho người lao động, giảm gánh nặng trả lương cho người lao động, đối với doanh nghiệp đó cũng là một khoản chi phí không nhỏ phải nộp vào ngân sách nhà nước. Các chính sách thuế hiện nay còn nhiều bất cập, khó hiểu, rắc rối và hay thay đổi, vì vậy giảm thủ tục hành chính thuế góp phần giảm gánh nặng về các công việc không cần thiết để tập trung cho sản xuất, kinh doanh.

Qua khảo sát kết quả cho thấy, tỷ lệ doanh nghiệp nợ đọng thuế trên 6 tháng là không đáng kể chiếm 7,7% (15/195 doanh nghiệp được khảo sát). Đa phần các doanh nghiệp chấp hành tốt nghĩa vụ thuế với nhà nước thông qua việc nộp thuế đúng hạn.

Bảng 2.21: Doanh nghiệp anh chị có nợ đọng thuế quá 6 tháng không

Câu trả lời	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Có	15	7,7%
Không	180	92,3%
Cộng	195	100%

2.2.2 Đánh giá thực trạng kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp

Từ kết quả khảo sát, tác giả phân tích, đánh giá thực trạng kế toán thuế ở các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình trên hai khía cạnh ưu điểm và nhược điểm. Với mỗi khía cạnh tác giả dựa trên văn bản liên quan và kết quả khảo sát tổng hợp lại để phân tích sự ảnh hưởng của luật và các văn bản liên quan, chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán đến với tình hình thực hiện kế toán thuế; Đánh giá tổng quát thực trạng tình hình thực hiện kế toán thuế TNDN trên địa bàn tỉnh Ninh Bình trên góc độ doanh nghiệp và trên góc độ thực hiện của cơ quan thuế.

2.2.2.1 Ưu điểm

***Luật thuế TNDN và các văn bản liên quan**

Luật thuế và các văn bản có liên quan có nhiều thay đổi, tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình nói riêng trong công tác kế toán thuế, góp phần để doanh nghiệp đạt hiệu quả kinh doanh tốt hơn:

Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, được sửa đổi, bổ sung bởi:

- Luật số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014;

- Luật số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015;

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Từ đó Luật thuế TNDN hợp nhất số 14/VBHN-VPQH ngày 15 tháng 07 năm 2020 có nhiều điểm mới đánh dấu bước ngoặt trong chính sách thuế TNDN, là dấu ấn ghi nhận sự tương thích nhất định với chính sách thuế TNDN quốc tế, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, sản xuất kinh doanh. Luật thuế TNDN không ngừng được hoàn thiện, bổ sung, sửa đổi nhằm tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động và phát triển với một số quy định mới như bãi bỏ mức trần không chế không được vượt quá 15% tổng số chi được trừ đối với khoản chi quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, khánh tiết, hội nghị, hoa hồng môi giới, tiếp tân, hỗ trợ chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh; quy định chi tiết, rõ ràng hơn một số các điều khoản dễ gây tranh luận như quy định chi tiết hơn các thu nhập miễn thuế; các khoản chi phí không được trừ...bỏ quy định doanh nghiệp phải khai thuế TNDN tạm nộp hàng quý, do đó doanh nghiệp chỉ phải khai quyết toán thuế TNDN một lần/năm... Đồng thời với sự ra đời của Luật thuế TNDN thì Chính phủ cũng ban hành các nghị định hướng dẫn và Bộ Tài chính ban hành các thông tư hướng dẫn chi tiết kịp thời tạo cơ sở cho doanh nghiệp về quy trình, thủ tục và cách thức để kê khai, xác định và nộp thuế TNDN. Bên cạnh đó, Tổng cục Thuế cũng ban hành các công văn hướng dẫn về thuế TNDN cho doanh nghiệp.

Tổng hợp các nghị định của Chính phủ hướng dẫn thuế TNDN bao gồm:

- Nghị định 218/2013/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN.

- Nghị định 91/2014/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 15/11/2014 và riêng quy định tại Điều 1 Nghị định này áp dụng cho kỳ tính thuế TNDN từ năm 2014;

- Nghị định 12/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2015.

- Nghị định 146/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 100/2016/NĐ-CP và Nghị định 12/2015/NĐ-CP, có hiệu lực kể từ ngày 01/02/2018.

- Văn bản hợp nhất 09/VBHN-BTC ngày 07/5/2018.

- Nghị định 57/2021/NĐ-CP bổ sung điểm g khoản 2 Điều 20 Nghị định 218/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP) về ưu đãi thuế TNDN đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, có hiệu lực từ ngày 04/06/2021.

Tổng hợp các thông tư hướng dẫn thuế TNDN bao gồm:

- Thông tư 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định 218/2013/NĐ-CP và hướng dẫn thi hành Luật Thuế TNDN, có hiệu lực kể từ ngày 02/8/2014.

- Thông tư 119/2014/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 156/2013/TT-BTC, Thông tư 111/2013/TT-BTC, Thông tư 219/2013/TT-BTC, Thông tư 08/2013/TT-BTC, Thông tư 85/2011/TT-BTC, Thông tư 39/2014/TT-BTC và Thông tư 78/2014/TT-BTC để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 01/9/2014;

- Thông tư 151/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định 91/2014/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 15/11/2014;

- Thông tư 96/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế TNDN tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 78/2014/TT-BTC, Thông tư 119/2014/TT-BTC, Thông tư 151/2014/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 06/8/2015.

- Thông tư liên tịch 12/2016/TTLT-BKH-CN-BTC hướng dẫn nội dung chi và quản lý phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, có hiệu lực kể từ ngày 01/9/2016.

- Thông tư 130/2016/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 100/2016/NĐ-CP và sửa đổi một số điều tại các Thông tư về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2016.

- Thông tư 25/2018/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 146/2017/NĐ-CP và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 78/2014/TT-BTC, Thông tư 111/2013/TT-BTC, có hiệu lực kể từ ngày 01/5/2018.

- Văn bản hợp nhất 66/VBHN-BTC ngày 19/12/2019.

Như vậy, với những câu hỏi khảo sát, đặc biệt là câu hỏi khảo sát số 13, cho thấy sự đồng ý của các đại đa số của doanh nghiệp tham gia khảo sát cho rằng chính sách thuế TNDN hiện nay có hiệu quả trong việc cắt giảm thời gian hoàn thành thủ tục về thuế cho doanh nghiệp. Thuế TNDN đã góp phần làm thay đổi căn bản nội hàm của chính sách thuế, tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, điều tiết vĩ mô nền kinh tế, đẩy mạnh sản xuất xuất khẩu, cải thiện môi trường kinh doanh và từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh của cộng đồng các doanh nghiệp trong nước. Các khoản chi phí hợp lý được quy định một cách rõ ràng và phù hợp với những điều kiện của nền kinh tế thị trường theo những thông lệ quốc tế. Một số các khoản thu nhập được bổ sung vào đối tượng chịu thuế, xóa bỏ sự phân biệt thuế suất và điều chỉnh sát với các mặt bằng thuế suất chung của thuế TNDN trên thế giới.

Theo các thống kê của cục thuế, số thu về thuế TNDN tăng trưởng hàng năm trong tổng thu thuế và phí, từ đó tạo nguồn thu lớn, tập trung và ngày càng ổn định cho ngân sách nhà nước, góp phần bù đắp số giảm thu về thuế xuất nhập khẩu do phải thực hiện cắt giảm thuế nhập khẩu theo cam kết quốc tế. Một số nội dung tại Luật thuế TNDN hợp nhất và các văn bản hướng dẫn thi hành đã góp phần tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành nông nghiệp, công nghiệp phụ trợ; có nhiều quy định khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh đối với ngành nông nghiệp, thủy sản, chăn nuôi.

Luật thuế TNDN hợp nhất đã góp phần đảm bảo quyền lợi và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, người nộp thuế: Luật thuế TNDN quy định thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư được hạch toán riêng và được bù trừ lãi, lỗ của các hoạt động này với nhau; sau khi bù trừ mà vẫn bị lỗ thì số lỗ này được bù trừ với lãi của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ tính thuế.

Về thuế suất, Luật thuế TNDN hợp nhất đã thực hiện đúng lộ trình giảm dần mức thuế suất. Từ 01/01/2010 đến hết ngày 31/12/2013, thuế suất phổ thông là 25%. Từ 01/01/2014, mức thuế suất phổ thông là 22%, doanh nghiệp có tổng doanh thu năm không quá 20 tỷ đồng được áp dụng thuế suất phổ thông 20% kể từ ngày 01/07/2013. Từ ngày 01/01/2016, mức thuế suất phổ thông là 20%.

Các chính sách thuế TNDN được công khai minh bạch:

Qua khảo sát các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (Bảng số 15), các thủ tục, chính sách về thuế TNDN được cơ quan thuế công khai, minh bạch

với đa số các lựa chọn đều đồng ý với ý kiến (178/195 doanh nghiệp), chiếm tỷ lệ 91,3%.

Thực tế cho thấy, các chính sách về thuế nói chung và thuế TNDN nói riêng hiện nay đều được Cơ quan thuế công khai, minh bạch trên các website của Bộ Tài Chính, Tổng Cục thuế, Tạp chí thuế và các website của các Cục Thuế địa phương, hoặc các website khác có liên quan và được niêm yết công khai tại trụ sở Cục thuế và các chi cục Thuế Ninh Bình.

Việc áp dụng Luật thuế TNDN sửa đổi các khoản chi phí được trừ khi xác định chi phí hợp lý, các khoản thu nhập chịu thuế đã có nhiều chuyển biến tích cực hơn theo hướng ngày càng công khai minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ áp dụng. Về doanh thu để tính thu nhập chịu thuế có một bước chuyển biến đáng kể so với Luật thuế TNDN năm 2008, đó là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, hoặc là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc hoàn thành từng phần việc cung ứng dịch vụ cho người mua.

Về giảm mức thuế suất: Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình thực hiện các mức thuế theo quy định theo từng giai đoạn thời kỳ. Ngày 01/01/1999, Luật thuế TNDN chính thức có hiệu lực thi hành, mức thuế suất phổ thông áp dụng cho mọi loại hình doanh nghiệp trong nước là 32%. Đến năm 2004, mức thuế suất phổ thông giảm còn 28%. Năm 2009 mức thuế suất phổ thông là 25%. Năm 2012 giảm xuống còn 20% và 22%. Kể từ ngày 01/01/2016, các trường hợp thuộc diện áp dụng thuế suất 22% chuyển sang áp dụng thuế suất 20%. Ngoài ra quy định cụ thể mức thuế suất và thời gian được hưởng ưu đãi thuế suất cho các đối tượng được ưu đãi thuế suất khác nhau.

Quy định và triển khai thực hiện hóa đơn điện tử: Về cơ bản quy định triển khai hóa đơn điện tử thành công và được đại đa số doanh nghiệp đánh giá hệ thống thuế điện tử có ích cho doanh nghiệp (câu hỏi khảo sát số 13):

Thông tư số 78/2021/TT-BTC được ban hành ngày 17/09/2021 hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019 và Nghị định 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ về hóa đơn, chứng từ đã đánh dấu một bước quan trọng thay đổi toàn diện trong việc sử dụng hóa đơn điện tử, kê khai điện tử. Qua thời gian thực hiện thử nghiệm trước năm 2021, đến hiện nay các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đều sử dụng và kê khai hóa đơn điện tử phục vụ công tác hạch toán, quyết toán thuế TNDN cơ bản hiệu quả. Đối với hóa đơn điện tử doanh nghiệp không cần phải lập báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn cho

loại hóa đơn điện tử này, vì tất cả thông tin hóa đơn đã được gửi lên và lưu trữ trên Tổng cục Thuế khi xác thực. Người mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ có thể kiểm tra kết quả xác thực hóa đơn bằng cách truy cập trang thông tin điện tử ngành Thuế và nhập các thông tin về hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan Thuế. Vì vậy, công tác lưu trữ hóa đơn minh chứng cho doanh thu, chi phí có nhiều sự thay đổi theo hướng tiện lợi và an toàn, đỡ tốn kém chi phí hơn cho doanh nghiệp.

***) Chuẩn mực kế toán thuế TNDN**

Một số kế toán của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình có chú ý áp dụng chuẩn mực kế toán thuế TNDN, mặc dù số lượng không nhiều. (câu hỏi khảo sát số 2, 14).

Trên thực tế, do những khác biệt giữa các quy định về kế toán và thuế nên kế toán thuế TNDN trở thành một vấn đề phức tạp, đòi hỏi kế toán vừa phải xác định được lợi nhuận kế toán vừa phải xác định được thu nhập chịu thuế để tính và ghi nhận thuế TNDN phải nộp, vừa phải xử lý được sự khác biệt giữa kế toán và thuế nhằm trình bày BCTC trung thực hợp lý. Sự ra đời của chuẩn mực kế toán thuế TNDN giúp doanh nghiệp có cơ sở hiểu và ứng xử phù hợp với các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, làm cho số liệu về kế toán thuế TNDN trở nên minh bạch, rõ ràng hơn. Qua đó góp phần phản ánh đúng tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Có thể nói, chuẩn mực kế toán thuế TNDN ra đời là một bước ngoặt quan trọng đối với kế toán thuế TNDN. Từ khi có Chuẩn mực kế toán thuế TNDN, việc hạch toán thuế TNDN dễ dàng, thuận tiện hơn. Chính sách của kế toán không phụ thuộc vào chính sách của thuế như trước. Doanh nghiệp tự chủ hơn trong việc tính toán và ghi nhận thuế TNDN. Trước đây khi chưa có chuẩn mực, kế thuế TNDN thường ghi nhận thuế TNDN theo cách tính của cơ quan thuế. Chuẩn mực kế toán thuế TNDN giúp cho việc nhìn nhận, đánh giá và ghi nhận thuế TNDN hợp lý hơn và đúng bản chất của thuế TNDN.

Chuẩn mực kế toán thuế TNDN được ban hành, cập nhật, bổ sung và hoàn thiện phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế Việt Nam phát triển và hội nhập.

***) Về chế độ kế toán thuế TNDN**

Chế độ kế toán Việt Nam được xây dựng một cách khá cụ thể về các nội dung trong đó có nội dung về thuế TNDN cho các doanh nghiệp, từ đó giúp các

doanh nghiệp dễ dàng hạch toán kế toán thuế TNDN. Đại bộ phận các doanh nghiệp đã vận dụng và đầy đủ các thủ tục cần thiết để xác định số thuế TNDN phải nộp. Việc xác định và nộp thuế được các doanh nghiệp chủ động và tuân thủ chính sách hiện hành, việc xác định số thuế TNDN tạm nộp hàng quý và số thuế TNDN khi quyết toán năm theo đúng quy định. (câu hỏi khảo sát 2, 6, 7, 12).

Hiện nay, việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp được thực hiện theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (Thông tư 200). Theo đó, Thông tư 200 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ đang thực hiện kế toán theo Chế độ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ được vận dụng quy định của Thông tư 200 để kế toán phù hợp với đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý của mình. Tính đến hiện tại, Thông tư 200 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp đã được các văn bản sau đây sửa đổi, bổ sung:

- Thông tư 75/2015/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điều 128 của Thông tư 200.

- Thông tư 177/2015/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với bảo hiểm tiền gửi Việt Nam. Thông tư này đã sửa đổi, bổ sung một số tài khoản kế toán tại Chế độ kế toán doanh nghiệp đã ban hành theo Thông tư 200 để áp dụng đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

- Thông tư 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.

Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC, không bắt buộc áp dụng 4 hình thức Nhật ký chung, Nhật ký sổ Cái, Nhật ký chứng từ và Chứng từ ghi sổ, các doanh nghiệp áp dụng theo hình thức của phần mềm kế toán mà doanh nghiệp đang sử dụng; các doanh nghiệp không bắt buộc phải áp dụng mẫu sổ kế toán như trước mà được tự thiết kế, xây dựng riêng phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp; Kế toán không vì mục đích thuế mà vì mục đích chung, đảm bảo tính minh bạch rõ ràng cho tất cả những người sử dụng báo cáo tài chính, việc ghi nhận doanh thu chi phí kế toán không phụ thuộc vào hóa đơn mà phụ thuộc vào các điều kiện của chuẩn mực kế toán có cho phép hay không.

Hiện nay, việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa được thực hiện theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 (Thông tư 133). Theo đó, Thông tư 133 áp dụng đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa (bao gồm cả doanh nghiệp siêu nhỏ) thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trừ doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ, công ty đại

chúng theo quy định của pháp luật về chứng khoán, các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Luật Hợp tác xã 2012. Đối với Doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa thuộc lĩnh vực đặc thù như điện lực, dầu khí, bảo hiểm, chứng khoán ... đã được Bộ Tài chính ban hành hoặc chấp thuận áp dụng chế độ kế toán đặc thù. Ba nguyên tắc chung khi áp dụng Thông tư 133 như sau:

- Thứ nhất, doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể lựa chọn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế nhưng phải thông báo cho cơ quan thuế quản lý doanh nghiệp và phải thực hiện nhất quán trong năm tài chính. Trường hợp chuyển đổi trở lại áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Thông tư 133 thì phải thực hiện từ đầu năm tài chính và phải thông báo lại cho cơ quan thuế.

- Thứ hai, doanh nghiệp vừa và nhỏ căn cứ vào nguyên tắc kế toán, nội dung và kết cấu của các tài khoản kế toán quy định tại Thông tư 133 để phân tích và hạch toán các giao dịch kinh tế phát sinh phù hợp với đặc điểm hoạt động và yêu cầu quản lý của đơn vị.

- Thứ ba, trường hợp trong năm tài chính doanh nghiệp có những thay đổi dẫn đến không còn thuộc đối tượng áp dụng theo Thông tư 133 thì được áp dụng Thông tư 133 cho đến hết năm tài chính hiện tại và phải áp dụng Chế độ kế toán phù hợp với quy định của pháp luật kể từ năm tài chính kế tiếp.

Thông tư 133/2016/TT-BTC có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017, tách biệt giữa kế toán và thuế, hướng đến phục vụ nhu cầu quản trị, điều hành doanh nghiệp; dỡ bỏ toàn bộ sự bắt buộc đối với chứng từ và sổ kế toán, doanh nghiệp được tự xây dựng hệ thống chứng từ và sổ kế toán để đáp ứng yêu cầu quản trị, điều hành phù hợp với đặc thù hoạt động, miễn là đáp ứng được các yêu cầu của Luật kế toán; chế độ kế toán chỉ quy định về nguyên tắc kế toán mà không quy định chi tiết các bút toán, bằng cách vận dụng nguyên tắc kế toán, doanh nghiệp được tự quyết định các bút toán ghi sổ sao cho phù hợp nhất với quy trình luân chuyển chứng từ, miễn là trình bày BCTC đúng quy định.

***) Đánh giá chung tình hình thực hiện kế toán thuế TNDN trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

Đối với doanh nghiệp

Qua khảo sát thực tế tại các doanh nghiệp tỉnh Ninh Bình cho thấy công tác kế toán thuế TNDN được chú trọng, từ khâu tổ chức bộ máy kế toán, sắp xếp nhân sự, quy định chức năng, phân hành của kế toán thuế TNDN.

Đa phần các doanh nghiệp áp dụng đầy đủ, kịp thời các quy định mới về kế toán thuế. Vận dụng đúng và đầy đủ chế độ kế toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC hoặc Thông tư 133/2016/TT-BTC tuân thủ đầy đủ và đúng Luật thuế TNDN và các thông tư hướng dẫn trong việc ghi nhận và hạch toán thuế TNDN từ thuế TNDN tạm nộp đến thuế TNDN phải nộp theo quyết toán năm.

Hệ thống kế toán thuế TNDN tại các doanh nghiệp rõ ràng, chính xác. Đội ngũ kế toán tại các doanh nghiệp cơ bản có kinh nghiệm, năng lực, trình độ, nhạy bén, thường xuyên cập nhật thông tin, nắm bắt các chế độ kế toán mới và các quy định mới về thuế TNDN và vận dụng vào công việc một cách có hiệu quả.

Công tác kế toán thuế TNDN tại các doanh nghiệp được quan tâm, một số các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp lớn và thành lập lâu năm thường xuyên cử các kế toán viên tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ do Cục thuế và các chi cục Thuế Ninh Bình tổ chức để nắm bắt đầy đủ, kịp thời các quy định mới nhất về hạch toán kế toán, kê khai và nộp thuế.

Đối với phía Cục thuế và các chi cục Thuế Ninh Bình

Qua phỏng vấn một số cán bộ thuế ở cục Thuế và chi cục thuế ở tỉnh Ninh Bình và dựa trên kết quả khảo sát và nghiên cứu tài liệu tổng hợp tác giả nhận thấy:

- *Về kinh tế*: Thuế TNDN đã tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, điều tiết vĩ mô nền kinh tế, đẩy mạnh xuất khẩu, cải thiện môi trường kinh doanh và từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

- *Đối với thu NSNN*: Qua các năm số thu ngân sách trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đạt mức theo yêu cầu, tỷ trọng nợ đọng thuế không đáng kể. Đặc biệt những năm gần đây, các cục Thuế và Cục thuế và các chi cục Thuế Ninh Bình Ninh Bình cơ bản hoàn thành nhiệm vụ ngân sách được giao mặc dù có khó khăn do dịch covid.

- *Đối với việc kê khai, kế toán thuế*: Cục thuế và các chi cục Thuế Ninh Bình đã triển khai thực hiện tốt ứng dụng kê khai thuế qua mạng Internet và cải cách thủ tục hành chính nhằm giảm thiểu thời gian, chi phí, nhân lực cho người nộp thuế và cả cơ quan thuế, đồng thời cũng hạn chế những sai sót do lỗi số học khi

kê khai, giúp người nộp thuế nộp tờ khai đúng thời hạn. Bên cạnh đó, Cục thuế và các chi cục Thuế Ninh Bình cũng thường xuyên công tác đôn đốc nộp tờ khai, kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế của người nộp thuế, phát hiện ngay các trường hợp kê khai không đúng, không đủ, không kịp thời số thuế phải nộp để có các biện pháp chấn chỉnh, xử lý kịp thời. Do vậy trong thời gian qua, đại đa số các doanh nghiệp trên địa bàn chấp hành tốt nghĩa vụ kê khai, nộp thuế kịp thời, tỷ lệ người nộp thuế đã nộp tờ khai đúng hạn trên tổng số người nộp thuế phải nộp tờ khai đạt trên 97% số tờ khai, số người nộp thuế chậm (hoặc không nộp tờ khai) ngày càng giảm.

- *Đối với công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế*: Nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí cho người nộp thuế và cơ quan thu thuế, Cục thuế và các chi cục Thuế Ninh Bình đã triển khai nhiều biện pháp nhằm hỗ trợ người nộp thuế, cung cấp dịch vụ nộp thuế điện tử cho người nộp thuế. Cục thuế, và chi cục thuế đã tiếp nhận và giải đáp, hướng dẫn kịp thời các vướng mắc cho các tổ chức, cá nhân nộp thuế thông qua việc trả lời bằng điện thoại, bằng văn bản hoặc trực tiếp tại cơ quan thuế; tổ chức các cuộc đối thoại để giải đáp các vướng mắc và tiếp thu các ý kiến đề xuất, kiến nghị của người nộp thuế về chính sách nhằm nghiên cứu, hoàn thiện chính sách, pháp luật thuế; tôn vinh kịp thời các doanh nghiệp thực hiện tốt nghĩa vụ thuế.

- *Đối với công tác cải cách thủ tục hành chính thuế*: Cục thuế và các chi cục Thuế Ninh Bình tổ chức quán triệt nội dung, yêu cầu của việc thực hiện cải thủ tục cách hành chính về thuế đến từng cán bộ, công chức thuế. Theo đó, mọi cán bộ, công chức thuế khi tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính về thuế của người nộp thuế phải thực hiện theo đúng các quy định, tuyệt đối không được yêu cầu người nộp thuế nộp thêm bất cứ một loại hồ sơ, giấy tờ nào hoặc thực hiện quy định khác so với các thủ tục hành chính đã được công bố trên bảng điện tử tại Cục thuế và các chi cục Thuế Ninh Bình. Nếu cán bộ, công chức giải quyết hồ sơ chậm so với quy định phải có thư xin lỗi doanh nghiệp. Công khai các thủ tục hành chính trên bảng điện tử tại bộ phận một cửa, công khai thủ tục trên website của cơ quan thuế.

- *Đối với công tác thanh tra, kiểm tra thuế*: Cục thuế và các chi cục Thuế Ninh Bình không ngừng đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra chống thất thu thuế, kiểm tra hồ sơ khai thuế tại trụ sở cơ quan thuế, tại trụ sở người nộp thuế. Công tác thanh tra, kiểm tra thuế được triển khai dựa trên việc phân tích cơ sở dữ

liệu về người nộp thuế, bộ tiêu chí đánh giá rủi ro và chương trình gán điểm rủi ro cho từng doanh nghiệp thuộc diện quản lý của Cục thuế và các chi cục Thuế Ninh Bình.

- *Đối với tình hình nợ đọng thuế TNDN*: Nhìn chung, tỷ trọng nợ đọng thuế TNDN trên địa bàn theo số liệu khảo sát là ít.

2.2.2.2 Hạn chế

Qua phân tích văn bản, kết quả khảo sát, kết quả phỏng vấn một số cán bộ thuế. Tác giả nhận thấy có khá nhiều những khó khăn, tác động không mong muốn của Luật thuế TNDN, Chuẩn mực kế toán thuế TNDN và Chế độ kế toán ảnh hưởng đáng kể đến thực trạng Kế toán thuế của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp cụ thể như sau:

***) Luật thuế TNDN và văn bản liên quan**

Luật thuế TNDN và các văn bản liên quan về thuế TNDN đã có nhiều thay đổi phù hợp với các doanh nghiệp, tuy nhiên còn khá nhiều bất cập liên quan như:

Chính sách liên quan đến thuế TNDN còn phức tạp, chưa đồng bộ và thay đổi khá thường xuyên:

Các chính sách liên quan đến thuế TNDN được quy định thông qua khá nhiều văn bản của Nhà nước, các quy định này còn phức tạp và khó hiểu đòi hỏi người có chuyên môn am hiểu về Luật thuế TNDN mới nắm bắt được. Trong thời gian qua, hằng năm các văn bản pháp luật mới hướng dẫn các quy định mới về thuế TNDN như thông tư, nghị định và các công văn trả lời các vướng mắc hoặc các quy định được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các văn bản trước đó được ban hành. Việc thay đổi thường xuyên các văn bản pháp luật khiến cho các doanh nghiệp khó có thể nắm bắt kịp thời. Vì vậy, vẫn còn tình trạng các quy định mới về thuế TNDN đã có hiệu lực nhưng các doanh nghiệp vẫn chưa cập nhật kịp để biết thực hiện. Một số doanh nghiệp thực hiện chưa đúng theo các quy định về thuế TNDN, dẫn đến có thể sẽ phát sinh thêm các khoản tiền phạt vi phạm hành chính về thuế, truy thu số thuế tính sai, phạt vi phạm do khai thiếu thuế và phát sinh thêm tiền phạt chậm nộp phát sinh.

Những hạn chế liên quan đến việc xác định doanh thu và chi phí theo mục tiêu tính thuế TNDN:

- **Đối với doanh thu tính thuế:** Thời điểm xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế đối với hoạt động cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc hoàn thành từng phần việc cung ứng dịch vụ cho người mua. Trường hợp doanh nghiệp đã xuất hóa đơn nhưng chưa hoàn nghĩa vụ của nhà cung ứng. Theo quy định của Luật thuế, doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định dựa trên thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ nên toàn bộ tiền ghi trên hóa đơn là doanh thu chịu thuế, dù cho khoản đó chưa đủ điều kiện để ghi nhận doanh thu. Điều này tạo ra sự bất hợp lý bởi vì doanh nghiệp phải nộp thuế trên cả những khoản chưa phải là doanh thu, chưa chắc hình thành doanh thu. Trường hợp doanh nghiệp đã hoàn thành nghĩa vụ của nhà cung ứng, đã giao hàng nhưng chưa xuất hoặc không xuất được hóa đơn, cơ quan thuế không kiểm soát được các khoản này nên không được tính vào doanh thu, dù thực sự đó là doanh thu của doanh nghiệp.

- **Đối với các khoản chi phí:** Các quy định của Luật thuế dựa trên hóa đơn chứng từ nên có những khoản chưa hợp lý. Theo quy định của Luật kế toán, doanh nghiệp phải theo dõi và hạch toán toàn bộ các khoản chi có liên quan phát sinh tại doanh nghiệp, tuy nhiên theo Luật thuế thì doanh nghiệp chỉ được tính vào chi phí để giảm trừ thu nhập chịu thuế đối với các khoản chi phí hợp lý theo quy định. Điều này tạo ra sự chênh lệch giữa lợi nhuận trước thuế của kế toán và thu nhập tính thuế. Đây là nội dung khó nhất và dễ tạo ra sự thiếu minh bạch nhất của Luật thuế TNDN. Để được xác định là khoản chi phí hợp lý được trừ khi tính thuế TNDN thì các khoản chi này phải đáp ứng đủ các điều kiện: Là khoản chi thực tế phát sinh có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và có đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật, đồng thời các khoản chi đó không thuộc các khoản chi không được trừ theo quy định của Luật thuế TNDN. Thực sự, việc áp dụng các quy định này không dễ dàng trong việc hạch toán đối với doanh nghiệp có những khoản chi phí phát sinh thực tế, có đủ hóa đơn chứng từ theo quy định của pháp luật, doanh nghiệp cho là liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhưng cơ quan quản lý thuế lại cho là không liên quan và không được tính vào chi phí hợp lý. Điều này dễ dẫn đến tiêu cực, nhũng nhiễu, làm khó doanh nghiệp, tùy vào quyết định của cán bộ thuế khi tiến hành kiểm tra, quyết toán thuế TNDN tại các doanh nghiệp, có cán bộ thuế bỏ qua, có cán bộ thuế không bỏ qua.

Đối với hóa đơn

Quy định về hóa đơn điện tử có mã và không có mã của cơ quan thuế đem lại sự tiện lợi rất lớn cho cơ quan thuế và doanh nghiệp. Tuy nhiên, tình trạng thất thu về thuế vẫn chiếm một tỷ lệ lớn, đặc biệt đối với các doanh nghiệp kinh doanh bán lẻ, dịch vụ. Các doanh nghiệp này đóng góp một khoản thu không nhỏ cho ngân sách nhà nước. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại tình trạng doanh nghiệp kê khai không trung thực, cố tình lách luật để trốn thuế.

Về ưu đãi thuế

Nhà nước ban hành những quy định về ưu đãi thuế (ưu đãi theo ngành nghề, ưu đãi theo khu vực, ưu đãi về thuế suất, ưu đãi về miễn thuế, giảm thuế...). Tuy nhiên các văn bản hướng dẫn còn rất khó làm đối với đại bộ phận kế toán từ cách tính, cách xác định, biểu mẫu kê khai...

Đối với quy định trích lập quỹ phát triển khoa học công nghệ:

Doanh nghiệp được trích tối đa 10% lợi nhuận trước thuế để lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong doanh nghiệp, sử dụng để đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ. Quy định pháp lý là như vậy nhưng từ năm 2008 đến nay, có rất ít doanh nghiệp trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ. Mặc dù đây là một trong những chính sách có lợi cho doanh nghiệp, tuy nhiên, trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong doanh nghiệp đang gặp khó khăn trong việc đi vào thực tiễn. Nhìn chung chính sách này chưa nhận được sự phản hồi tích cực từ phía các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp chưa muốn hay chưa sẵn sàng với việc trích lập quỹ thì vẫn có một số doanh nghiệp dường như còn khá ngỡ ngàng và chưa có nhiều thông tin về chính sách trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ. (câu 22, các doanh nghiệp trả lời đều khẳng định là không thực hiện trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ vì lo ngại việc sẽ không được cơ quan thuế chấp nhận).

Như vậy, nội dung các quy định của Luật thuế TNDN hiện hành và các văn bản hướng dẫn liên quan còn phức tạp, nhiều nội dung giữa các văn bản còn khó hiểu, có sự mâu thuẫn, chồng chéo, chưa thống nhất với nhau. Sự không thống nhất trong tên gọi một số thuật ngữ trong chính sách thuế và chế độ kế toán khiến cho doanh nghiệp nhầm lẫn và có thể hiểu sai vấn đề dẫn đến doanh nghiệp không biết nên sử dụng thuật ngữ nào, làm thế nào và theo chính sách nào.

***) Chuẩn mực kế toán thuế TNDN**

Hiện tại có sự khác biệt giữa Chuẩn mực và Luật thuế TNDN, chế độ kế toán cụ thể:

Khác biệt về ghi nhận doanh thu:

Cơ quan thuế xác định doanh thu theo quy định của Luật thuế: Thời điểm xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế đối với hàng hóa bán ra là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng cho người mua; Thời điểm xác định doanh thu để tính thu nhập chịu thuế đối với dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ cho người mua hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ.

Kế toán doanh nghiệp xác định doanh thu theo nguyên tắc của kế toán: Doanh thu được ghi nhận vào thời điểm thực tế phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thu tiền và việc ghi nhận doanh thu và chi phí phải phù hợp với nhau, khi ghi nhận doanh thu thì phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó. Doanh thu chỉ được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn về khả năng thu được lợi ích kinh tế.

□ Khác biệt về ghi nhận chi phí:

Cơ quan thuế xác định chi phí dựa trên cơ sở thực chi và có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp và thuộc diện chi phí được trừ theo quy định của Luật thuế TNDN, cụ thể như sau: Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp hoặc các khoản chi thực hiện nghĩa vụ quốc phòng, an ninh; chi phục vụ cho hoạt động của tổ chức Đảng, tổ chức chính trị xã hội trong doanh nghiệp; các khoản chi thực tế cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS nơi làm việc của doanh nghiệp; Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật; Đối với các hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá thanh toán từ 20 triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

Kế toán ghi nhận chi phí theo nguyên tắc của kế toán: Nguyên tắc cơ sở dồn tích yêu cầu: Chi phí phải được ghi nhận tại thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực chi; Nguyên tắc phù hợp yêu cầu: Chi phí phải được ghi nhận phù hợp với doanh thu; Nguyên tắc thận trọng yêu cầu: Chi phí phải được ghi nhận khi có bằng chứng về khả năng phát sinh chi phí.

Chính cách khác biệt trong ứng xử chi phí giữa thuế và kế toán đã tạo ra các khoản chênh lệch giữa thuế và kế toán.

□ **Khác biệt về lợi nhuận:**

Lợi nhuận kế toán được xác định theo quy định của chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán. Trong khi đó thu nhập chịu thuế được xác định theo quy định của Luật thuế và Thông tư về thuế. Do quy định bởi hai hành lang pháp lý khác nhau vì vậy có sự khác biệt giữa kế toán và thuế. Thực tế, thời gian qua nhiều doanh nghiệp luôn làm kế toán theo thuế để tránh những phiền phức khi phải làm tờ khai quyết toán thuế TNDN cuối năm tài chính.

Như vậy, khi kế toán doanh nghiệp có vai trò chủ yếu phục vụ cho mục đích quản lý thuế của Nhà nước và kiểm tra của ngành thuế thì công tác kế toán gặp một số khó khăn, do các quy định của Thuế khác so với các quy định của Luật và chế độ kế toán. Vì vậy hệ thống kế toán không phản ánh đúng tình hình thực tế hoạt động tại các doanh nghiệp, ảnh hưởng đến việc cung cấp thông tin cho nhà quản lý điều hành doanh nghiệp.

***) Chế độ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp**

Các biểu mẫu sổ sách kế toán có nhiều sự thay đổi, một số mẫu biểu đã chuyển từ mẫu bắt buộc sang mẫu hướng dẫn, tạo sự linh hoạt cho kế toán. Tuy nhiên về cơ bản chế độ kế toán doanh nghiệp vẫn còn ít yếu tố mở và tính chủ động như: hiện nay các văn bản hướng dẫn thực hành chế độ kế toán còn quá đi sâu vào kỹ thuật hạch toán nên tạo nên sự máy móc, khó bao quát hết được các nghiệp vụ phát sinh của doanh nghiệp. Hơn nữa hệ thống tài khoản kế toán còn bó hẹp và nguyên tắc.

Luật, và chế độ Kế toán hiện hành quy định hạch toán tài sản theo giá gốc, điều này không phản ánh được tình hình biến động tài sản và nợ phải trả tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Theo thông lệ phổ biến trên toàn thế giới việc hạch toán được thực hiện theo giá trị hợp lý (giá thị trường tại thời điểm đánh giá).

Chưa có sự phân định rõ ràng giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị: hiện nay, kế toán tài chính đang thực hiện một phần nhiệm vụ của kế toán quản trị như việc tính giá thành (ở một số nước phát triển, nhiệm vụ tính giá thành thuộc kế toán quản trị), trong khi thực chất nhiệm vụ của kế toán tài chính là phản ánh sự vận động của tài sản và nguồn vốn.

Một số nguyên tắc trong thực hành kế toán chưa được tuân thủ dẫn đến chất lượng thông tin kế toán còn chưa đáp ứng yêu cầu quản lý và cung cấp ra

bên ngoài. Nhiều kế toán đơn vị không tuân theo các nguyên tắc kế toán, cố tình làm sai lệch thông tin, hạch toán không trung thực để trốn thuế. Sự hạn chế về kinh nghiệm và trình độ của nhân viên kế toán, sự thiếu hiểu biết và tôn trọng luật pháp cũng là một lý do dẫn đến những sai lệch trong thông tin kế toán giữa thực tế và sự phản ánh của nó trên sổ sách kế toán.

Chế độ kế toán doanh nghiệp chưa tiệm cận với các chính sách tài chính khác như thuế, tài chính ngân hàng, hải quan... gây ra khó khăn cho những người thực hiện cũng như cung cấp được thông tin trung thực và hợp lý nhất.

***) Đánh giá chung tình hình thực hiện kế toán thuế TNDN trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

Về phía các doanh nghiệp

Phần lớn các doanh nghiệp trên địa bàn hiện nay là các doanh nghiệp nhỏ và vừa nên việc áp dụng Chuẩn mực kế toán thuế TNDN (VAS 17) vào thực tế công tác kế toán vẫn còn rất ít. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp chưa thực sự phân biệt lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế nên khó khăn trong việc xác định các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế TNDN.

Một số doanh nghiệp còn ghi nhận doanh thu, chi phí theo quy định của Luật thuế nên không phù hợp với các quy định của chế độ kế toán. Những chi phí theo quan điểm của thuế TNDN là chi phí được trừ thì doanh nghiệp mới ghi nhận trong sổ kế toán, còn lại thường là bỏ qua không ghi nhận. Vì vậy, làm cho báo cáo tài chính có sự sai lệch.

Đại đa số các doanh nghiệp chưa xây dựng quy trình quản lý các chi phí được trừ và chi phí không được trừ khi xác định số thuế TNDN phải nộp, cũng như lập kế hoạch nộp thuế TNDN sao cho hiệu quả.

Một số doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn còn thụ động chưa tự cập nhật, tìm hiểu và nắm bắt các chính sách liên quan đến thuế TNDN. Khi làm tờ khai quyết toán thuế TNDN, nhiều kế toán đã không để ý để loại bỏ chi phí không được trừ ... vì vậy có thể dẫn đến số thuế TNDN phải nộp không chính xác.

Một số chủ doanh nghiệp chưa nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán trong doanh nghiệp nói chung, kế toán thuế TNDN nói riêng. Điều này xuất phát từ nguyên nhân khách quan là đa số các doanh nghiệp trên địa bàn là doanh nghiệp nhỏ và vừa và hàng năm có khá nhiều doanh nghiệp mới thành lập nên chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý.

Một số doanh nghiệp xác định thuế TNDN hiện hành theo cách tính của cơ quan thuế và ghi nhận vào báo cáo tài chính để cho khớp với cách tính cơ quan thuế. Các doanh nghiệp vẫn chưa thực sự chủ động trong việc tính toán và ghi nhận thuế TNDN theo quy định của chế độ kế toán và tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của doanh nghiệp.

Trình độ hiểu biết và ý thức chấp hành pháp luật về thuế TNDN của doanh nghiệp còn nhiều hạn chế. Một số các doanh nghiệp đã cố tình gian lận, khai man, trốn thuế hoặc cố tình chây ì trong việc nộp thuế. Một số doanh nghiệp cố ý lợi dụng các khe hở của pháp luật hiện hành để tìm mọi thủ đoạn, dưới mọi hình thức gian lận thuế, trốn thuế, cố tình dây dụa, nợ thuế.

Một số doanh nghiệp thường xuyên thay đổi nhân viên kế toán, do vậy, khi nhân viên kế toán mới vào phải mất một thời gian đào tạo mới nắm bắt được tình hình hoạt động của doanh nghiệp và khó khăn trong việc theo dõi và phân bổ chính xác các khoản chi phí.

Về phía Cục thuế và các chi cục Thuế Ninh Bình

Do hàng năm số lượng doanh nghiệp mới tăng nhiều, đồng thời cũng có khá nhiều các doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, đóng cửa, bỏ trốn. Một số doanh nghiệp không thực hiện các thủ tục khai báo với cơ quan thuế khi tạm ngừng và chấm dứt hoạt động kinh doanh. Vì vậy, công tác quản lý và thu thuế của cơ quan thuế gặp khó khăn nhất định.

Những năm gần đây, công tác tuyên truyền, hướng dẫn giải thích các chính sách thuế có bước tiến đáng kể, đặc biệt trong giai đoạn chuyển đổi từ hóa đơn giấy sang hóa đơn điện tử, điều này được thể hiện ở việc triển khai thành hệ thống hóa đơn điện tử trong toàn tỉnh. Tuy nhiên, công tác tuyên truyền còn dàn trải, chưa tập trung cụ thể vào nhóm đối tượng cụ thể cho nên chưa thực sự đem lại hiệu quả là sự hiểu biết cho toàn bộ kế toán của các doanh nghiệp trong tỉnh.

Đội ngũ thanh tra thuế còn thiếu và một số cán bộ thuế còn hạn chế về năng lực, chưa chủ động trong công việc dẫn đến hiệu quả thực hiện trong công tác thanh tra và kiểm tra thuế chưa cao, số lượng hồ sơ thanh tra còn tồn đọng lớn.

Thái độ và phong cách ứng xử của một số cán bộ thuế chưa thật sự khách quan, tận tụy, công tâm với người nộp thuế. Một số cán bộ quản lý thuế chưa thực sự hỗ trợ doanh nghiệp khi gặp vướng mắc, một số nhỏ còn gây phiền hà, sách nhiễu doanh nghiệp, gây lãng phí thời gian và tổn kém tiền bạc của doanh nghiệp.

2.2.2.3 Nguyên nhân

***) Về phía Nhà nước**

Về hệ thống chính sách thuế:

Hệ thống chính sách thuế vẫn còn lồng ghép với nhiều chính sách xã hội khác, còn tồn tại nhiều mức miễn giảm thuế làm hạn chế tính trung lập, không đảm bảo công bằng giữa các đối tượng nộp thuế, dễ phát sinh tiêu cực, làm phức tạp công tác quản lý thuế.

Hệ thống chính sách thuế chưa thực sự đảm bảo bình đẳng, công bằng xã hội về nghĩa vụ thuế, còn có sự phân biệt về thuế suất, điều kiện ưu đãi thuế, mức ưu đãi và thời gian miễn giảm thuế giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Khi xây dựng và ban hành chính sách thuế, cơ quan quản lý Nhà nước chưa nhận thức hết phạm vi điều chỉnh của từng sắc thuế và chưa lường hết các trường hợp sẽ phát sinh trong quá trình phát triển của nền kinh tế thị trường. Trong quá trình thực hiện chưa sâu sát thực tế, chưa phát hiện và đề xuất kịp thời các biện pháp khắc phục... Bên cạnh đó, một số chính sách còn mang nặng tính áp đặt hành chính, ví dụ trong quy định về giá chuyển nhượng, cơ quan thuế có quyền sử dụng dữ liệu quản lý của cơ quan thuế để xác định giá thị trường ấn định cho doanh nghiệp nhưng khi doanh nghiệp yêu cầu cung cấp thông tin đã sử dụng để xác định giá thị trường thì cơ quan thuế từ chối cung cấp với lý do cơ quan thuế phải bảo mật thông tin doanh nghiệp do đó cũng không rõ dữ liệu cơ quan thuế lựa chọn để ấn định có thực sự tương đồng với dữ liệu của doanh nghiệp hay không.

Về cơ chế điều hành chính sách thuế:

Nội dung các sắc thuế còn phức tạp, cơ chế quản lý thuế chưa được quy định rõ ràng trong các văn bản quy phạm pháp luật.

Thủ tục hành chính thuế còn rườm rà, gây khó khăn cho các doanh nghiệp. Các chính sách về thuế thường xuyên thay đổi, doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tìm hiểu, cập nhật các văn bản quy định mới về thuế TNDN, nhất là trong bối cảnh một loạt các văn bản mới được ban hành cùng lúc. Do việc cập nhật các quy định mới trong chế độ kế toán thuế TNDN chưa kịp thời dẫn đến việc xác định và ghi nhận thuế TNDN trong một số trường hợp chưa chính xác.

Nhiều công văn trả lời cho doanh nghiệp còn mang tính nguyên tắc, không rõ ràng, dẫn đến có nhiều cách hiểu khác nhau khiến doanh nghiệp khó thực hiện

Về Luật thuế TNDN:

Hệ thống chính sách thuế còn nhiều bất cập, thường xuyên thay đổi, thiếu tính ổn định, chưa đồng bộ và sát với thực tế gây khó khăn cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện. Một số chính sách giữa các văn bản còn chưa đồng nhất và các văn bản sửa đổi, bổ sung nhiều. Sự khó hiểu của các thuật ngữ trong các quy định của Luật thuế hay trong chế độ kế toán tạo ra sự nhầm lẫn, khó hiểu cho người làm công tác kế toán thuế và cơ quan thuế.

Thông thường để Luật thuế TNDN thực hiện được, cần rất nhiều thông tư và công văn, văn bản hướng dẫn. Điều này khiến hệ thống pháp luật về thuế quá phức tạp, dễ hiểu theo nhiều cách khác nhau và gây khó khăn cho doanh nghiệp. Các chính sách và thủ tục thuế thay đổi tương đối nhanh chóng khiến các doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc nắm thông tin và thực hiện. Mặc dù nhiều thay đổi là cần thiết, có xu hướng tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, nhưng những sửa đổi này nếu được hệ thống hóa và cung cấp kịp thời cho các doanh nghiệp thì sẽ giúp các doanh nghiệp nắm bắt các văn bản mới và thực hiện một cách dễ dàng hơn.

Dù đã cố gắng hoàn thiện nhưng Luật thuế TNDN vẫn còn tồn tại sự thiếu minh bạch. Sự thiếu minh bạch đó thể hiện ở chỗ khi xác định chi phí hợp lý. Chi phí được coi là chi phí hợp lý, được loại trừ ra khỏi thu nhập chịu thuế được quy định là các khoản chi liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Có những khoản chi phí doanh nghiệp cho là có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, có đầy đủ hóa đơn chứng từ nhưng cơ quan thuế cho là không liên quan và vẫn bị xuất toán, và chính những sự không rõ ràng này dẫn đến những tiêu cực trong công tác quản lý thuế.

Ngoài ra, nguyên nhân tình trạng thất thu ngân sách vẫn còn diễn ra, đặc biệt là các doanh nghiệp kinh doanh thương mại và dịch vụ bán lẻ, hay khách sạn, nhà hàng... do cơ sở kinh doanh cố tình thực hiện không đúng quy định về hóa đơn, chứng từ và do thói quen khi tiêu dùng các hàng hóa, dịch vụ liên quan đến các lĩnh vực trên khách hàng thường không lấy hóa đơn khi thanh toán. Lợi dụng điểm này, đơn vị, doanh nghiệp không xuất hóa đơn, hoặc dùng hóa đơn thừa

ra để bán cho các đơn vị, doanh nghiệp khác đồng nghĩa với việc kê khai doanh thu với cơ quan thuế không chính xác.

***) Về phía Cục thuế và các Chi cục thuế Ninh Bình**

Năng lực, trình độ quản lý thuế còn có những điểm chưa đáp ứng so với yêu cầu quản lý thuế hiện đại, khoa học.

Công tác thanh tra, kiểm tra xử lý các hành vi vi phạm về thuế TNDN của Cục thuế và các Chi cục thuế Ninh Bình chưa được đặt đúng tâm và chưa phù hợp với thực trạng, trong khi nhận thức trách nhiệm tuân thủ Luật thuế của các doanh nghiệp chưa cao. Chất lượng kiểm tra còn hạn chế, chưa phát hiện và có biện pháp ngăn chặn kịp thời hành vi gian lận trong việc tính thuế, kê khai thuế, gian lận thuế. Chức năng và quyền hạn của thanh tra, kiểm tra thuế còn bị bó hẹp chưa trở thành công cụ có hiệu lực để chống thất thu thuế và răn đe, ngăn chặn các hành vi vi phạm về thuế.

Chi cục thuế còn chậm cập nhật các chính sách thuế mới cho các doanh nghiệp, dẫn đến người kê khai thuế chưa được trang bị kiến thức đầy đủ và kịp thời Việc áp dụng các chính sách thuế của các cán bộ thuế ở chi cục không nhất quán với quy định hoặc cán bộ thuế giải thích không rõ ràng làm doanh nghiệp lúng túng khi thực hiện.

Việc tuyên truyền giáo dục, hướng dẫn giải thích chính sách thuế thuế TNDN chưa thường xuyên, liên tục để nâng cao tính tuân thủ, tự nguyện, nâng cao trách nhiệm pháp luật về thuế. Do hoạt động tuyên truyền hỗ trợ của cơ quan thuế còn hạn chế nên doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện các quy định mới; giữa doanh nghiệp và cán bộ thuế còn chưa sâu sát, tư tưởng của đa số cán bộ thuế chưa thực sự đổi mới trong quá trình làm việc với người nộp thuế, vẫn còn một số ít cán bộ thuế còn gây khó khăn cho doanh nghiệp.

Một bộ phận cán bộ quản lý thuế trình độ hiểu biết và thực thi về chính sách thuế TNDN còn hạn chế chưa đáp ứng yêu cầu quản lý hiện đại và yêu cầu cải cách hành chính trong quản lý thu. Thái độ và phong cách ứng xử của cán bộ thuế còn có một số trường hợp chưa thật tận tụy, công tâm, khách quan giữa quyền lợi của nhà nước với quyền lợi của đối tượng nộp thuế. Chưa trở thành người bạn đồng hành đáng tin cậy của các đối tượng nộp thuế trong việc thực hiện các luật thuế.

***) Về phía doanh nghiệp**

Các doanh nghiệp chưa nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng trong việc xây dựng kế hoạch nộp thuế hiệu quả, cũng như xây dựng quy trình quản lý các chi phí được trừ và chi phí không được trừ khi xác định thuế TNDN phải nộp.

Tình trạng trốn thuế, lậu thuế, gian lận về thuế vẫn còn diễn ra, một số doanh nghiệp còn cố ý, tìm mọi thủ đoạn, dưới mọi hình thức gian lận các khoản tiền thuế phải nộp.

Các phương tiện vật chất kỹ thuật phục vụ cho công tác kế toán thuế TNDN của một số doanh nghiệp hiện nay vẫn chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của công tác kế toán thuế TNDN, một số doanh nghiệp chưa lập kế hoạch sản xuất, xây dựng định mức sản xuất, dẫn đến cách tập hợp chi phí đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ, đánh giá hàng tồn kho chưa phù hợp.

Bên cạnh đó, trong điều kiện kinh tế khó khăn như hiện nay, việc đào tạo bồi dưỡng nhân viên tốn kém nhiều chi phí của doanh nghiệp. Nên việc đào tạo cho nhân viên kế toán chưa được nhiều doanh nghiệp quan tâm đúng mức. Đồng thời, nhân viên kế toán tại một số doanh nghiệp ít được các doanh nghiệp cho đi tập huấn các chính sách mới về kế toán thuế TNDN.

Trình độ, năng lực chuyên môn của một số kế toán viên vẫn còn hạn chế. Họ chưa thực sự hiểu mục đích của công tác kế toán thuế TNDN trong hệ thống kế toán của doanh nghiệp.

Do nhiều kế toán thuế TNDN ngại kê khai tờ khai và hạch toán sổ sách rắc rối, phức tạp, lo ngại khi bị thanh tra, kiểm tra thuế, ghi nhận và hạch toán không đúng đối tượng sẽ phải điều chỉnh số liệu, bị truy thu thuế và tính tiền phạt. Cho nên họ tính và xác định doanh thu, chi phí và lợi nhuận kế toán theo quy định của Luật thuế.

Kết luận chương 2

Trong chương 2, trên cơ sở nghiên cứu Luật thuế TNDN, Chuẩn mực kế toán thuế TNDN, chế độ kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hành, cùng với các các quả khảo sát thực trạng công tác tác kế toán thuế TNDN đối với các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh Ninh Bình tác giả đã thực hiện: Đánh giá ưu điểm, hạn chế nói chung trong luật Thuế TNDN, chuẩn mực, chế độ kế toán có ảnh hưởng đến thực trạng công tác kế toán thuế của Tỉnh Ninh Bình. Tác giả đưa ra những nguyên nhân của những hạn chế. Từ những nguyên nhân này là cơ sở quan trọng để tác giả đưa ra những giải pháp và kiến nghị ở chương 3.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN THUẾ TNDN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH

3.1. Phương hướng hoàn thiện tình hình thực hiện công tác kế toán thuế TNDN

3.1.1 Phương hướng hoàn thiện Luật Kế toán

Luật Kế toán nên được xây dựng dựa trên các nguyên tắc cơ bản của kế toán và không đi quá sâu vào các quy định cụ thể, chi tiết và cần phải tính đến yếu tố phát triển và hội nhập và ứng dụng công nghệ thông tin.

Luật Kế toán ban hành phải phù hợp với nền kinh tế thị trường, hướng tới mục tiêu tiệm cận được với quy định quốc tế về kế toán.

Luật kế toán phải đảm bảo tính đồng bộ và bao quát toàn bộ các quy định liên quan đến kế toán. Luật kế toán phải quy định được các quy định chung của kế toán gồm khái niệm, thuật ngữ, nội dung cơ bản của công tác kế toán cũng như các loại hình kế toán chuyên ngành đặc thù ... có như vậy mới mới có sự thống nhất trong tất cả các văn bản pháp quy liên quan đến kế toán.

Luật kế toán cần thể hiện được quy định về đạo đức nghề nghiệp nhằm ngày càng nâng cao hơn nữa, tạo ra tính chuyên nghiệp của những người làm công tác kế toán.

3.1.2 Phương hướng hoàn thiện chuẩn mực kế toán

- Hệ thống chuẩn mực kế toán phải được xây dựng phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, trong đó đặc biệt là Luật Kế toán. Ngoài ra xây dựng trên cơ sở có tham chiếu và có sự độc lập nhất định đối với chính sách Thuế, tài chính nhằm đảm bảo tính trung lập của thông tin kế toán đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin đa số chủ thể có liên quan đến đơn vị kế toán

- Hệ thống chuẩn mực kế toán được hoàn thiện và bổ sung trên cơ sở phù hợp với thực tiễn nền kinh tế và trình độ quản lý của Việt Nam hiện hành, đảm bảo tính hợp lý và đã đi vào đời sống kế toán của các đơn vị cũng như người làm công tác kế toán. Đồng thời tiếp cận những vấn đề mới mà hệ thống chuẩn mực hiện hành chưa bao quát hết. Hệ thống chuẩn mực kế toán cần phải phù hợp với thực tiễn kinh tế và trình độ quản lý của Việt Nam hiện hành, phù hợp với thông lệ quốc tế. Chuẩn mực cần phải đảm bảo tính định hướng và dự báo cho các giai đoạn tiếp theo của nền Kinh tế Việt Nam, tiếp nhận có chọn lọc những vấn đề cập nhật nhất của hệ thống báo cáo tài chính quốc tế.

3.1.3 Phương hướng hoàn thiện hệ thống kế toán doanh nghiệp

Các phương hướng hoàn thiện kế toán doanh nghiệp như sau:

- Hoàn thiện chế độ kế toán doanh nghiệp dựa trên định hướng, chiến lược chung về phát triển kế toán, kiểm toán từng thời kỳ. Hệ thống kế toán doanh nghiệp là một bộ phận của hệ thống kế toán doanh nghiệp, cho nên cần tuân theo các quy định của kế toán, để đáp ứng yêu cầu, mục tiêu điều hành và quản lý của Nhà nước. Theo góc độ vi mô, hệ thống kế toán doanh nghiệp cũng sẽ tuân theo các nguyên tắc, phương pháp kế toán trong tổng thể hệ thống kế toán doanh nghiệp.

- Hoàn thiện hệ thống kế toán doanh nghiệp cần đảm bảo phù hợp với sự hội nhập quốc tế: Thông tin do kế toán cung cấp có giá trị pháp lý khi tuân thủ các quy định của khu vực, quốc tế cũng như phản ánh được các điều kiện kinh tế cụ thể của Việt Nam. Mặc dù, hệ thống kế toán doanh nghiệp là sự hướng dẫn, cụ thể hóa Luật kế toán, Hệ thống chuẩn mực kế toán nhưng cũng không nên xây dựng một cách quá chi tiết dẫn đến tuy thực hiện có thể dễ dàng nhưng sự cập nhật, đáp ứng yêu cầu phát triển sẽ khó khăn hơn.

- Hòa và thống nhất với các chính sách tài chính: Hệ thống kế toán doanh nghiệp nhằm mục tiêu điều hành và quản lý, cho nên cần hòa và thống nhất với các chính sách tài chính khác như thuế, tài chính ngân hàng, hải quan... nhằm hướng tới để vừa thuận lợi cho những người thực hiện cũng như cung cấp được thông tin trung thực và hợp lý nhất.

- Hoàn thiện hệ thống kế toán doanh nghiệp phải tính đến yếu tố “mở” và tính chủ động: Khi hệ thống kế toán doanh nghiệp quy định cụ thể, chi tiết sẽ dẫn đến việc khó bao quát hết được các nghiệp vụ phát sinh của doanh nghiệp, nhất là trong điều kiện nền kinh tế Việt Nam đã và đang phát triển mạnh như hiện nay. Điều này sẽ dẫn đến các doanh nghiệp nhiều lúc không được phép chủ động mà phải chờ sự hướng dẫn tiếp theo về giải quyết các vướng mắc này mới thực hiện được. Hơn nữa việc cứng nhắc, khuôn mẫu trong các quy định sẽ dẫn đến tính mất chủ động của những người làm công tác kế toán.

3.2. Một số giải pháp hoàn thiện kế toán thuế TNDN đối với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

3.2.1 Đối với doanh nghiệp

- Xây dựng kế hoạch nộp thuế TNDN

Doanh nghiệp nên xây dựng kế hoạch nộp thuế TNDN thông qua việc tìm kiếm các phương thức, giải pháp về thuế khác nhau để xác định thời điểm, nội dung giao dịch để tối ưu hóa số thuế phải nộp của doanh nghiệp. Chẳng hạn

như: thay đổi phương pháp tính thuế, phương pháp hạch toán hàng tồn kho, phương pháp tính giá xuất kho, phương pháp khấu hao, vận dụng các chính sách ưu đãi thuế... Lập kế hoạch nộp thuế là một việc có ý nghĩa và mang tầm chiến lược đối với doanh nghiệp. Đây là việc làm nhằm tối ưu hoá số thuế TNDN phải nộp nằm trong khuôn khổ pháp luật không phải là tìm cách trốn thuế. Để có thể xây dựng kế hoạch nộp thuế có hiệu quả đòi hỏi người lập kế hoạch thuế phải có trình độ chuyên môn am hiểu sâu sắc về Luật thuế, chế độ kế toán thuế và có cái nhìn bao quát bức tranh tổng thể về bản chất và giao dịch kinh doanh của doanh nghiệp.

- Quản lý các chi phí được trừ và chi phí không được trừ khi xác định thuế TNDN phải nộp

Đảm bảo các khoản chi phải có đầy đủ hóa đơn chứng từ và có liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và đảm bảo đúng quy định về thanh toán.

Xây dựng quy trình, thủ tục để kiểm soát các khoản chi không hóa đơn (như chi phí tiền lương, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí thuê nhà...) chứng minh nó là khoản chi thực tế tại doanh nghiệp theo quy định của từng loại.

Loại bỏ các chi phí không hợp lý, hợp lệ (như các chi phí khoản chi không sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, các khoản chi vượt mức tiêu hao hợp lý hoặc vượt mức quy định, chi khấu hao đối với tài sản cố định và các khoản chi không đúng đối tượng...)

- Kiểm soát chi phí và nâng và cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kiểm soát chi phí, lập kế hoạch sản xuất và phân tích biến động chi phí nhằm phát hiện ra những bất hợp lý và kịp thời điều chỉnh kịp thời. Đồng thời xác định và phân loại các loại chi phí trong doanh nghiệp để xây dựng phương pháp quản lý phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp.

Hoàn thiện phương pháp xác định và phân bổ chi phí, xây dựng hệ thống bảng định mức chi phí mang tính tiên tiến để phục vụ cho việc lập kế hoạch, kiểm tra và đánh giá quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hoàn thiện các tiêu chuẩn phân bổ chi phí phù hợp với nội dung của từng yếu tố chi phí cần phân bổ. Bởi vì lựa chọn tiêu chuẩn phân bổ thích hợp và khoa học sẽ làm cho giá thành, giá vốn và kết quả kinh doanh trung thực và hợp lý.

Hoàn thiện các quy định đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh của đơn vị góp phần vào cho công tác tính giá thành sản phẩm được chính xác, từ đó xác định giá bán sản phẩm phù hợp.

Xây dựng bộ máy kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và điều kiện trang thiết bị của đơn vị. Từ đó xây dựng mối liên kết chặt chẽ giữa các bộ phận và phòng kế toán trong quá trình cung cấp và xử lý thông tin, các bộ phận phải có sự phối hợp trong mối liên hệ cung cấp thông tin liên quan, tạo thành một hệ thống thông tin linh hoạt và cập nhật giữa các bộ phận trong doanh nghiệp. Có như vậy thì hệ thống kế toán và hệ thống sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mới hoạt động hiệu quả.

- Đào tạo, nâng cao trình độ, năng lực của đội ngũ kế toán

Do chính sách về kế toán, thuế TNDN trong những năm gần đây thường xuyên thay đổi, bổ sung, cập nhật để phù hợp với tình hình kinh tế của nước ta và phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế. Vì vậy để đảm bảo chất lượng của kế toán viên thì các doanh nghiệp nên cập nhật những kiến thức mới, những chế độ kế toán mới cho các kế toán viên, trong đó có kiến thức liên quan đến thuế, kế toán thuế TNDN. Có nhiều hình thức để có thể làm được điều này như thông qua các buổi đào tạo nội bộ cử kế toán tham dự các buổi tập huấn chính sách mới về thuế TNDN của Cơ quan thuế, các hiệp hội nghề nghiệp kế toán, kiểm toán, thuế, hoặc các cơ sở đào tạo uy tín.

Bên cạnh đó, để tự đứng vững trên thị trường lao động ngày càng có sự lựa chọn cạnh tranh, các kế toán phải tự tìm tòi học hỏi, cập nhật những kiến thức mới về thuế, kế toán TNDN để phục vụ tốt hơn cho công tác chuyên môn. Việc cập nhật và học tập này phải thường xuyên và liên tục, song song với việc thực hành làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức bởi chỉ một chút sơ suất là sẽ gây thiệt hại có thể lớn cho doanh nghiệp và tổn hại đến kinh tế, uy tín của bản thân. Vì vậy, các doanh nghiệp cũng cần phải thường xuyên nhắc nhở và tạo mọi điều kiện để các nhân viên kế toán của mình có thể tự học tập nâng cao trình độ.

3.2.2 Đối với Cục thuế, các chi cục thuế tại Ninh Bình

Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn giải thích chính sách thuế TNDN để nâng cao tính tuân thủ, tự nguyện, nâng cao trách nhiệm pháp luật về thuế. Để thực hiện được điều này cơ quan thuế có thể thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, cơ quan quản lý thu và nhiều hình thức phong phú khác nhằm mục tiêu các đối tượng nộp thuế hiểu biết đầy đủ các chính sách thuế, chấp

hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Tăng cường tham vấn cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư, các cơ quan, tổ chức trong việc xây dựng, hoàn thiện các quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực về thuế TNDN để phục vụ tốt hơn, tạo thuận lợi hơn cho cộng đồng doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh.

Xây dựng quy trình liên thông trong giải quyết các hồ sơ, thủ tục đối với doanh nghiệp, thực hiện đồng thời các thủ tục thanh quyết toán thuế và các thủ tục khác, trong đó xác định rõ trách nhiệm và thời hạn cụ thể của doanh nghiệp và cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện các thủ tục này.

Thường xuyên mở các đợt tập huấn các chính sách thuế TNDN mới cho các doanh nghiệp. Hướng dẫn kịp thời, đầy đủ các thủ tục kê khai, tính thuế, lập hồ sơ miễn, giảm thuế, quyết toán thuế và nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước để các đối tượng nộp thuế tự mình thực hiện tốt các nghĩa vụ thuế với Ngân sách Nhà nước. Giảm thiểu các sai sót do không hiểu biết gây ra.

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra về thuế nhằm ngăn ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm về thuế. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra. Ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm về thuế TNDN. Tăng cường trách nhiệm, quyền hạn kiểm tra, kiểm soát của Chi cục thuế, trước và sau khi doanh nghiệp kê khai nộp thuế để đảm bảo các luật thuế được thực thi nghiêm chỉnh.

Phải thực hiện phân loại doanh nghiệp theo mức độ rủi ro về thuế để phục vụ cho công tác thanh tra, kiểm tra. Bám sát quy định của Tổng cục thuế và thực tế các doanh nghiệp, đơn vị do Cục thuế và chi cục thuế quản lý. Phân loại các đối tượng nộp thuế như trên sẽ không gây phiền hà cho người nộp thuế mà ngược lại sẽ làm cho các đối tượng nộp thuế chấp hành nghiêm chỉnh chính sách thuế, đồng thời tạo điều kiện cho các cơ quan bảo vệ pháp luật phát hiện và xử lý kịp thời vi phạm chính sách thuế.

Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao năng lực, trình độ quản lý thuế cho cán bộ công chức thuế, đáp ứng yêu cầu quản lý thuế hiện đại và khoa học. Đặc biệt cán bộ thuế cần nâng cao trình độ tin học để thực hiện thanh tra, kiểm tra trên các phương tiện điện tử để thực hiện công việc nhanh chóng, tiết kiệm và hiệu quả. Rút ngắn thời gian kiểm tra cho cả cơ quan thuế và của doanh nghiệp.

Tăng cường giáo dục phẩm chất đạo đức, nghề nghiệp, thái độ phục vụ tận tụy, công tâm khách quan, phong cách làm việc khoa học cho cán bộ, công chức thuế. Thực hiện luân chuyển cán bộ và luân phiên công việc để chống các tiêu cực nảy sinh trong công tác quản lý thuế.

3.3 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện kế toán thuế TNDN đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

3.3.1 Về phía Nhà nước

- Bộ tài chính

Các văn bản quy phạm pháp luật về thuế kiến nghị Bộ Tài chính xem xét, trình cấp có thẩm quyền rà soát, hoàn chỉnh hệ thống pháp luật quản lý thuế theo hướng đồng bộ, đơn giản và phù hợp với thông lệ quốc tế. Trên cơ sở đó, có những bổ sung, hoàn thiện Luật Kế toán, chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán thuế TNDN.

Kiến nghị với các Bộ, ngành có liên quan trong việc chủ động, tích cực trong thực hiện nhiệm vụ hoàn thiện thể chế về đầu tư, kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính, đăng ký doanh nghiệp, thủ tục đầu tư. Đồng thời, triển khai nhiều giải pháp quyết liệt, từng bước xóa bỏ các rào cản đối với môi trường đầu tư, kinh doanh.

Mọi chế độ kế toán thuế, thuế áp dụng cho các doanh nghiệp trước khi ban hành, Bộ tài chính nên cho khảo sát từ phía cộng đồng doanh nghiệp, hiệp hội các doanh nghiệp, hội nghề nghiệp kế toán, kiểm toán và thuế... để ban hành chính sách phù hợp với thực tiễn, khi thực hiện tránh gặp phải những vướng mắc và phản ánh từ phía doanh nghiệp.

Khi ban hành các văn bản theo thẩm quyền, kiến nghị Bộ xem xét kỹ các văn bản của nhà nước cấp trên, các văn bản gốc có trước để có sự thống nhất, tránh việc mâu thuẫn và chồng chéo lên nhau (ví dụ như thông tư hướng dẫn vẫn có sự không thống nhất với nghị định của Chính Phủ, quyết định không thống nhất với chuẩn mực kế toán...); cần hạn chế các văn bản sửa đổi, gây rất nhiều khó khăn cho người sử dụng là doanh nghiệp và các bên liên quan. Các văn bản nên có lộ trình sử dụng dài hạn, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp ổn định làm việc.

- Tổng cục Thuế

Rà soát và chỉnh sửa các hệ thống công nghệ thông tin trong ngành thuế. Hiện nay vẫn còn khá nhiều lỗi trong quá trình sử dụng, các hệ thống kê khai thuế thường xuyên ra các bản cập nhật gây nhiều và khó khăn cho người sử

dụng. Đặc biệt các hệ thống kê khai nên tiện ích hơn, dễ sử dụng và tinh gọn hơn, hạn chế lỗi xử lý dữ liệu ở thời điểm nhiều người truy cập. Thiết lập kết nối toàn diện mạng tin học giữa các cơ quan thuế, hải quan, doanh nghiệp, kho bạc, ngân hàng và các tổ chức liên quan khác phục vụ cho công tác quản lý thuế.

- Về phía Cục thuế và Chi cục thuế Ninh Bình

Cục thuế Ninh Bình:

Xây dựng đội ngũ công chức chuyên nghiệp, sáng tạo, trách nhiệm, chấp hành nghiêm túc chính sách, pháp luật của Nhà nước, kỷ cương, kỷ luật của ngành thuế. Cán bộ thuế không tự ý yêu cầu người nộp thuế cung cấp thêm hồ sơ, thủ tục ngoài quy định, giải đáp kịp thời những khó khăn, vướng mắc để người nộp thuế yên tâm sản xuất, kinh doanh.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ công chức. Đào tạo đội ngũ cán bộ am hiểu về vai trò, nội dung của chính sách thuế TNDN trong cơ chế thị trường.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về thuế và tin học hóa trong mọi công tác chuyên môn nhằm tạo hiệu quả tốt nhất trong công việc. Xử lý nghiêm các trường hợp gây khó khăn, phiền hà, những nhiễu đối với các doanh nghiệp trong việc giải quyết hồ sơ kê khai nộp thuế và hoàn thuế TNDN của doanh nghiệp.

Các chi cục thuế Ninh Bình

- Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính:

Công khai các quy định, hồ sơ, thủ tục, quy trình nghiệp vụ về thuế TNDN. Niêm yết công khai các hồ sơ, thủ tục, quy định tại trụ sở Chi cục thuế, trên trang website của chi cục thuế để các doanh nghiệp chủ động tìm hiểu và áp dụng theo đúng quy định.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính để giảm bớt và rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính về thuế, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế. Thường xuyên kiểm tra các quy trình, quy định để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những tồn tại, thiếu sót trong thực hiện thủ tục hành chính. Xử lý nghiêm các trường hợp gây khó khăn, phiền hà, những nhiễu đối với các doanh nghiệp trong việc giải quyết hồ sơ kê khai nộp thuế và hoàn thuế TNDN của doanh nghiệp.

Thường xuyên rà soát và kiến nghị với Cục thuế, Tổng cục thuế để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của pháp luật theo hướng bãi bỏ, cắt giảm

những điều kiện, thủ tục hành chính không cần thiết, không phù hợp, gây khó khăn, chậm trễ, phiền hà cho doanh nghiệp.

- *Nâng cao công tác tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế.*

Chú trọng công tác tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế, tổ chức các lớp tập huấn chính sách thuế cho người nộp thuế, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật thuế đến doanh nghiệp. Tăng cường công tác đối thoại với doanh nghiệp, người nộp thuế để kịp thời nắm bắt và giải đáp những khó khăn, vướng mắc mà doanh nghiệp gặp phải trong công tác kế toán thuế, tạo điều kiện tốt nhất cho các doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh.

□ *Về công tác kê khai và nộp thuế điện tử.*

Phối hợp với các Ngân hàng thương mại đã ký thỏa thuận hợp tác triển khai dịch vụ nộp thuế điện tử để nâng cao chất lượng dịch vụ nộp thuế điện tử.

Tăng cường phối hợp với các Ngân hàng thương mại trên địa bàn thực hiện công tác tuyên truyền, hỗ trợ để mở rộng cung cấp dịch vụ nộp thuế điện tử cho các doanh nghiệp mới thành lập.

Về công tác nợ đọng thuế TNDN.

Thường xuyên theo dõi, rà soát, phân tích, đối chiếu, phân loại nợ thuế để kịp thời tuyên truyền, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về thuế, áp dụng các biện pháp cưỡng chế đối với các doanh nghiệp cố tình chây ì, trốn tránh nghĩa vụ nộp thuế.

Triển khai đồng bộ các giải pháp trong công tác quản lý nợ, đôn đốc thu hồi nợ thuế, đảm bảo tính công khai, minh bạch, công bằng, tác động tích cực đến các doanh nghiệp khác tự giác nộp số thuế nợ đọng.

□ *Công tác thanh tra – kiểm tra.*

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chống thất thu về thuế. Kiểm tra xử lý hóa đơn của doanh nghiệp không còn kinh doanh tại địa chỉ đăng ký, kiểm tra xác minh các tổ chức, doanh nghiệp có các giao dịch đáng ngờ, đặc biệt doanh nghiệp thường xuyên thay đổi trụ sở, phát hành số lượng lớn các hóa đơn, giá trị giao dịch lớn. Đồng thời, không thực hiện các hành vi nhũng nhiễu, phiền hà đối với các tổ chức, doanh nghiệp khi tiến hành thanh tra, kiểm tra. Tránh trường hợp kiểm tra trùng lặp, cùng một nội dung mà có nhiều đoàn thanh tra, kiểm tra.

3.3.2. Về phía các doanh nghiệp

Doanh nghiệp cần xây dựng kế hoạch nộp thuế hiệu quả, doanh nghiệp phải lập phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, xác định lợi nhuận trong từng thời kỳ từ đó nỗ lực gia tăng doanh thu, kiểm soát chi phí chặt chẽ.

Kế toán doanh nghiệp cần xác định các phương pháp, xây dựng quy trình, thủ tục để quản lý các chi phí được trừ và chi phí không được trừ khi xác định thuế TNDN phải nộp. Đảm bảo các khoản chi phát sinh thực tế tại doanh nghiệp và là các khoản chi có đầy đủ đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

Các doanh nghiệp cần chủ động, thường xuyên cập nhật chế độ kế toán, các quy định pháp luật có liên quan đến chính sách thuế nói chung và chính sách thuế TNDN nói riêng, vì chính sách thuế có ảnh hưởng thường xuyên đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Hiện nay, các doanh nghiệp được thực hiện theo cơ chế tự khai thuế, tự nộp và tự chịu trách nhiệm, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa có doanh thu hàng năm dưới 20 tỷ đồng được khai và nộp thuế theo quý. Đồng thời, theo Thông tư 151/2014/TT-BTC, ngày 10/10/2014 của Bộ tài chính, kể từ ngày 15/11/2014, doanh nghiệp không cần phải nộp tờ khai thuế TNDN tạm tính quý mà chỉ nộp số tiền thuế TNDN tạm tính quý nếu có phát sinh vào NSNN. Cho nên các doanh nghiệp phải nâng cao ý thức, tự giác trong việc kê khai và nộp thuế, tránh chậm so với quy định để không bị cơ quan thuế gửi thông báo về việc phạt vi phạm thủ tục hành chính về thuế và tiền phạt chậm nộp thuế nếu có phát sinh.

Doanh nghiệp cần cử lãnh đạo, nhân viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, đối thoại doanh nghiệp của Chi cục thuế tổ chức để kịp thời nắm bắt các chính sách, pháp luật mới về thuế TNDN, đồng thời nêu lên những đóng góp, ý kiến vướng mắc cần được cơ quan thuế giải đáp. Trên cơ sở các vướng mắc này Chi cục thuế sẽ nghiên cứu hoặc kiến nghị với Cục thuế Tỉnh hoặc Tổng cục Thuế để hoàn thiện hơn các văn bản, chính sách pháp luật về thuế TNDN, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp hoàn thành các nghĩa vụ thuế.

Kế toán các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp mới thành lập cần thường xuyên cập nhật chế độ kế toán, chú trọng đến các kiến thức liên quan đến kế toán thuế TNDN. Doanh nghiệp nên cử kế toán viên tham gia các buổi tập huấn chính sách thuế mới do cơ quan thuế tổ chức

thường xuyên, bởi vì chính sách về thuế TNDN trong những năm gần đây thường xuyên được bổ sung, thay đổi.

3.3.3. Về phía các tổ chức đào tạo và hội nghề nghiệp

Các trường đại học, cao đẳng và các tổ chức đào tạo thiết kế chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của nước ta và thường xuyên cập nhật những chính sách pháp luật mới về kế toán thuế nói chung và thuế TNDN nói riêng để bổ sung vào chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp, đảm bảo cung cấp cho doanh nghiệp nguồn nhân lực có chất lượng, có chuyên môn, am hiểu công việc của kế toán thuế.

Tổ chức hội nghề nghiệp là cầu nối giữa cơ quan Nhà nước, cộng đồng doanh nghiệp và người làm công tác kế toán, do đó hội nghề nghiệp cần chủ động, tích cực, tham gia vào việc đóng góp ý kiến xây dựng, bổ sung, sửa đổi các chính sách, các văn bản pháp luật về tài chính, kế toán và thuế do Nhà nước soạn thảo trước khi ban hành để phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội nước ta và phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của các doanh nghiệp. Tập hợp, đoàn kết hội viên giúp đỡ nhau nâng cao năng lực công tác, trình độ chuyên môn nghiệp vụ kế toán thuế. Xây dựng, ban hành các tài liệu hướng dẫn các chính sách, quy trình nghiệp vụ kế toán thuế mới cho hội viên. Giáo dục hội viên chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp Nhà nước, giữ gìn và nâng cao đạo đức nghề nghiệp.

3.3.4 Về phía người làm công tác kế toán

Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật, các hệ thống kế toán và các thông tư, nghị định về thuế để có kiến thức và hiểu biết sâu sắc phục vụ tốt hơn cho công tác kế toán thuế TNDN, đặc biệt hiểu rõ các quy định về hóa đơn, chứng từ, doanh thu, chi phí, các khoản chi phí hợp lý được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

Tham gia các buổi tập huấn chính sách mới về thuế TNDN của Cơ quan thuế tổ chức để kịp thời nắm rõ các chính sách, quy định mới về thuế TNDN.

Không ngừng học tập, tự đào tạo và trao dồi kiến thức để phục vụ tốt hơn cho công việc chuyên môn.

Kết luận chương 3

Hoàn thiện kế toán thuế TNDN tại các doanh nghiệp nói chung và trên địa bàn tỉnh Ninh Bình nói riêng là cả một quá trình và không chỉ là trách nhiệm của riêng Nhà nước mà còn là trách nhiệm và sự đồng thuận góp sức từ phía cộng đồng các doanh nghiệp, các hiệp hội và cả người làm công tác kế toán.

Từ những cơ sở lý luận về kế toán thuế TNDN được nghiên cứu ở chương 1 và thực trạng áp dụng kế toán thuế TNDN tại các doanh nghiệp trên địa bàn, được nghiên cứu ở chương 2 là cơ sở để tác giả đưa ra các giải pháp và kiến nghị để hoàn thiện công tác kế toán thuế TNDN tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp và các kiến nghị nêu trên sẽ mang lại lợi ích cho cả Cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp và người làm công tác kế toán. Giúp cho cơ quan thuế thuận lợi trong việc kiểm soát, quản lý thu thuế TNDN, giúp cho doanh nghiệp minh bạch thông tin kế toán, tạo thuận lợi cho DN kê khai nộp thuế và quyết toán thuế TNDN dễ dàng, nhanh chóng.

KẾT LUẬN CHUNG

Trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và trong nước đang khó khăn và phục hồi chậm do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 như hiện nay đòi hỏi các ngành, các cấp phải tích cực, chủ động phân tích, đánh giá tình hình để có các giải pháp ứng phó thích hợp. Chính sách thuế, chuẩn mực và chế độ kế toán thuế TNDN là một cần được nhà nước, doanh nghiệp quan tâm để góp phần đạt được hiệu quả kinh doanh, tăng nguồn nguồn cho ngân sách nhà nước và đáp ứng yêu cầu thông tin cho những người quan tâm. Kế toán thuế TNDN sẽ thực sự hoàn thiện khi hệ thống chính sách thuế, pháp luật về thuế TNDN và cơ chế tài chính hoàn thiện và đồng bộ, sát với yêu cầu thực tiễn đặt ra.

Sau một thời gian nghiên cứu từ cơ sở lý luận đến thực tiễn, tác giả đã phân tích, đánh giá để đưa ra một số giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế TNDN đối với các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh Ninh Bình. Với những kết quả nghiên cứu của đề tài này tác giả hy vọng sẽ góp phần mang lại những nội dung mở rộng, góp phần cho công tác thu và quản lý thuế TNDN cho các cấp nhà nước cũng như hoàn thiện kế toán thuế TNDN cho các doanh nghiệp không chỉ ở phạm vi tỉnh Ninh Bình, mà có thể cho các doanh nghiệp Việt Nam.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính, 2005. “*Chuẩn mực kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp*”.
2. Bộ Tài chính, 2014. Thông tư 200/2014/TT-BTC, “*Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp*”.
3. Bộ Tài chính, 2019. Thông tư 66/VBHN-BTC, “*Hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp*”
4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2022. Thông tư 06/2022/TT-BKHĐT, “*Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*”
5. Bộ Tài Chính, 2016. Thông tư số: 133/2016/TT-BTC, “*Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán DN nhỏ và vừa*”.
6. Bộ Tài chính, 2015. Thông tư 96/2015/TT-BTC, “*Hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính*”.
7. Chính phủ, 2021. Nghị định 80/2021/NĐ-CP, “*Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*”
8. Nguyễn Lê Diễm Thúy (2006). *Kế toán thuế TNDN – Thực trạng và giải pháp hoàn thiện*, Luận văn thạc sỹ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Hồ Chí Minh.
9. Phan Thị Sen (2013). *Giải pháp hoàn thiện Kế toán thuế TNDN – Nghiên cứu tại các doanh nghiệp trên địa bàn TP. HCM*, Luận văn thạc sỹ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Hồ Chí Minh.
10. Trần Thị Kim Dung (2013). *Kế toán thuế TNDN tại các doanh nghiệp trên địa bàn Quận 7, TP. HCM – Thực trạng và giải pháp hoàn thiện*, Luận văn thạc sỹ kinh tế, Đại học Kinh tế Hồ Chí Minh.
11. Nguyễn Thị Mộng Thơ (2013). *Kế toán thuế TNDN trên địa bàn Quận 1, TP. HCM – Thực trạng và giải pháp hoàn thiện*, Luận văn thạc sỹ kinh tế, Đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh.
12. Vũ Thị Kim Oanh (2019). *Kế toán thuế TNDN tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Tân Hưng Hà*, Luận văn thạc sỹ kế toán, Trường Đại học Lao động – Xã hội.

PHỤ LỤC

Phiếu khảo sát dành cho các doanh nghiệp

Kính gửi Quý Doanh nghiệp.

Nhằm mục đích phục vụ cho việc nghiên cứu để hoàn thành đề tài nghiên cứu khoa học, nhóm tác giả xin được phép thu thập một số thông tin và ý kiến của Quý Doanh nghiệp về “Công tác kế toán thuế TNDN hiện nay”. Vì vậy, nhóm tác giả rất mong Quý anh/ chị dành chút thời gian để điền vào phiếu khảo sát này. Mỗi ý kiến đánh giá quý báu của Quý anh/ chị có giá trị và ý nghĩa rất lớn đối với nhóm tác giả trong quá trình hoàn thành đề tài. Nhóm tác giả xin cam kết tất cả các thông tin Quý anh/ chị cung cấp chỉ được sử dụng cho mục đích nghiên cứu trong phạm vi đề tài này. Trong quá trình hoàn thành phiếu khảo sát này, Quý anh/ chị có bất kỳ thắc mắc liên quan xin vui lòng liên lạc với chủ nhiệm đề tài qua Email: dttha.kt@hluv.edu.vn hoặc số điện thoại: 0989490552

Chân thành cảm ơn.

I. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Câu 1: Anh/ chị vui lòng cho biết một số thông tin về công ty.

Tên công ty:.....

Địa chỉ công ty:.....

Số điện thoại công ty:.....

Email:.....

Ngành nghề kinh doanh:

Câu 2: Anh/chị vui lòng cho biết loại hình doanh nghiệp của công ty anh/ chị.

- Doanh nghiệp tư nhân.
- Công ty trách nhiệm hữu hạn.
- Công ty hợp danh.
- Công ty cổ phần.
- Công ty Nhà nước.
- Công ty liên doanh.
- Công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 3: Anh/chị vui lòng cho biết chức vụ/vị trí trong công ty của anh/chị

- Chủ tịch hội đồng quản trị.
- Ban giám đốc (bao gồm giám đốc và phó giám đốc)
- Kế toán trưởng
- Khác:

II. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Câu 4: Anh/ chị vui lòng cho biết công ty anh/chị đang áp dụng chế độ kế toán nào?

- Thông tư 200
- Thông tư 133

Câu 5: Doanh nghiệp anh/ chị có áp dụng Chuẩn mực kế toán thuế TNDN (VAS 17) vào công tác kế toán tại doanh nghiệp anh/ chị?

- Có
- Không

Câu 6: Doanh nghiệp anh/ chị có hài lòng với việc hỗ trợ khai thuế qua mạng hiện nay không?

- Có
- Không

Câu 7: Doanh nghiệp anh/ chị có hài lòng với việc nộp thuế điện tử không?

- Có
- Không

Câu 8: Doanh nghiệp anh/ chị có được hưởng ưu đãi về thuế TNDN không? (Nếu có, xin anh/ chị vui lòng cho biết anh/ chị thuộc hình thức ưu đãi nào?).

- Có
- Không

Câu 9: Hiện nay, doanh nghiệp anh/ chị tính tiền thuế TNDN tạm nộp hàng quý như thế nào?

- Lập báo cáo tài chính quý
- Tạm tính dựa các số liệu hiện có trên phần mềm kế toán
- Ước tính dựa trên chi phí liên quan và hóa đơn mua vào, bán ra
- Khác:.....

Câu 10: Trường hợp khi phát hiện sai sót về doanh thu, chi phí và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước. Doanh nghiệp anh/ chị làm như thế nào?

- Điều chỉnh lại sổ sách và báo cáo tài chính của các năm trước
- Hạch toán tăng (hoặc giảm) số thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Bỏ qua và không điều chỉnh
- Khác:.....

Câu 11: Trong 5 năm trở lại đây, doanh nghiệp anh/ chị có được cơ quan thuế kiểm tra, quyết toán thuế TNDN không?

- Có
- Không

Số lần doanh nghiệp anh/chị được cơ quan thuế kiểm tra, quyết toán thuế TNDN?

Câu 12: Doanh nghiệp anh/ chị có xây dựng bảng tính định mức chi phí sản xuất và lập kế hoạch sản xuất không?

- Có
- Không

Câu 13: Hàng năm doanh nghiệp anh/ chị có tham gia các buổi đối thoại giữa doanh nghiệp và cơ quan thuế không?

- Có
- Không

Câu 14: Hàng năm doanh nghiệp anh/ chị có cử nhân viên kế toán tham gia các buổi hội thảo, tập huấn chính sách thuế và hướng dẫn quyết toán thuế TNDN do cơ quan thuế tổ chức không?

- Có
- Không

Câu 15: Công ty anh/ chị có gặp phải khó khăn trong quá trình làm Báo cáo quyết toán thuế TNDN không?

- Có
- Không

Nếu có, xin anh/ chị cho biết đó là những khó khăn gì?

.....

.....

.....

.....

Câu 16: Anh/ chị vui lòng cho biết đánh giá của anh/ chị về các phát biểu sau.
(Anh/ chị đánh dấu X vào ô tương ứng)

Các phát biểu	Mức độ đồng ý				
	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Vừa phải	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Chính sách thuế TNDN hiện nay có hiệu quả trong việc cắt giảm thời gian hoàn thành các thủ tục về thuế TNDN cho doanh nghiệp anh/chị.					
Các thủ tục, chính sách thuế TNDN được cơ quan thuế công khai, minh bạch.					
Các quy định về thuế TNDN hiện nay doanh nghiệp có khả năng am hiểu.					
Hệ thống nộp thuế điện tử hữu ích cho doanh nghiệp.					
Gửi tờ khai quyết toán thuế TNDN qua mạng nhanh chóng, tiện lợi.					
Thời gian để làm thủ tục miễn giảm hoặc gia hạn nộp thuế TNDN hiện nay được rút ngắn.					
Thông tin trên website của cơ quan thuế giúp ích cho doanh nghiệp anh/ chị.					
Cán bộ thuế sẵn sàng hỗ trợ doanh nghiệp khi gặp khó khăn/ vướng mắc.					
Thái độ phục vụ của công chức thuế hiện nay doanh nghiệp anh/ chị đánh giá là tốt.					

Câu 17: Các doanh nghiệp thường có xu hướng xác định lợi nhuận của kế toán gần giống với thu nhập chịu thuế của cơ quan thuế để giảm bớt chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế do cơ quan thuế tính khi quyết toán thuế TNDN. Doanh nghiệp anh/ chị có theo xu hướng này không?

- Có
- Không

Câu 18: Doanh nghiệp anh/ chị có xây dựng kế hoạch nộp thuế TNDN không?

- Có
- Không

Câu 19: Doanh nghiệp anh/ chị có xây dựng quy trình quản lý các chi phí được trừ và chi phí không được trừ khi xác định thuế TNDN phải nộp không?

- Có
- Không

Câu 20: Hiện nay, Nhà nước đang có các chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp phát triển. Doanh nghiệp anh/ chị cần được hỗ trợ những chính sách nào? (Có thể chọn nhiều đáp án)

- Giảm thuế suất thuế TNDN
- Giảm tỷ lệ trích nộp các khoản bảo hiểm bắt buộc Cải cách thủ tục hành chính về thuế
- Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp vay vốn Giảm lãi suất vay vốn của các tổ chức tín dụng
- Khác:.....

Câu 21: Doanh nghiệp anh/ chị có nợ đọng thuế TNDN trên 6 tháng không?

Câu hỏi mở.

Câu 22. Anh/ chị vui lòng cho biết công tác kế toán thuế TNDN ở doanh nghiệp anh/ chị hiện nay còn có những khó khăn như thế nào? Theo anh/ chị việc trích lập trích lập quỹ phát triển khoa học công nghệ có hữu ích không?

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 23. Theo anh/ chị những khó khăn trên xuất phát từ những nguyên nhân nào (Vui lòng cho biết nguyên nhân chủ quan và khách quan)?

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 24: Theo anh/ chị cần thêm những giải pháp nào nhằm nâng cao hiệu quả công tác kế toán thuế TNDN hiện nay?

.....
.....
.....
.....
.....

Câu 25. Anh/ chị có đề xuất những kiến nghị nào nhằm hoàn thiện kế toán thuế TNDN hiện nay?

.....
.....
.....
.....

Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ và hợp tác của quý Anh/Chị.